

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

TRẦN QUANG CÔNG

CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI,
TỔ CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

TRẦN QUANG CÔNG

CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI,
TỔ CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY

Ngành: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước

Mã số: 9 31 02 02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Người hướng dẫn chính: PGS, TS NGUYỄN XUÂN PHONG

Người hướng dẫn phụ: PGS, TS TRẦN THỊ HƯƠNG

HÀ NỘI - 2024

Luận án đã được chỉnh sửa theo khuyến nghị của Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ cấp Học viện.

Hà Nội, ngày.... tháng... năm 2024

Chủ tịch Hội đồng

PGS,TS Hoàng Phúc Lâm

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

Trần Quang Công

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	7
1.1 Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài.....	7
1.2 Các công trình nghiên cứu ở trong nước.....	10
1.3 Đánh giá chung về kết quả nghiên cứu các công trình liên quan và định hướng nghiên cứu của luận án.....	37
CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY	41
2.1. Đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy, ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy.....	41
2.2. Khiếu nại, tố cáo và công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy	56
CHƯƠNG 3: CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM.....	89
3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng.....	89
3.2. Thực trạng công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng.....	103
3.3. Nguyên nhân và kinh nghiệm.....	129
CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG THỜI GIAN TỚI.....	139
4.1. Những nhân tố thuận lợi, khó khăn tác động và phương hướng, yêu cầu thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng thời gian tới.....	139
4.2. Những giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng thời gian tới....	150
KẾT LUẬN.....	175
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	177

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1. Số lượng, cơ cấu ban chấp hành đảng bộ tỉnh, ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy đầu nhiệm kỳ ở Đồng bằng sông Hồng nhiệm kỳ 2015-2020.....	99
Bảng 3.2. Số lượng, cơ cấu ban chấp hành đảng bộ tỉnh, ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy đầu nhiệm kỳ ở Đồng bằng sông Hồng nhiệm kỳ 2020-2025.....	100
Bảng 3.3. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng nhiệm kỳ 2015-2020.....	106
Bảng 3.4. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng năm 2021, 2022.....	107
Bảng 3.5. Công tác giải quyết đơn thư tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng nhiệm kỳ 2015-2020.....	111
Bảng 3.6. Công tác giải quyết đơn thư tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng năm 2021, 2022.....	112

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BTVTU : Ban thường vụ tỉnh ủy

BVTQ : Bảo vệ Tổ quốc

CT - XH : Chính trị - xã hội

CNXH : Chủ nghĩa xã hội

ĐBSH : Đồng bằng sông Hồng

HTCT : Hệ thống chính trị

KN, TC : Khiếu nại, tố cáo

KT - XH : Kinh tế - xã hội

MTTQ : Mặt trận Tổ quốc

PTLD : Phương thức lãnh đạo

QPAN : Quốc phòng an ninh

UBKT : Ủy ban kiểm tra

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (KN, TC) trong Đảng là biện pháp hữu hiệu ngăn chặn sai phạm, tăng cường và giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng. Theo quy định của Đảng, ủy ban kiểm tra (UBKT) các cấp có thẩm quyền giải quyết KN, TC trong Đảng. Việc tăng cường công tác giải quyết KN, TC là nội dung quan trọng, cần thiết để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên; giải quyết những vấn đề tư tưởng, những vướng mắc trong dư luận xã hội và nội bộ tổ chức đảng; xây dựng và củng cố đoàn kết trong Đảng, đồng thuận trong xã hội.

Công tác giải quyết KN, TC của UBKT các cấp thời gian qua đã cơ bản bảo đảm được hệ thống các nguyên tắc, thủ tục cũng như quy trình; kết luận đúng, sai giúp cho cá nhân bị tố cáo, kỷ luật nhận thấy khuyết điểm và có biện pháp để sửa chữa, khắc phục; kịp thời minh oan cho những trường hợp bị vu cáo; giúp cho các tổ chức đảng đánh giá đúng, kịp thời tình hình đội ngũ cán bộ, đảng viên đồng thời đề ra các giải pháp giúp đỡ, bồi dưỡng, rèn luyện và bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ một cách phù hợp với năng lực, trình độ. Những trường hợp qua việc giải quyết tố cáo cần phải được xử lý, kỷ luật đã có kết luận rõ về cả nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, cũng như đánh giá nguyên nhân vi phạm và đưa ra biện pháp xử lý theo đúng quy định, phương hướng, phương châm, nguyên tắc trong Đảng.

Hiện nay, tình hình tố cáo của công dân, đảng viên đối với đảng viên ngày càng gia tăng, nội dung tập trung chủ yếu vào trách nhiệm người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý. Việc KN, TC vượt cấp ở một số địa phương diễn biến phức tạp. Tình hình vi phạm trong công tác quản lý, công tác cán bộ chưa được ngăn chặn làm ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân và đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng là nguyên nhân khiến cho số lượng vụ việc tố cáo có

xu hướng gia tăng. Ngoài ra, trước mỗi kỳ Đại hội, các thế lực thù địch tăng cường các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, đẩy mạnh âm mưu lôi kéo cán bộ, làm chia rẽ mất đoàn kết nội bộ trong Đảng, tình trạng đơn thư KN, TC, phát tán thông tin không đúng sự thật...nhằm mục đích chính trị diễn ra phức tạp.

Để xác minh làm rõ các vấn đề, ổn định dư luận xã hội, việc giải quyết KN, TC kỷ luật đảng cần phải được quan tâm thực hiện một cách nghiêm túc, kịp thời. Nhưng thực tế thời gian qua, một số trường hợp giải quyết KN, TC còn có những vi phạm, sai phạm trong quá trình giải quyết. Việc giải quyết tố cáo còn có trường hợp chưa triệt để, chưa công tâm, khách quan, toàn diện, xuất hiện "lợi ích nhóm" trong giải quyết đơn thư KN, TC.

Công tác kiểm tra, giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) những năm qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở ĐBSH đã tiến hành thực hiện các hoạt động kiểm tra tương đối toàn diện và có hiệu quả đối với các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm là kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết nhanh, kịp thời đối với đơn thư KN, TC. Qua kiểm tra đã kết luận rõ những ưu, khuyết điểm vi phạm của tập thể, cá nhân, xử lý kịp thời vi phạm, kiến nghị thu hồi tiền của và hiện vật thất thoát. Những kết quả đạt được đã góp phần vào việc giữ vững những nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt của Đảng, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và sự đoàn kết trong Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng cũng như ý thức trách nhiệm của đội ngũ đảng viên. Tuy nhiên, hiện nay công tác KN, TC ở các tỉnh ĐBSH diễn biến phức tạp, tập trung vào các lĩnh vực như tài chính, đất đai, công tác cán bộ ... trong khi việc giải quyết đơn thư KN, TC còn nhiều hạn chế như xác định thẩm quyền giải quyết, một số vụ việc giải quyết chưa đúng quy định, quá thời hạn giải quyết, bỏ sót, bỏ lọt thông tin tài liệu chứng cứ quan trọng, thực hiện không đúng, không đầy đủ Điều lệ Đảng, các quy định

của Đảng, các chuẩn mực ứng xử và đạo đức trong thi hành kỷ luật và giải quyết KN, TC trong Đảng. Bên cạnh đó, nhận thức của một số cấp uỷ về công tác kiểm tra, đặc biệt là công tác giải quyết đơn thư KN, TC còn hạn chế, một số UBKT chưa chú trọng việc thực hiện kiểm tra, giải quyết KN, TC một cách quyết liệt, hiệu quả. Những vấn đề này đã làm cho tình trạng KN, TC kéo dài, vượt cấp, lợi dụng KN, TC để bôi nhọ, hạ bệ nhau... gây mất đoàn kết trong tổ chức đảng cũng như hệ thống chính trị.

Đồng bằng sông Hồng bao gồm 11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tương ứng với đó là 02 Đảng bộ thành phố trực thuộc Trung ương (Hà Nội, Hải Phòng) và 09 đảng bộ tỉnh. Hà Nội và Hải Phòng là hai thành phố trực thuộc Trung ương có điều kiện kinh tế - xã hội (KT - XH) đặc thù và có số lượng đảng bộ trực thuộc Thành uỷ lớn (Hà Nội gồm 50 đảng bộ trực thuộc, Hải Phòng gồm 35 đảng bộ trực thuộc), do đó, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu công tác giải quyết đơn thư KN, TC ở 09 tỉnh thuộc ĐBSH có điều kiện KT - XH và số đảng bộ trực thuộc tỉnh uỷ tương đồng nhau.

Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng nói chung và để thực hiện tốt, hiệu quả công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh uỷ ở ĐBSH nói riêng được xác định là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Vì thế tác giả chọn **“Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh uỷ ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay”** làm luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu của luận án

Trên cơ sở làm rõ những lý luận về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh uỷ ở ĐBSH, luận án phân tích, đánh giá thực trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh uỷ ở ĐBSH, từ đó đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác này thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.
- Luận giải làm rõ những vấn đề lý luận về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.
- Khảo sát, đánh giá thực trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH từ năm 2015 đến nay.
- Đề xuất phương hướng, giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- Về nội dung: Công tác giải quyết đơn thư KN, TC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của UBKT tỉnh ủy .
- Về không gian: Luận án khảo sát, nghiên cứu thực trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH gồm 9 tỉnh: Bắc Ninh, Hà Nam, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thái Bình, Vĩnh Phúc.
- Về thời gian: Luận án khảo sát, nghiên cứu thực trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến nay và định hướng giải pháp đến năm 2035.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, công tác giải quyết đơn thư KN, TC của Đảng.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của luận án là thực trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC của 09 UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH từ năm 2015 đến nay.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Luận án có sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể: lịch sử kết hợp logic, phân tích kết hợp tổng hợp, diễn dịch, quy nạp, khảo sát, thống kê, tổng kết thực tiễn, dự báo, điều tra xã hội học,... Trên cơ sở phương pháp trên, trong từng nội dung nghiên cứu cụ thể, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Sau đây là những phương pháp nghiên cứu chủ yếu luận án sử dụng trong nghiên cứu:

- *Phương pháp lịch sử kết hợp logic*: Luận án sử dụng phương pháp này phân tích, đánh giá và so sánh thực trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy; từ đó, đánh giá cụ thể công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH về nhận thức, nội dung, phương pháp, kết quả, sự lãnh đạo, chỉ đạo.

- *Phương pháp phân tích kết hợp tổng hợp*: Phương pháp này được sử dụng để thu thập, tổng hợp và phân tích các tư liệu và dữ liệu khoa học liên quan đến công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy: những văn kiện, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, văn bản của Nhà nước, nghị quyết, báo cáo tổng kết của các địa phương, đơn vị về công tác giải quyết đơn thư KN, TC, các sách, báo, tạp chí đề cập đến công tác giải quyết đơn thư KN, TC.

- *Phương pháp điều tra xã hội học*: khảo sát ý kiến của cán bộ diện ban thường vụ tỉnh ủy quản lý, đảng viên đảng bộ tỉnh ở ĐBSH đảm bảo tính khách quan trong đánh giá, nhận định và đề xuất kiến nghị, giải pháp. Luận án đã khảo sát tại 09 tỉnh ủy ở ĐBSH với 300 phiếu, số phiếu thu về có đầy đủ thông tin hợp lệ là 286 phiếu. Nội dung khảo sát về nhận thức và đánh giá công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

- *Phương pháp thống kê so sánh*: Luận án sử dụng các số liệu thống kê để phân tích và so sánh, sắp xếp các tài liệu, số liệu, sự kiện... có được trong quá trình nghiên cứu, tiếp cận thông tin nhằm đưa ra những kết luận về thực

trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

- *Phương pháp dự báo*: Trên cơ sở kết hợp phương pháp dự báo định tính và định lượng, luận án dự báo những tác động từ những biến động của tình hình trong nước đến thực hiện công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH. Từ đó, đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH thời gian tới.

5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

- Xác định khái niệm, nội dung công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

- Đề xuất giải pháp mới, khả thi nhằm thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH hiện nay: nâng cao trách nhiệm của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy (BTVTU) và cán bộ làm công tác kiểm tra của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH về công tác giải quyết KN, TC; Đề xuất chính sách, chế tài xử lý kỷ luật đảng nghiêm minh, chính xác, kịp thời, đảm bảo bình đẳng về quyền lợi đối với cán bộ, đảng viên.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Luận án góp phần tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH hiện nay.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cấp ủy tỉnh, thành phố ở ĐBSH trong thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh, thành ủy về công tác kiểm tra; đồng thời có thể dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu các chuyên đề, môn Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam; môn Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng trong các trường chính trị tỉnh, các trường thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Jean Michel De Forges (2002), sách *Droit administratif (Luật hành chính)* [90]. Khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, tác giả cho rằng, công dân (người bị quản lý) bao giờ cũng có thể gửi đơn khiếu nại phi tố tụng (*recours gralieux*) đến chính nhà chức trách đã ra quyết định để yêu cầu sửa đổi, bãi bỏ hoặc thu hồi một văn bản hành chính không những chỉ vì những lý do về tính hợp pháp mà cả lý do về tính hợp lý.

Edwin Felter (2003), *Complaint resolution system of the US administration (Hệ thống giải quyết khiếu kiện hành chính ở Hoa Kỳ)* [74]. Theo kinh nghiệm của nhiều nước công nghiệp phát triển, các khiếu kiện hành chính của dân phải được giải quyết khách quan và độc lập với bộ máy hành chính, bình đẳng giữa người bị khiếu nại (người đã ban hành quyết định hành chính) và người khiếu nại, công khai và minh bạch trong quá trình giải quyết, bảo đảm kỷ cương trong thực hiện pháp luật. Để bảo đảm và thực hiện tốt các nguyên tắc này, việc thành lập hệ thống các cơ quan tài phán hành chính là cần thiết. Tài phán hành chính ở Hoa Kỳ là một hệ thống cơ quan trực thuộc bộ máy hành pháp nhưng bảo đảm sự độc lập với hệ thống các quản lý hành chính, có chức năng giải quyết các khiếu nại hành chính. Người có khiếu nại hành chính có quyền khiếu nại quyết định giải quyết của tài phán hành chính lên thanh tra cấp bang hoặc khởi kiện ra tòa hành chính.

Berry, B. (2004), *Organisational culture: a framework and strategies for facilitating employee whistleblowing (Văn hóa tổ chức: Một khuôn khổ và các chiến lược để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tố cáo của người lao động)*, [37]. Bài viết đã chỉ ra 7 nhân tố cụ thể trong văn hoá tổ chức của doanh

nghiệp ảnh hưởng tới việc bảo vệ người tố cáo, đó là: văn hoá trách nhiệm, sự cam kết của tổ chức, tính tín nhiệm vào vận hành tổ chức, trách nhiệm giải trình, các quyền hạn được phân bổ một cách hợp lý, văn hoá thúc đẩy lòng can đảm, và các lựa chọn.

Michael Adler, Christopher Farrell, Steven Finch, Jane Lewis, Dan Philo (2006), *Administrative Grievances: A developmental Study (Khiếu kiện hành chính: Nghiên cứu phát triển)* [105]. Bài viết chỉ rõ, các cơ quan hành chính, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính ban hành rất nhiều quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính có khả năng xâm phạm đến quyền, lợi ích của công dân. Vì vậy, tìm ra những đổi mới nhằm nâng cao chất lượng công tác ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính cũng như những giải pháp hữu hiệu để giải quyết khiếu kiện hành chính là vô cùng quan trọng.

Trương Tuấn (2015), *Vấn đề chống tham nhũng dưới góc nhìn triết học* [147]. Bài viết cho rằng, muốn chống tham nhũng phải nắm vững quan điểm, lập trường và phương pháp của triết học Mác, cần tư duy biện chứng về quy luật tham nhũng để chống tham nhũng. Chống tham nhũng ở Trung Quốc trước hết phải xuất phát từ thực tế, tiến hành phân tích biện chứng về hiện trạng; phân tích nguyên nhân nảy sinh vấn đề từ góc độ triết học Mác, đồng thời vận dụng nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử về lộ trình chống tham nhũng.

Đặng Kiếm Vĩ, Trương Diễm (2016), *Cách thức nâng cao độ minh bạch của chính phủ - Phương pháp gợi ý của Xingapo* [163]. Bài viết nghiên cứu về độ minh bạch của chính phủ trên bình diện lý luận, tạo dựng khung phân tích lý luận, tiến hành phân tích cách thức nâng cao độ minh bạch của Chính phủ Singapore trên 5 bình diện: chính đảng và người chấp chính, chính sách pháp quy, xã hội văn hóa, tổ chức và năng lực của công dân, nền tảng xây dựng. Qua đó, tác giả tổng kết những gợi mở của Singapore đối với việc xây

dựng Chính phủ minh bạch của Trung Quốc, tức hoàn thiện luật pháp công khai thông tin, đảm bảo sự chấp hành luật pháp; bồi dưỡng văn hóa xã hội để tạo nên sự ủng hộ ngầm; cổ vũ người dân tham gia, nâng cao năng lực tham gia; thúc đẩy việc xây dựng chính quyền điện tử, làm phong phú kênh trao đổi thông tin.

Đào bua la Pha Ba Vông Phết (2017), chất lượng công tác kiểm tra của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong giai đoạn hiện nay, Luận án Tiến sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội [72]. Luận án đã làm rõ về cơ sở lý luận về công tác kiểm tra của Đảng Cộng sản, đánh giá thực trạng công tác kiểm tra của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, đồng thời cũng đánh giá những ưu điểm, hạn chế của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong chương thực trạng, từ đó xác định các giải pháp để nâng cao chất lượng công tác kiểm tra của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong giai đoạn hiện nay, một số giải pháp cũng đã đề cập đến cách thức, phương pháp, quy trình giải quyết KN, TC.

Đồng Anh (2021), *Sáu chiến dịch lớn chống tham nhũng: Thành tựu mới trong việc xây dựng một Trung Quốc trong sạch* [1]. Kể từ sau Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Ban Chấp hành Trung ương với hạt nhân là đồng chí Tập Cận Bình đã kiên trì triển khai công tác chống tham nhũng, chỉnh đốn tác phong, tuân thủ kỷ luật với phương châm “không có vùng cấm”, “toàn diện” và “không khoan nhượng”; thực hiện sâu rộng sáu chiến dịch lớn gồm “Đả hổ”, “Diệt ruồi”, “Săn cáo”, giám sát, cải cách và giáo dục; nghiêm túc “chữa trị” những “căn bệnh” làm tổn hại đến tính tiên tiến và tính thuần khiết của Đảng; thắng lợi áp đảo trong cuộc chiến chống tham nhũng; đạt được thành tựu mới trong việc xây dựng một Trung Quốc trong sạch.

Trương Á Như (2021), *Khảo sát lịch sử và gợi mở hiện thực của công cuộc chống tham nhũng bằng thể chế của Đảng Cộng sản Trung Quốc* [129]. Không ngừng đẩy mạnh và cải tiến hệ thống chống tham nhũng luôn là triết lý

và hành động nhất quán của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Lịch sử chứng minh rằng, chống tham nhũng bằng thể chế là mũi nhọn để thúc đẩy cuộc đấu tranh chống tham nhũng, đồng thời, cũng là một chỗ dựa quan trọng cho sự quản trị đảng nghiêm minh, toàn diện. Chống tham nhũng bằng thể chế là phương pháp chống tham nhũng thông qua việc củng cố xây dựng thể chế quốc gia để quyền và nghĩa vụ của mọi tầng lớp, tổ chức, cá nhân trong xã hội được điều chỉnh lại một cách hợp lý trên cơ sở tiền đề cơ bản phù hợp với bản chất và mục đích của chính quyền đó, giải quyết những hành vi tham nhũng do mâu thuẫn, xung đột, khiếm khuyết của thể chế đó tạo thành. Do vậy, trong kỷ nguyên mới cần xử lý đúng đắn các mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng với xây dựng thể chế, giữa xây dựng thể chế với chấp hành thể chế; nâng cao năng lực quản trị chống tham nhũng bằng thể chế, mở ra cục diện mới trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về khiếu nại, tố cáo

Nguyễn Hạnh (2005), *Hoàn thiện thủ tục pháp lý về giải quyết khiếu nại của công dân*, Luận án tiến sĩ Luật [78]. Luận án làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng của các thủ tục pháp lý về giải quyết khiếu nại của công dân, trên cơ sở đó đưa ra phương hướng hoàn thiện và đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm cho việc hoàn thiện thủ tục pháp lý về giải quyết khiếu nại của công dân ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Với những phân tích sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn, tài liệu trên giúp cho tác giả luận án đánh giá được công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo cả các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra và vận dụng vào công tác xây dựng Đảng.

Ngô Mạnh Toan (2007), *Hoàn thiện pháp luật khiếu nại, tố cáo trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam* [150]. Luận án hệ thống hóa những cơ sở lý luận về KN, TC; phân tích thực trạng giải quyết KN, TC ở nước ta; từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về KN, TC từ những yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Lê Tiến Hào (Chủ nhiệm) (2011), *khiếu nại, tố cáo hành chính - Cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp*, Đề tài độc lập cấp nhà nước, Thanh tra Chính phủ [80]. Đề tài nghiên cứu quyền KN, TC hành chính và giải quyết KN, TC của các cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt tập trung nghiên cứu cơ chế bảo đảm cho việc thực hiện quyền KN, TC hành chính trong thực tiễn quản lý hành chính nhà nước thông qua hệ thống quy định pháp luật về quyền KN, TC hành chính của công dân, cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về KN, TC hành chính. Để có cơ sở đối chiếu, so sánh, đề tài nghiên cứu cơ chế bảo đảm thực hiện KN, TC hành chính của công dân ở một số nước trên thế giới, chỉ ra những kinh nghiệm cần được nghiên cứu, tham khảo. Trong chương 1, khi phân tích kinh nghiệm nước ngoài về giải quyết KN, TC hành chính cho thấy, rất nhiều quốc gia không có đạo luật riêng về giải quyết tố cáo. Việc tiếp nhận và giải quyết tố cáo được quy định trong nhiều văn bản khác nhau, đặc biệt là nó liên quan trực tiếp đến vấn đề trách nhiệm công vụ và công tác phòng, chống tham nhũng. Đa số các quốc gia trên thế giới không xây dựng một đạo luật chung về tố cáo và giải quyết tố cáo, bởi vì các quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo thường được quy định ở các văn bản pháp luật chuyên ngành như tố cáo về đạo đức công vụ thường được quy định ở các quy định pháp luật về công chức, công vụ; tố cáo về tham nhũng được quy định trong luật phòng, chống tham nhũng... Ở các quốc gia thường có những quy định rất chặt chẽ về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo nhằm đảm bảo một quy trình giải quyết tố cáo có hiệu quả nhưng đồng

thời có khả năng bảo mật thông tin hạn chế việc tiết lộ thông tin, danh tính của người tố cáo. Các quốc gia có những quy định thiết lập khung pháp lý tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận, xử lý đơn thư tố cáo. Các quốc gia trên thế giới thường có các quy định pháp luật chặt chẽ để đảm bảo cho việc bảo vệ người tố cáo, nhân chứng và những người có liên quan; nội dung bảo vệ gồm: bảo vệ thân thể, sức khỏe, tính mạng của người tố cáo và nhân thân của họ, bảo vệ chỗ ở và nơi làm việc của người tố cáo, v.v.. Có thể nói, những nội dung của đề tài có ý nghĩa tham khảo rất bổ ích, thiết thực, giúp Luận án kế thừa và nghiên cứu, làm rõ những khía cạnh có liên quan đến công tác giải quyết đơn thư KN, TC.

Nguyễn Văn Kim (Chủ nhiệm) (2011), *Xử lý hành vi vi phạm Luật khiếu nại, tố cáo - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* [94]. Đề tài đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về vi phạm Luật KN, TC và xử lý hành vi vi phạm Luật KN, TC; đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện về thực trạng các quy định về vi phạm Luật KN, TC hiện nay cũng như thực trạng việc xử lý các vi phạm Luật KN, TC, qua đó thấy được những khó khăn, vướng mắc, những hạn chế, bất cập và những nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đó (nguyên nhân về quy định pháp luật, về tổ chức, thực hiện và những nguyên nhân khác); đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản pháp luật quy định xử lý các vi phạm pháp luật về KN, TC cũng như việc đổi mới cách thức tổ chức, thực hiện và nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, các cơ quan nhà nước trong việc phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm, góp phần bảo đảm trật tự, kỷ cương trong công tác giải quyết KN, TC và công tác quản lý nhà nước. Những giải pháp mà đề tài đưa ra nhằm nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm Luật KN, TC gồm: 1) Hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực KN, TC; 2) Nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và người dân về ý thức chấp hành pháp luật KN, TC; 3) Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giải quyết KN, TC; 4) Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan thanh tra nhà nước và sự phối hợp giữa cơ quan thanh tra nhà nước với cơ quan, tổ chức trong việc phát hiện, xử lý hành vi vi phạm Luật KN, TC; 5) Tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện Luật KN, TC; 6) Phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm Luật KN, TC; 7) Đổi mới nhận thức, nâng cao trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trong công tác tiếp công dân, giải quyết KN, TC, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo; 8) Tăng cường hoạt động giám sát để phát hiện các hành vi vi phạm Luật KN, TC của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức. Đây cũng là công trình khoa học làm căn cứ, cơ sở để Luận án nghiên cứu.

Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2011), *Cơ chế đảm bảo và bảo vệ quyền con người* [164]. Sách đã nghiên cứu, xác định và đưa ra nhận thức chung về cơ chế đảm bảo cũng như việc bảo vệ quyền con người; hệ thống các yếu tố tác động đến cơ chế đảm bảo và bảo vệ quyền con người; cơ chế bảo đảm cũng như việc bảo vệ nhân quyền của Liên hợp quốc, của các khu vực trên thế giới; cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người và một số lĩnh vực cụ thể ở Việt Nam, cho những nhóm người cụ thể. Cuốn sách đã giúp tác giả Luận án có cơ sở hiểu thêm những vấn đề lý luận cơ bản về cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền con người, thấy được cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền con người không chỉ là cơ chế mang tính nhà nước mà còn bao gồm cả cơ chế mang tính xã hội (cơ chế xã hội). Những cơ chế này được cấu thành từ hai yếu tố chính là thể chế và thiết chế. Bảo đảm, bảo vệ quyền con người cũng được thực hiện hiện theo các cấp độ khác nhau, toàn cầu, khu vực và từng quốc gia. Ở nước ta, về mặt thể chế, Nhà nước đã ban hành một hệ thống các văn bản pháp luật về các quyền con người về dân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Về mặt thiết chế, các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp đã ngày càng phát huy vai trò của mình trong việc bảo đảm, bảo vệ quyền con người. Các tổ chức chính trị - xã hội (CT - XH), tổ chức xã hội ở nước ta đã phản ánh khái quát nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân về bảo đảm, bảo vệ quyền con người cũng như phát huy vai trò giám sát việc thực hiện quyền con người của các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức. Trên cơ sở đó, giúp cho Luận án đi sâu nghiên cứu công tác giải quyết đơn thư KN, TC dưới góc độ lý luận về quyền và bảo vệ quyền.

Bùi Mạnh Cường, Nguyễn Thị Tô Uyên (Sưu tầm và tuyển chọn) (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo* [47]. Sách tập hợp tương đối đầy đủ các bài nói, bài viết, tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và qua đó thể hiện tư tưởng của Người về vấn đề tiếp công dân, đối thoại với công dân, giải quyết KN, TC cũng như

xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, chi bộ, tổ chức chính quyền để làm tốt công tác này. Có thể thấy, thế mạnh của cuốn sách là đã khai thác triệt để giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tiếp công dân và giải quyết KN, TC. Tuy nhiên, cuốn sách là một tập hợp các bài viết nên một số nội dung diễn đạt, ý tưởng, luận điểm có sự trùng lặp, các giải pháp đưa ra chưa đầy đủ và toàn diện.

Vũ Duy Duẩn (2014), Luận án tiến sĩ *Giải quyết khiếu nại, tố cáo - Phương thức bảo đảm pháp chế và kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay* của [51]. Luận án đã phân tích các quan điểm khác nhau về khiếu nại và phân tích pháp luật Việt Nam về khiếu nại tác giả đưa ra quan điểm khoa học về khiếu nại theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp và chỉ ra một số đặc điểm của khiếu nại hành chính; giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong lĩnh vực hành chính, phân biệt khiếu nại hành chính, tố cáo hành chính với KN, TC trong lĩnh vực tư pháp. Bằng những số liệu, dẫn chứng cụ thể, luận án chỉ ra thực trạng công tác KN, TC và thực trạng việc giải quyết KN, TC ở nước ta từ năm 1999 đến năm 2013 và chỉ ra nguyên nhân của tình trạng KN, TC, nguyên nhân của những kết quả, hạn chế, khiếm khuyết của việc giải quyết KN, TC. Luận án nêu lên một số quan điểm và giải pháp hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả giải quyết KN, TC nhằm bảo đảm pháp chế và kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Trong hệ thống giải pháp có một số giải pháp hay, được phân tích kỹ, đó là những nội dung quan trọng, có giá trị để tác giả Luận án tiếp thu và sử dụng trong một số giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH thời gian tới.

Mai Văn Duẩn (2015), bài viết “*Kinh nghiệm bảo vệ người tố cáo của Hàn Quốc*” [52]. Bài viết phân tích pháp luật về bảo vệ người tố cáo tại Hàn Quốc và kết quả tiếp nhận tố cáo và thực thi bảo vệ người tố cáo. Từ đó, tác giả

rút ra những kinh nghiệm có thể áp dụng vào việc hoàn thiện pháp luật, hoàn thiện thể chế bảo vệ người KN, TC ở Việt Nam hiện nay.

Trần Văn Duy (2017), bài viết “*Giải pháp hoàn thiện cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay*” [54]. Bài viết phân tích thực trạng cơ chế thực hiện quyền, nghĩa vụ của người KN, TC trong quá trình giải quyết KN, TC. Qua đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế giải quyết KN, TC. *Một là*, nghiên cứu những quy định, thống nhất về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính theo hướng đơn giản hóa, công khai, dân chủ, nhanh chóng, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân. *Hai là*, bóc tách thẩm quyền không theo hướng khép kín để đảm bảo tính khách quan, dân chủ. *Ba là*, tạo cơ chế tranh luận bình đẳng trong quá trình giải quyết KN, TC. Đây là những nội dung có giá trị mà Luận án cần kế thừa và phát triển khi đề xuất các giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH thời gian tới.

Nguyễn Quốc Văn, Vũ Công Giao (2017), *Bảo vệ người tố cáo trong pháp luật Việt Nam* [161]. Sách tập trung phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn về tố cáo và bảo vệ người tố cáo ở Việt Nam; trên cơ sở đó các tác giả đề xuất những quan điểm, giải pháp với các cơ quan nhà nước trong việc bổ sung khuôn khổ pháp luật hiện hành về bảo vệ người tố cáo ở nước ta. Ngoài ra, cuốn sách còn giới thiệu những khuyến nghị của Liên hợp quốc và một số tổ chức quốc tế về việc bảo vệ người tố cáo. Điểm nổi bật trong cuốn sách là các tác giả đã đưa ra 2 đề xuất, đó là: 1) Nghiên cứu làm rõ tình hình về bảo vệ người tố cáo; 2) Hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ người tố cáo. Luận án có thể tham khảo những đề xuất này trong việc hướng dẫn đội ngũ cán bộ kiểm tra về nghiệp vụ.

Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao, Đặng Minh Tuấn, Nguyễn Minh Tuấn (Đồng chủ biên) (2017), *Hoàn thiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở nước ta hiện nay* [136]. Sách tuyển chọn các bài viết của các tác giả đang

công tác tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thanh tra Chính phủ... nhằm giới thiệu các quy định của pháp luật về KN, TC; thực trạng hoạt động KN, TC và áp dụng pháp luật về KN, TC; đồng thời đóng góp những đề xuất, kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về KN, TC ở nước ta hiện nay. Cuốn sách là tài liệu tham khảo hữu ích để tác giả Luận án nghiên cứu và học tập.

Đinh Văn Minh (2018), bài viết *Bàn về tố cáo nặc danh và xử lý tố cáo nặc danh* của [108]. Bài viết chỉ ra 2 nguyên chủ yếu dẫn đến việc người tố cáo muốn giấu tên, đó là: người tố cáo lo sợ việc mình có thể bị trả thù, trù dập nên mặc dù rất muốn thông tin cho Nhà nước hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật để Nhà nước ngăn chặn và xử lý nhưng buộc phải giấu tên; người tố cáo với dụng ý không tốt muốn đưa tin thất thiệt, thậm chí bịa đặt những thông tin và bằng chứng giả mạo để vu cáo, vu khống người khác, có thể do thù hận cá nhân mà muốn triệt tiêu người khác, cũng có thể vì mục đích tư lợi, nhất là trong việc giành vị trí, chức vụ. Qua thực tiễn thi hành pháp luật cũng như quá trình nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật Tố cáo và các ý kiến thảo luận, có thể thấy việc xử lý đối với tố cáo nặc danh về cơ bản có hai luồng ý kiến khác nhau. Loại ý kiến thứ nhất cho rằng cần quy định không xử lý đơn thư tố cáo nặc danh và loại ý kiến thứ hai cho rằng mặc dù không quy định xử lý đơn tố cáo nặc danh nhưng cần cân nhắc trong những trường hợp cụ thể. Bài viết khẳng định, việc ghi nhận trách nhiệm buộc phải xem xét hay bác bỏ hoàn toàn việc xem xét tố cáo nặc danh đều là thiếu căn cứ xác đáng. Do vậy, cần quy định mềm mại và linh hoạt đối với loại tố cáo này trong từng trường hợp cụ thể. Những quy định trong những văn bản dưới luật từ trước đến nay về cơ bản là hợp lý và thể hiện tinh thần này. Tuy nhiên cần bổ sung trách nhiệm xử lý của các cơ quan khi nhận được tố cáo nặc danh. Cụ thể như sau: Nếu đơn tố cáo không ghi rõ, đầy đủ thông tin nhưng có nội dung rõ ràng, bằng chứng cụ thể, có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì người

đứng đầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ đưa ra quyết định việc xem xét, xử lý đơn tố cáo đó đồng thời chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Vì vậy, đây là nội dung có giá trị tham khảo chất lượng và được tác giả triển khai ở phần nội dung của Luận án.

Nguyễn Thị Hồng Thúy (2018), bài viết “*Quy định về bảo vệ người tố cáo ở một số quốc gia trên thế giới và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo vệ người tố cáo ở Việt Nam*” [143]. Bài viết đã phân tích kinh nghiệm của 3 quốc gia (Úc, Hoa Kỳ, Trung Quốc) trong việc xây dựng và áp dụng thành công các quy định của pháp luật về bảo vệ người tố cáo; từ đó đề xuất một số kiến nghị trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo vệ người tố cáo ở nước ta hiện nay. *Thứ nhất*, cân nhắc các quy định về tố cáo nặc danh. *Thứ hai*, bổ sung thêm quy định về bồi dưỡng thiệt hại, trong đó có nhất là những tổn thất về tinh thần khi người tố cáo thực hiện tiến hành tố cáo. *Thứ ba*, bổ sung thêm các điều khoản cũng như hình thức nhằm khuyến khích, động viên người tố cáo. *Thứ tư*, có những quy định cụ thể đối với các hình thức xử lý, kỷ luật hoặc có thể bảo vệ kịp thời trong những trường hợp không tiến hành, thực hiện các biện pháp bảo vệ người tố cáo, hoặc không tiếp nhận, xử lý các thông tin của người tố cáo. *Thứ năm*, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện yếu tố thể chế, cũng như các quy định của pháp luật về bảo vệ người tố cáo cũng như người thân của người tố cáo. *Thứ sáu*, đổi mới, tăng cường các biện pháp để bảo vệ bí mật thông tin của người tố cáo.

Lê Tiến Đạt (2021), Luận án tiến sĩ *Bảo vệ người tố cáo theo pháp luật hành chính ở Việt Nam* [55]. Luận án là làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về bảo vệ người tố cáo theo pháp luật hành chính; đánh giá thực trạng pháp luật về bảo vệ người tố cáo, thực trạng thực hiện bảo vệ người tố cáo theo pháp luật hành chính ở Việt Nam hiện nay; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ người tố cáo theo pháp luật hành chính ở Việt Nam trong thời gian tới.

Nguyễn Ngọc Bích (2021), bài viết “*Khiếu nại, tố cáo trong bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp*” [38]. Hoạt động bầu cử, KN, TC được coi là những quyền cơ bản của công dân, được quy định cụ thể, chi tiết trong Hiến pháp. Trong bài viết, tác giả đã đi phân tích các quy định mà pháp luật hiện hành quy định về KN, TC trong hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp đồng thời bài viết cũng đã đề xuất, kiến nghị một số giải pháp nhằm bảo đảm tính khả thi của các quy định về KN, TC trong bầu cử được.

Nguyễn Thị Thúy Hà (2023), bài viết *Xác định đối tượng khiếu nại hành chính - Thực trạng và giải pháp* [77]. Bài viết chỉ ra, trong thực tế, việc xác định đối tượng khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại còn gặp nhiều khó khăn và vướng mắc, cụ thể: *Thứ nhất*, chưa có sự thống nhất về khái niệm quyết định hành chính, hành vi hành chính. *Thứ hai*, nếu đã quy định đối tượng khiếu nại là quyết định kỷ luật đối với cán bộ, công chức thì nên quy định mở rộng đối tượng khởi kiện cũng là quyết định kỷ luật đối với cán bộ, công chức. *Thứ ba*, nên mở rộng đối tượng khiếu nại ngoài việc được khiếu nại quyết định kỷ luật đối với cán bộ, công chức thì cán bộ, công chức cũng có quyền khiếu nại đối với các quyết định quản lý hành chính khác của cơ quan hành chính nhà nước như: Quyết định nâng lương, hạ bậc lương, cho hưởng hoặc cắt chế độ chính sách... *Thứ tư*, mở rộng quyền khiếu nại đối với văn bản quy phạm pháp luật.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Nguyễn Văn Mạnh (2001), “*Giải quyết khiếu tố cáo của nhân dân - Thực trạng và những bài học kinh nghiệm*” [104]. Nội dung của đề tài đề cập đến vấn đề tố cáo là việc công dân, thực hiện theo thủ tục, trình tự được pháp luật quy định, báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào. Người tố cáo

là công dân thực hiện quyền tố cáo. Người bị tố cáo là cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi bị tố cáo. Trên cơ sở đó, đề tài tập trung phân tích, đánh giá tình hình khiếu tố và kết quả giải quyết KN, TC nói chung trên phạm vi cả nước và tập trung đi thực tế nghiên cứu ở một số địa phương điển hình như: Hà Nội, Hà Nam, Thái Bình, Phú Thọ và thực tiễn giải quyết khiếu tố của các đoàn công tác của Chính phủ trong năm 2000; tình hình khiếu tố và giải quyết khiếu tố trên một số lĩnh vực cụ thể như khiếu tố có tính chất “điểm nóng” gay gắt, phức tạp, giải tỏa đền bù giải phóng mặt bằng, đất nông nghiệp; đồng thời, rút ra những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn giải quyết KN, TC ở các địa phương, địa bàn và các lĩnh vực KN, TC nêu trên. Từ đó, đề tài đưa ra những biện pháp đẩy mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết khiếu tố trong thời gian tới. Những vấn đề về cơ sở lý luận và giải pháp là tài liệu có giá trị được tác giả chọn lọc trong quá trình kế thừa và áp dụng vào một số nội dung của luận án.

Tổng Thê Gia (2006), “*Một số bài học từ thực tiễn giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ở thành phố Hồ Chí Minh*” [75]. Tác giả đã đưa ra số liệu quan trọng trong thực tế ở những quận huyện, cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh giải quyết KN, TC, nhất là những vụ việc phức tạp trong thời gian vừa qua, trong đó phân tích rõ nội dung đơn tố cáo tập trung vào các lĩnh vực nhà đất, quy hoạch, đền bù giải tỏa, tái định cư, vào các hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật và sai phạm trong quản lý kinh tế. Từ đó, rút ra mấy kinh nghiệm sau: *Thứ nhất*, cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị, tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ việc kéo dài, không để phát sinh khiếu kiện tiếp. *Thứ hai*, lãnh đạo các cấp, các ngành phải đối thoại trực tiếp với công dân. Cơ chế giải quyết khiếu nại tố cáo phải công khai dân chủ. Giải quyết theo đúng chính sách pháp luật, thấu lý đạt tình. *Thứ ba*, bổ sung đội ngũ cán bộ đã được tập huấn cho các cơ quan tiếp dân; bồi dưỡng tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật,

quan điểm quần chúng, thái độ phục vụ nhân dân. Đó là những kinh nghiệm có ý nghĩa và có thể áp dụng quá trình luận giải một số nội dung, đặc biệt trong hệ thống giải pháp của luận án, đồng thời luận án sẽ có cơ sở tiếp thu và vận dụng để đưa ra những đề xuất đối với công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

Bùi Nguyên Sứy (2007), *“Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo”* [133]. Đề tài phân tích, làm rõ một số khái niệm về thanh tra, kiểm tra cũng như trách nhiệm giải quyết KN, TC; trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước; làm rõ vị trí, vai trò, ý nghĩa cũng như nội dung thanh tra; đánh giá những kết quả đạt được và đề cập tới những tồn tại, hạn chế trong công tác thanh tra; trách nhiệm của các bên trong việc giải quyết KN, TC, và rút ra được những nguyên nhân của hạn chế, tồn tại. Việc tổng kết lý luận này có giá trị tham khảo lớn đến nội dung Luận án nghiên cứu.

Nguyễn Công Soái (2009), *“Thành uỷ Hà Nội chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng gắn với giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo”* [132]. Bài viết đã chỉ ra kinh nghiệm về vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác giải quyết KN, TC ở lĩnh vực cụ thể là KN, TC gắn với giải phóng mặt bằng ở Thành phố Hà Nội, một trong những địa bàn “nóng nhất” về KN, TC và giải phóng mặt bằng. Bài viết là tài liệu tham khảo bổ ích giúp tác giả phân tích, đánh giá sâu hơn phần cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác giải quyết đơn thư KN, TC ở ĐBSH.

Nguyễn Tuấn Khanh (2011), *“Trách nhiệm pháp lý của chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng”* [91]. Đề tài nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề lý luận, thực trạng pháp luật và thực hiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý của chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp trong công tác thanh tra, giải quyết KN, TC và phòng, chống tham nhũng làm cơ sở để xác định trách

nhệm pháp lý và xử lý vi phạm của chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp khi tiến hành thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về các lĩnh vực nói trên. Trên cơ sở làm rõ thực trạng, chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của nó, đề tài đề xuất hệ thống giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, đặc biệt là Luật Thanh tra, Luật KN, TC và Luật Phòng, chống tham nhũng về trách nhiệm pháp lý của chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp trong công tác thanh tra, giải quyết KN, TC và phòng, chống tham nhũng, bảo đảm thực hiện tốt hơn chế định này trong thực tiễn, đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành thanh tra trong thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết KN, TC và phòng, chống tham nhũng giai đoạn hiện nay. Đây là tài liệu hữu ích không chỉ giúp cho đông đảo bạn đọc, nhất là chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp giải quyết tốt các công việc liên quan đến công tác thanh tra, giải quyết KN, TC và phòng chống tham nhũng một cách hiệu quả mà còn giúp tác giả Luận án có góc nhìn cụ thể và thực tiễn tốt đối với công tác giải quyết KN, TC.

Văn Tiến Mai (2012), *“Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng của Thanh tra Chính phủ”* [103]. Đề tài làm rõ những vấn đề lý luận chung về tuyên truyền, phổ biến pháp luật thanh tra, KN, TC và phòng, chống tham nhũng, mục đích, ý nghĩa, vai trò của công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và Nhà nước ta về công tác này; đồng thời làm rõ các tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về thanh tra, KN, TC và phòng, chống tham nhũng. Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận, đề tài đánh giá thực trạng công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thanh tra, KN, TC và phòng, chống tham nhũng thông qua chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ, qua các phương tiện thông tin đại chúng và qua việc phát hành các ấn phẩm, từ đó

đưa ra một số hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong hoạt động này. Kết quả nghiên cứu của đề tài chỉ ra rằng, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về các lĩnh vực nêu trên phải đạt được 4 yêu cầu: *thứ nhất*, góp phần thực hiện các đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; *thứ hai*, nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; *thứ ba*, nâng cao nhận thức pháp luật cho các tầng lớp nhân dân, đưa các quy định pháp luật vào cuộc sống; *thứ tư*, giúp các cơ quan thanh tra hoàn thành các chức năng, nhiệm vụ chính trị.

Nguyễn Thế Thuần (2012) “*Hiệu quả pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ở Việt Nam*” [142]. Sách phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn việc giải quyết KN, TC của công dân Việt Nam (giai đoạn 1991-2000). Trên cơ sở phân tích các nội dung này, trong Chương 3 các tác giả đề xuất những giải pháp cơ bản tăng cường hiệu quả pháp luật về giải quyết KN, TC của công dân. Một số giải pháp trong cuốn sách có thể được Luận án kế thừa, luận chứng cho giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

Cao Văn Thông (2013) “*Nâng cao vai trò của cấp ủy đảng trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo*” [138]. Sách làm rõ những vấn đề lý luận về vai trò của cấp ủy đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết KN, TC. Đồng thời, cuốn sách phân tích thực trạng vai trò của cấp ủy đảng trong tiếp công dân, giải quyết KN, TC từ Đại hội lần thứ XII của Đảng đến nay; yêu cầu, quan điểm, mục tiêu, phương hướng và giải pháp nâng cao vai trò của cấp ủy đảng trong tiếp công dân, giải quyết KN, TC thời gian tới.

Võ Nguyên Nam (2013) “*Kinh nghiệm giải quyết tố cáo đối với đảng viên*” [109]. Tác giả bài viết đã đưa ra kinh nghiệm giải quyết tố cáo trong Đảng đối với một trường hợp cụ thể ở Gia Lai tháng 5-2012. Tác giả đưa ra đánh giá: “giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên là một việc rất

khó khăn, phức tạp. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này đòi hỏi phải làm tốt từ bước chuẩn bị, nghiên cứu kỹ đơn tố cáo, làm việc với người tố cáo để nắm rõ nội dung, đồng thời phải thu thập, nghiên cứu sâu các văn bản của Đảng và Nhà nước có liên quan đến nội dung tố cáo cần giải quyết; thường xuyên tranh thủ ý kiến chỉ đạo của thường trực UBKT tỉnh ủy để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh”. Những kinh nghiệm trên rất quan trọng trong quá trình học hỏi, rút kinh nghiệm trong công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH, góp phần thực hiện tốt công tác này và gợi mở một số nội dung liên quan đến vấn đề luận án nghiên cứu.

Đỗ Hùng Cường (2015), “*Ngăn chặn, phòng ngừa sai phạm về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng*” [48]. Sách gồm 4 chương, trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng, tác giả đã phân tích thực trạng biểu hiện sai phạm về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng, kinh nghiệm giải quyết tố cáo ở một số nước trên thế giới, từ đó đưa ra những giải pháp chủ yếu ngăn chặn, phòng ngừa sai phạm về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng. Có thể thấy, điểm nổi bật trong cuốn sách là tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng nhận thức và những biểu hiện sai phạm về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng; từ đó chỉ ra nguyên nhân, những vấn đề đặt ra và kinh nghiệm xử lý vi phạm trong tố cáo và giải quyết tố cáo. Tuy nhiên, sách mới đưa ra được kinh nghiệm giải quyết tố cáo ở một số nước như Singapore, Malaysia, Hồng Kông (Trung Quốc) mà chưa phân tích được ở những quốc gia đã giải quyết thành công trong vấn đề này như Úc, Hoa Kỳ, Trung Quốc. Các văn bản hiện hành về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng mà tác giả hệ thống trong cuốn sách còn sơ sài và mới đến năm 2013. Những văn bản về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng từ năm 2014 đến nay chưa được liệt kê.

Mai Văn Duẩn (2015), “*Bàn về các biện pháp bảo vệ người tố cáo*” [52]. Bài viết khẳng định, qua thực tiễn tiếp công dân, xử lý đơn thư KN, TC cho thấy quy định pháp luật về các biện pháp bảo vệ người tố cáo vẫn còn những hạn chế,

bất cập như về kỹ thuật, cơ chế thực thi. Qua đó tác giả cho rằng nên sửa đổi “biện pháp bảo vệ” thành “hình thức bảo vệ” bởi trong mỗi hình thức lại có những biện pháp cụ thể, như vậy sẽ rõ ràng hơn và không bị trùng lặp. Theo đó sẽ có 2 hình thức, biện pháp bảo vệ. Cách 1: Giữ nguyên các biện pháp bảo vệ theo quy định hiện hành và có sự điều chỉnh cho thống nhất giữa Luật Tố cáo và Nghị định số 76/2012/NĐ-CP. Cách 2: Thiết kế lại các biện pháp bảo vệ thành các hình thức bảo vệ, quyền miễn trừ và quy định cấm.

Mai Trức (2015), *“Đấu tranh chống biểu hiện lệch lạc trong thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng”* [146]. Sự lệch lạc trong thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng sẽ dễ dẫn đến những hiện tượng coi thường kỷ luật, kỷ cương, làm suy yếu Đảng, làm ảnh hưởng tới công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng nói riêng. Vì vậy, việc đấu tranh chống lại và phê phán các biểu hiện lệch lạc trong thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật của Đảng là cần thiết. Nội dung sách này, tác giả chỉ rõ khái niệm về sự lệch lạc trong thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng; bàn tới các tác hại của những biểu hiện đó; nhận diện cũng như chỉ rõ những căn cứ xác định sự lệch lạc trong thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng. Tiến hành đánh giá thực trạng và đề xuất 9 nhóm giải pháp đấu tranh chống các biểu hiện lệch lạc trong thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng. Nội dung giải quyết khiếu nại, kỷ luật Đảng được tác giả Luận án quan tâm, kế thừa.

Nguyễn Tuấn Khanh (2015), *“Trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước trong thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng”* [92]. Đề tài làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước trong việc thực hiện pháp luật về KN, TC và phòng, chống tham nhũng; phân tích thực trạng thực hiện pháp luật về KN, TC và phòng, chống tham nhũng của doanh nghiệp nhà nước thời gian qua. Trên cơ sở đó, đề tài đưa ra quan điểm, giải pháp nâng cao trách nhiệm thực hiện pháp luật

về KN, TC và phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp nhà nước. Những giải pháp mà đề tài đưa ra gồm: 1) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về KN, TC và phòng, chống tham nhũng; 2) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về KN, TC và phòng, chống tham nhũng trong phòng, chống tham nhũng; 3) Tăng cường sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, hiệp hội với doanh nghiệp nhà nước thực hiện pháp luật về KN, TC và phòng, chống tham nhũng. Hệ thống giải pháp này là những tư liệu quý cho Luận án tham khảo và phát triển.

Nguyễn Ngọc Hiếu (2015), *“Một số vấn đề rút ra khi tiến hành giải quyết các vụ tố cáo phức tạp nghiêm trọng”* [86]. Bài viết phân tích những khó khăn khi tiến hành giải quyết các vụ tố cáo phức tạp nghiêm trọng; từ đó rút ra những kinh nghiệm khi tiến hành giải quyết các vụ án này. Đây cũng là một trong những nội dung mà luận án sẽ đề cập đến.

Thu Hoài (2015), *“Giải quyết dứt điểm đơn thư tố cáo trước Đại hội đảng bộ các cấp”* [83]. Bài viết khẳng định, nhận thức về công tác giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cấp ủy và UBKT các cấp và đưa ra một số kinh nghiệm giải quyết đơn thư tố cáo tại huyện Vụ Bản, Nam Định, như: Cấp ủy, UBKT các cấp phải thường xuyên quán triệt, nâng cao nhận thức trong cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp và cán bộ, đảng viên về công tác giải quyết tố cáo và xem đây là trách nhiệm của mình; khi nhận được đơn tố cáo phải kịp thời phân loại, rà soát, căn cứ nội dung, đối tượng và các quy định để giải quyết theo thẩm quyền, không để tồn đọng kéo dài; xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa UBKT với các cơ quan khác có liên quan trong công tác giải quyết tố cáo; thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và bản lĩnh chính trị, nghề nghiệp của cán bộ... Bài viết phân tích những kinh nghiệm thực tiễn ở các địa

phương cùng với phương pháp phân tích phù hợp, đưa ra những giải pháp có giá trị tham khảo tốt.

Lê Quang Kiệm (2015), “*Rèn luyện kỹ năng giao tiếp của cán bộ làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo theo gương Chủ tịch Hồ Chí Minh*” [95]. Bài viết phân tích những nguyên tắc cơ bản trong văn hóa giao tiếp hành chính (nói chung) và có thể áp dụng vào cách giao tiếp của cán bộ, công chức làm công tác tham mưu giải quyết KN, TC theo gương Chủ tịch Hồ Chí Minh. *Thứ nhất*, phải biết tôn trọng và lễ phép với nhân dân. *Thứ hai*, phải yêu thương, quý trọng con người, biết đồng cảm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. *Thứ ba*, cán bộ, công chức cần phải có đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. *Thứ tư*, phải giữ chữ “tín”. *Thứ năm*, cần nắm vững nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Đây là tài liệu có thể cung cấp cơ sở lý luận của Luận án.

Kim Dương (2016), “*Kinh nghiệm giải quyết đơn thư tố cáo ở Đảng bộ tỉnh Trà Vinh*” [50]. Bài viết phân tích tình hình và kết quả giải quyết tố cáo trong Đảng bộ tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2010-2015 và 9 tháng đầu năm 2016. Trên cơ sở kết quả giải quyết đơn thư, tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên ở Trà Vinh, tác giả rút ra một số kinh nghiệm sau: *Một là*, nơi nào có cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT quán triệt đầy đủ các quy định của Đảng và UBKT Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, đồng thời quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao vai trò, trách nhiệm thì nơi đó việc giải quyết đơn thư, tố cáo đạt chất lượng, hiệu quả. *Hai là*, coi trọng công tác xác minh, thẩm tra. *Ba là*, có biện pháp đấu tranh, thái độ dứt khoát đối với đối tượng vi phạm trên tinh thần đồng chí, nhiệm vụ được giao. *Bốn là*, chú trọng, tăng cường công tác tuyên truyền trong việc triển khai, thực hiện tốt các quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hoạt động tố cáo. *Năm là*, cán bộ làm công tác kiểm tra cần có năng lực, kiến thức nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thực, công tâm, vô tư, khách quan, không định kiến, đạo đức

trong sáng, thái độ giao tiếp, ứng xử có văn hóa; thường xuyên cập nhật văn bản, quy định, chủ trương mới liên quan đến các nội dung tố cáo.

Dương Văn Huê (2016), “*Một số kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo*” [87]. Bài viết cung cấp những số liệu cụ thể và phân tích tình hình khiếu kiện phức tạp của công dân tại Trụ sở tiếp công dân Trung ương. Qua đó, tác giả rút ra một số kinh nghiệm trong hoạt động tiếp công dân và xử lý đơn thư KN, TC.

Nguyễn Thị Kim Oanh (2016) “*Nâng cao hiệu quả các biện pháp bảo vệ người tố cáo*” [129]. Bài viết đề xuất 7 kiến nghị về việc triển khai thực hiện bảo vệ người tố cáo. Đó là: 1) Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo vệ bí mật thông tin người tố cáo; 2) Hướng dẫn thống nhất, cụ thể về căn cứ đề yêu cầu bảo vệ; 3) Quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa người giải quyết tố cáo và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong bảo vệ người tố cáo; 4) Tạo cơ chế, vai trò của các cơ quan thông tấn, báo chí và dư luận xã hội trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và bảo vệ người tố cáo; 5) Tạo điều kiện và cơ chế cho Hội Luật gia tham gia bảo vệ người tố cáo ngay từ đầu theo tinh thần nhân văn (miễn phí tư vấn và hỗ trợ tư pháp trong suốt quá trình tố cáo; 6) Khen thưởng xứng đáng người có thành tích trong việc tố cáo tham nhũng; đồng thời trừng trị nghiêm khắc người lợi dụng quyền tố cáo để vu khống, làm hại người khác hoặc hành vi trả thù người tố cáo; 7) Xây dựng thông tư của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình, thủ tục, mẫu văn bản về tiếp nhận, xử lý, giải quyết yêu cầu bảo vệ người tố cáo.

Lê Thị Thúy (2016), “*Sự phối hợp giữa cơ quan thanh tra và cơ quan kiểm tra đảng trong việc xử lý tố cáo cán bộ, công chức và đảng viên*” [144]. Bài viết khẳng định, xử lý tố cáo đối với cán bộ, đảng viên là một trong những nội dung hoạt động cụ thể của cơ quan thanh tra và cơ quan kiểm tra của Đảng. Tuy nhiên, hiện nay việc phối hợp giữa cơ quan thanh tra và cơ

quan kiểm tra của Đảng còn gặp phải một số khó khăn, vướng mắc như: lúng túng trong việc xử lý thông tin đầu vào, tiếp nhận tố cáo; có nhiều điểm khác biệt về quy định tiếp nhận và xử lý tố cáo giữa UBKT đảng và cơ quan thanh tra; trong nhiều vụ việc, khi cơ quan thanh tra nhà nước tiến hành thanh tra, kết luận, thông báo kết luận, kết quả thanh tra cho cơ quan kiểm tra của Đảng thì cơ quan kiểm tra của Đảng không sử dụng kết luận của cơ quan thanh tra nhà nước để xem xét, xử lý vi phạm của tổ chức đảng, cán bộ, công chức là đảng viên, mà cơ qua kiểm tra của Đảng coi kết quả thanh tra là căn cứ, cơ sở, điều kiện để tiến hành kiểm tra, tiếp tục thẩm tra, xác minh và xem xét, kết luận, xử lý theo quy trình của Đảng, gây mất thời gian, công sức, tiền của... Từ đó, tác giả cho rằng để sự phối hợp giữa cơ quan thanh tra và cơ quan kiểm tra của Đảng nói chung, trong xử lý tố cáo cán bộ, công chức là đảng viên có hiệu quả cần tuân theo những nguyên tắc và nội dung phối hợp.

Nguyễn Đức Hạnh (2016), *“Nỗ lực đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo”* [79]. Bài viết khẳng định, trong thời gian tới, để sớm khắc phục những tồn tại, hạn chế, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và phát huy quyền dân chủ của nhân dân, ngành thanh tra cần có sự đổi mới hơn nữa trong công tác thanh tra, giải quyết KN, TC và tập trung vào một số vấn đề sau: 1) Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ thanh tra có bản lĩnh chính trị vững vàng, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ và có tinh thần trách nhiệm cao; 2) Đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra; 3) Quan tâm hơn nữa đến chế độ, chính sách cho cán bộ ngành thanh tra.

Nguyễn Ngọc Thắng (2016), *“Kinh nghiệm của tỉnh Đồng Nai trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo”* [125]. Bài viết phân tích tình hình tiếp công dân và giải quyết KN, TC của tỉnh Đồng Nai từ năm

2012 đến năm 2016. Qua đó, tác giả rút ra một số kinh nghiệm và giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác này.

Phạm Văn Long (2016), “*Vài nét về tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân tại Thanh tra Bộ Công an*” [98]. Bài viết làm rõ công tác tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn theo trình tự tại Thanh tra Bộ Công an trong 5 năm (2010-2015). Từ thực tiễn này, tác giả đưa ra một số vấn đề cần lưu ý và một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

Trần Văn Long (2017), “*Giám sát công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính ở nước ta hiện nay - Thực trạng và giải pháp*” [99]. Đề tài làm rõ một số vấn đề chung về giám sát công tác giải quyết KN, TC hành chính: Quan niệm, vai trò, ý nghĩa, các yếu tố ảnh hưởng để hoạt động giám sát công tác giải quyết KN, TC hành chính; phân tích thực trạng pháp luật và giám sát công tác giải quyết KN, TC hành chính: Khái quát tình hình, quy định pháp luật và thực tiễn giám sát công tác giải quyết KN, TC hành chính. Từ đó đưa ra quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát công tác giải quyết KN, TC hành chính.

Nguyễn Tuấn Khanh (2017), “*Quản lý nhà nước về công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo ở Việt Nam hiện nay*” [93]. Đề tài phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước đối với công tác thanh tra, giải quyết KN, TC; Đề cập đến quan niệm quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết KN, TC; đặc điểm, vai trò và nội dung, phương thức quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết KN, TC; các yếu tố đảm bảo việc quản lý nhà nước đối với công tác thanh tra, giải quyết KN, TC. Đồng thời, đề tài phân tích, đánh giá thực trạng quá trình thực hiện quản lý nhà nước đối với công tác thanh tra, giải quyết KN, TC trong giai đoạn hiện nay; chỉ rõ những hạn chế, bất cập, những vấn đề vướng mắc nảy sinh cần phải tháo gỡ và nguyên nhân của tình hình đó. Từ đó, luận giải và đề xuất phương hướng, giải

pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết KN, TC.

Lê Duy Hà (2018), Luận án tiến sĩ *Thực hiện pháp luật về khiếu nại hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, Việt Nam* [76]. Luận án khẳng định, thực hiện pháp luật về khiếu nại hành chính trong lĩnh vực đất đai có nội dung nghiên cứu rất rộng. Nội dung luận án chủ yếu nghiên cứu một số nhóm quan hệ về quyền khiếu nại hành chính của người sử dụng đất đối với các quyết định hành chính. Do đó, luận án góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận hiện nay đang đặc biệt là vấn đề lý luận đối với việc thực hiện pháp luật về khiếu nại hành chính trong lĩnh vực đất đai nói chung và trên địa bàn Tây Nguyên nói riêng. Luận án giúp các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các tỉnh vùng Tây Nguyên có cơ sở để hoạch định, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc pháp luật quy định về khiếu nại hành chính đối với lĩnh vực đất đai, góp phần nâng cao nhận thức cho các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc Tây Nguyên về pháp luật khiếu nại hành chính; vai trò của cán bộ, công chức trong thực hiện pháp luật về khiếu nại hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Nguyễn Xuân Thông (2017), “*Thực hiện quy trình kép trong giải quyết tố cáo*” [137]. Bài viết chỉ rõ, việc thực hiện quy trình kép trong giải quyết tố cáo sẽ giảm bớt được việc thẩm tra lại nội dung vi phạm, ghép được một số cuộc họp của các tổ chức đảng có liên quan. Do đó, tiết kiệm thời gian, công sức, tránh phải làm đi làm lại, gây phiền hà cho tổ chức và đảng viên, phục vụ kịp thời yêu cầu chính trị đề ra, nhất là việc giải quyết tố cáo phục vụ công tác nhân sự sau đại hội đảng các cấp.

Phạm Lê Xuất (2017), *Kinh nghiệm xử lý các đoàn khiếu nại, tố cáo đông người tại Thanh tra Bộ Công an* [166]. Bài viết đưa ra những số liệu, những ví dụ cụ thể về tình hình KN, TC ở Bộ Công an; từ đó chỉ ra những kinh nghiệm xử lý các đoàn KN, TC đông người. Thứ nhất, khi xuất hiện các

đoàn KN, TC đông người, cán bộ tiếp dân của Thanh tra Bộ Công an và cảnh sát làm nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu phải ra gặp, hướng dẫn họ vào địa điểm thuận lợi để chờ tiếp, đề nghị người KN, TC giữ trật tự, không đi lại lộn xộn làm ảnh hưởng đến trật tự giao thông ở khu vực, sau đó mời đại diện của đoàn KN, TC vào phòng tiếp dân để trình bày nội dung KN, TC. *Thứ hai*, cán bộ tiếp dân khi tiếp xúc với đại diện của đoàn KN, TC phải có thái độ hòa nhã, mềm dẻo tạo không khí làm việc thoải mái. *Thứ ba*, sau khi nhận đơn của người đại diện đoàn KN, TC, cán bộ tiếp dân phải báo cáo, đề xuất ngay với lãnh đạo Thanh tra Bộ để chỉ đạo xử lý. *Thứ tư*, đối với những vụ việc KN, TC thuộc trách nhiệm của lực lượng công an đã được xem xét, giải quyết đúng pháp luật hoặc các vụ việc KN, TC không thuộc trách nhiệm của công an đã được cán bộ tiếp công dân của Thanh tra Bộ Công an hướng dẫn cụ thể đến nơi có thẩm quyền giải quyết nhưng một số người vì động cơ cá nhân vẫn có tình KN, TC...; đối với những trường hợp này, Thanh tra Bộ phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ và công an Thành phố Hà Nội, trực tiếp là công an phường Nguyễn Du và công an quận Hai Bà Trưng xử lý. Có thể nói những biện pháp xử lý linh hoạt của Thanh tra Bộ Công an tại điểm tiếp dân là những kinh nghiệm quý báu để cán bộ của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH tham khảo trong thực tiễn.

Nguyễn Thị Huyền (2017), “*Một số giải pháp nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Thái Bình*” [88]. Bài viết làm rõ tình hình KN, TC trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ năm 2011-2015. Từ thực tiễn ở Thái Bình, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết KN, TC trong giai đoạn hiện nay.

Trần Văn Long (2017), “*Nâng cao hiệu quả công tác giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính ở nước ta*” [99]. Bài viết khẳng định: mặc dù hoạt động giám sát việc giải quyết KN, TC hành chính đã đạt được những kết quả tích cực, song trên thực tế hiệu quả hoạt động giám sát chưa cao, dẫn tới mục

đích giám sát nhằm nâng cao hiệu quả công tác giải quyết KN, TC chưa đạt được. Do đó, trong thời gian tới cần triển khai một số giải pháp, kiến nghị cụ thể như: hoàn thiện quy định pháp luật về hoạt động giám sát; hoàn thiện quy định pháp luật về giải quyết KN, TC; nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát.

Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), “*Một số vướng mắc về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự*” [81]. Bài viết nghiên cứu thực trạng một số quy định pháp luật về giải quyết KN, TC trong thi hành án dân sự và việc áp dụng trong thực tiễn cho thấy, hiện đang phát sinh nhiều vấn đề pháp luật chưa quy định. Bài viết khẳng định: quyền KN, TC là những quyền cơ bản của công dân được ghi nhận và quy định tại các bản Hiến pháp năm 1956 (Điều 29), Hiến pháp năm 1980 (Điều 73), Hiến pháp năm 1992 (Điều 74) và Hiến pháp năm 2013 (Điều 30). Quyền KN, TC cũng đã được quy định chi tiết tại Luật khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2011. Đối với KN, TC trong thi hành án dân sự được quy định từ Điều 140 đến Điều 159 Chương VI của Luật thi hành án dân sự. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, người có thẩm quyền giải quyết KN, TC nói chung và người có thẩm quyền giải quyết KN, TC trong thi hành án dân sự nói riêng gặp rất nhiều khó khăn trong việc phân định rõ ràng, chính xác giữa khiếu nại và tố cáo để giải quyết theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân của sự khó phân định này là do quy định của pháp luật về KN, TC chưa rõ ràng, do ý chí chủ quan của đương sự, thậm chí rất nhiều đơn vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo.

Nguyễn Thanh Thủy (2018), “*Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự*” [145]. Bài viết đưa ra giải pháp nhằm giải quyết vướng mắc của một số quy định pháp luật về giải quyết KN, TC trong thi hành án dân sự và những tình huống phát sinh từ thực tiễn, bao gồm: 1) Hoàn thiện thể chế; 2) Cần có văn bản hướng dẫn các cơ quan thi hành án dân sự địa phương về những vấn đề pháp luật đã quy định

nhưng chưa rõ ràng để áp dụng thống nhất; 3) Tập huấn nghiệp vụ về giải quyết KN, TC.

Đặng Thị Kim Ngân (2018), “*Về cơ chế khuyến khích người dân thực hiện quyền tố cáo ở nước ta hiện nay*” [111]. Bài viết đã làm rõ quyền tố cáo của công dân và ý nghĩa của việc khuyến khích người dân thực hiện quyền tố cáo; chỉ ra những khó khăn, rào cản đối với việc thực hiện quyền tố cáo của công dân như: yếu tố tâm lý, văn hóa, xã hội, pháp luật; đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giải quyết tố cáo; đồng thời đưa ra một số giải pháp nhằm đổi mới cơ chế khuyến khích người dân thực hiện quyền tố cáo, đó là: 1) Tiếp tục chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức, giá trị về quyền tố cáo của công dân; 2) Hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật, quy định, hướng dẫn về tố cáo; 3) Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giải quyết tố cáo; 4) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật tố cáo, công khai xử lý các hành vi vi phạm.

Ngô Mạnh Hùng (2018), “*Một số vấn đề về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng*” [89]. Bài viết giới thiệu khái quát thể chế của Việt Nam về bảo vệ người tố cáo, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện biện pháp bảo vệ người tố cáo và đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện. Có thể nói, trong bối cảnh tình hình tham nhũng và điều kiện thực tiễn ở nước ta hiện nay, bảo vệ người tố cáo tham nhũng là một trong những biện pháp quan trọng có thể mang lại hiệu quả tích cực trong công tác phòng chống tham nhũng nói chung và việc phát huy vai trò, trách nhiệm của mỗi công dân trong phòng chống tham nhũng nói riêng.

Kim Thanh (2018), “*Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo*” [134]. Trong bài viết, tác giả đã phân tích, làm rõ những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác giải quyết KN, TC. Hiện nay, những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị cho mỗi

cán bộ, đảng viên phải luôn học tập và thấm nhuần. Các phân tích trong bài viết bàn tới các nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này có giá trị cả về lý luận và thực tiễn đối với công tác giải quyết đơn thư KN, TC hiện nay.

Thu Hằng (2018), *“Hòa Bình với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo”* [82]. Bài viết chỉ ra những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế trong công tác tiếp dân, giải quyết KN, TC của tỉnh Hòa Bình; từ đó đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giải quyết KN, TC trong thời gian tới.

Quỳnh Hoa (2020), *“Đắk Nông coi trọng giải quyết khiếu nại, tố cáo chuẩn bị cho đại hội đảng bộ các cấp”* [84]. Nội dung bài viết đánh giá tình hình KN, TC ở nhiều địa phương trong đó có Đắk Nông. Sau 5 năm thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân và giải quyết KN, TC, Đắk Nông đã đạt được kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên vẫn còn đó những hạn chế đang cần được chấn chỉnh, giải quyết.

Đinh Thị Quỳnh (2020), *“Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong giải quyết khiếu nại, tố cáo ở tỉnh Phú Yên”* [128]. Khiếu nại, tố cáo là vấn đề đang tồn tại ở các địa phương trong cả nước. Tùy vào số lượng và nội dung việc KN, TC sẽ chỉ ra những hạn chế, bất cập trong hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương. Theo đó, làm thế nào để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đồng thời giảm dần số vụ việc KN, TC của người dân là mối quan tâm lớn của các cơ quan quản lý nhà nước hiện nay. Với thực trạng KN, TC xảy ra trên địa bàn tỉnh Phú Yên như hiện nay, đòi hỏi chính quyền địa phương các cấp phải tiếp tục có sự đổi mới, qua đó khắc phục những bất cập trong hoạt động quản lý và điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Cao Văn Thông (2020), *“Kinh nghiệm và giải pháp giải quyết tố cáo trong Đảng”* [140]. Sách gồm ba chương, tập trung làm rõ một số cơ sở lý

luận về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng, phân tích thực trạng tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đến năm 2013, đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng giải quyết tố cáo trong Đảng trong giai đoạn cách mạng mới. Đặc biệt trong Chương 1, cuốn sách đã phân tích, làm rõ khái niệm “Tố cáo” và “Giải quyết tố cáo”; tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về tố cáo và giải quyết tố cáo; tiêu chí đánh giá chất lượng giải quyết tố cáo trong Đảng; và kinh nghiệm của Singapore, Trung Quốc, Hàn Quốc về giải quyết tố cáo. Những nội dung của cuốn sách cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác giải quyết đơn thư tố cáo, phục vụ quan trọng cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

Cao Văn Thông (2020), *“Tập trung giải quyết tố cáo phục vụ tốt đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng”* [139]. Trước mỗi kỳ đại hội đảng bộ các cấp, các thế lực thù địch tăng cường các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước ta, đẩy mạnh âm mưu lôi kéo cán bộ, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ trong Đảng; tình trạng đơn, thư tố cáo, tán phát thông tin không đúng sự thật dưới mọi hình thức với nhiều mục đích khác nhau diễn ra ngày càng tinh vi, đa dạng, phức tạp. Để xác định làm rõ các vấn đề, ổn định dư luận xã hội, việc giải quyết tố cáo trong Đảng cần phải được quan tâm tâm thực hiện nghiêm túc, kịp thời, xử lý, kỷ luật đúng người, đúng vi phạm. Thực hiện tốt công tác giải quyết đơn, thư tố cáo nhằm phục vụ tốt đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt một số giải pháp sau: 1) Các cấp ủy, tổ chức đảng, địa phương, cơ quan, đơn vị tiếp tục chú trọng làm tốt công tác giải quyết đơn, thư tố cáo trong Đảng bảo đảm đúng quy định, phục vụ tốt cho việc chuẩn bị nhân sự đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và Đại hội XIII của Đảng; 2) Các tổ chức đảng có thẩm quyền nâng cao trách nhiệm, giải quyết đơn, thư tố cáo công tâm, khách quan, kịp

thời, đúng nguyên tắc, phương châm, quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng; 3) Tập trung giải quyết tố cáo phục vụ đại hội, nhất là đối với nhân sự chuẩn bị bổ sung quy hoạch, bầu cử cấp ủy, UBKT khóa mới; 4) Lực lượng chủ yếu của các tổ chức đảng trong giải quyết tố cáo là UBKT các cấp; 5) Cấp ủy và UBKT các cấp phải quan tâm chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các kết luận, kiến nghị giải quyết.

Viện Nghiên cứu con người (2020), *“Nâng cao hiệu quả công tác thực hiện quy chế dân chủ, giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cấp, các ngành và đổi mới, công khai, minh bạch về quản lý tài chính trong các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp”* [164]. Sách là tập hợp các bài viết về nâng cao hiệu quả công tác thực hiện quy chế dân chủ, giải quyết KN, TC và đổi mới tổ chức quản lý tài chính của các cấp, các ngành; quy định mới nhất về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; quy trình xử lý sau thanh tra, kiểm tra tài chính, hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; giới thiệu những văn bản hướng dẫn mới nhất về chế độ bảo hiểm xã hội dùng trong các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể. Đây là những tài liệu có giá trị giúp tác giả tiếp cận và tiếp thu và giải quyết trong phần nội dung của luận án.

Nguyễn Minh Cường (2021), *“Kinh nghiệm giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại của Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long”* [49]. Từ thực tiễn công tác giải quyết tố cáo đối với đảng viên của cấp ủy, UBKT các cấp tại Vĩnh Long thời gian qua, bài viết rút ra một số kinh nghiệm: 1) Các cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp phải nhận thức đúng, đầy đủ về vị trí, vai trò tầm quan trọng của công tác giải quyết tố cáo và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện công tác giải quyết tố cáo đối với đảng viên; 2) Nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ kiểm tra; 3) Tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra của UBKT cấp trên và cấp ủy cùng cấp đối với UBKT trong việc thực hiện công tác giải quyết tố cáo; 4) Chú trọng công tác tuyên truyền phổ biến các quy định của Đảng,

pháp luật của Nhà nước về tố cáo và giải quyết tố cáo cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình và những nội dung Luận án tiếp tục bổ sung, nghiên cứu

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan

Các đề tài khoa học, các công trình nghiên cứu, bài viết được công bố đã nghiên cứu về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy và vai trò của công tác này đối với các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của UBKT tỉnh ủy ở một số địa phương dưới nhiều góc độ và cách tiếp cận khác nhau, đạt được nhiều kết quả lý luận và thực tiễn quan trọng đó là:

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu đã làm rõ khái niệm KN, TC, công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy; đề cập đến rất nhiều vấn đề xung quanh nội dung, vai trò, đặc điểm và quy trình của công tác giải quyết đơn thư KN, TC.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu, đặc biệt là kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học, các bài báo khoa học đã theo sát thực tiễn, đánh giá sát, đúng thực trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC nói chung, công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy nói riêng với những số liệu, dẫn chứng cụ thể, chính xác.

Thứ ba, một số công trình nghiên cứu đã chỉ ra những kinh nghiệm trong công tác giải quyết đơn thư KN, TC, thực tiễn thực hiện công tác này của địa phương.

Thứ tư, mỗi công trình nghiên cứu khai thác dưới góc độ khác nhau và đưa ra các mục tiêu, giải pháp giải quyết đơn thư KN, TC khác nhau, đây là cơ sở để luận án nghiên cứu và tìm ra các giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

Thứ năm, một số công trình nghiên cứu đã phân tích, luận giải và đưa ra đề xuất, kiến nghị nhằm tiếp tục giải quyết vấn đề cả về mặt phương pháp

luận, nhận thức luận và những khuyến nghị, kiến nghị một cách cụ thể ở từng khía cạnh, với từng lĩnh vực, nhằm thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy trong mối quan hệ với tập thể, cơ quan, đơn vị.

Thứ sáu, các công trình nghiên cứu của các tác giả người nước ngoài và của tác giả Việt Nam nghiên cứu về nước ngoài (Trung Quốc, Singapore, Hàn Quốc...) đã cho thấy những chính sách, giải pháp hiệu quả của đảng cầm quyền tại các quốc gia này trong quá trình lãnh đạo đất nước. Đây có thể xem là những kinh nghiệm quý để Việt Nam tiếp thu, vận dụng nhằm thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC nói chung, công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy nói riêng.

Tóm lại, những công trình khoa học trên đã cơ bản hệ thống được những đóng góp cả về phương diện lý luận cũng như tổng kết thực tiễn, đây chính là nguồn tài liệu quý giá, bổ ích, có giá trị tham khảo quan trọng để tác giả luận án có thể đi sâu nghiên cứu, phân tích và triển khai thực hiện nhiệm vụ mà đề tài luận án đặt ra, đặc biệt là cung cấp một số tư liệu cũng như các hướng tiếp cận khác nhau tới đối tượng nghiên cứu. Tác giả đã chọn lọc thông tin và có tính kế thừa các kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học nêu trên trong quá trình triển khai nội dung đề tài luận án.

1.3.2. Những vấn đề Luận án tiếp tục bổ sung nghiên cứu

Mặc dù đã có nhiều công trình đề cập đến công tác giải quyết đơn thư KN, TC nói chung, cũng như công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy nói riêng nêu trên, tuy nhiên do mục tiêu, phạm vi và đối tượng nghiên cứu riêng nên chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu, toàn diện về lý luận và thực tiễn về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH hiện nay. Do đó, tác giả chọn vấn đề này làm đề tài nghiên cứu đáp ứng được yêu cầu cả về lý luận cũng như thực tiễn và mang tính thời sự.

Luận án sẽ tập trung giải quyết những vấn đề cơ bản sau đây:

Một là, làm rõ khái niệm, nội dung, vai trò, đặc điểm và quy trình về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy.

Hai là, phân tích, đánh giá thực trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH hiện nay, chỉ ra ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và một số kinh nghiệm.

Ba là, xác định phương hướng, yêu cầu, đồng thời đề xuất các giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án, mặc dù tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau nhưng có thể thấy, các nhà khoa học đã làm rõ những vấn đề cơ bản về mặt lý luận và cung cấp nhiều kinh nghiệm thực tiễn phong phú trong công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ngang tầm nhiệm vụ, trong đó có thể kể đến là: *Thứ nhất*, các công trình nghiên cứu đã làm rõ khái niệm KN, TC, công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy; đề cập đến nhiều vấn đề xung quanh nội dung, vai trò, đặc điểm và quy trình của công tác giải quyết đơn thư KN, TC. *Thứ hai*, các công trình nghiên cứu, đặc biệt là kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học, các bài báo khoa học đã đánh giá sát, đúng thực trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC nói chung, công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy nói riêng với những số liệu, dẫn chứng cụ thể, chính xác. *Thứ ba*, một số công trình nghiên cứu đã chỉ ra những kinh nghiệm trong công tác giải quyết đơn thư KN, TC, thực tiễn thực hiện công tác này của địa phương. *Thứ tư*, mỗi công trình nghiên cứu lại khai thác dưới góc độ khác nhau và đưa ra các giải pháp khác nhau nhưng đều hướng tới mục tiêu chung là thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy. *Thứ năm*, số ít các công trình nghiên cứu khác đã bước đầu luận giải, đề xuất, kiến nghị về tiếp tục giải quyết vấn đề không chỉ dừng lại ở mặt phương pháp luận, nhận thức luận mà còn tập trung đưa ra những khuyến nghị, kiến nghị ở từng khía cạnh, từng lĩnh vực, qua đó thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy trong mối quan hệ với từng tập thể, cơ quan, đơn vị. Đây có thể xem là những kinh nghiệm quý để Việt Nam tiếp thu, vận dụng nhằm thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC nói chung, công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy nói riêng.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY

2.1. Tỉnh ủy, ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

2.1.1. Tỉnh ủy ở nước ta hiện nay - chức năng, nhiệm vụ

Tương ứng với các đảng bộ tỉnh có các tỉnh ủy, BTVTU. Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 10-QĐi/TW ngày 12/12/2018 “về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”. Trong đó, chỉ rõ: “Cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh giữa hai kỳ Đại hội” [28, tr.1].

* *Chức năng của tỉnh ủy*: Theo Quy định số 10-QĐi/TW, chức năng của tỉnh ủy là lãnh đạo và chỉ rõ, tỉnh ủy: “...có chức năng lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh; các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương [28, tr. 2].

Tỉnh ủy có các chức năng: *Một là*, lãnh đạo các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên; lãnh đạo các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở; lãnh đạo các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; lãnh đạo nhân dân tỉnh thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, nghị quyết, chỉ thị của tỉnh ủy, BTVTU, chính quyền tỉnh. *Hai là*, lãnh đạo các tổ chức, lực lượng nêu trên thực các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, hoạt động của các tổ chức trong HTCT, phát triển các lĩnh vực đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh.

* *Nhiệm vụ của tỉnh ủy*

Theo Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị, tỉnh ủy có 08 nhiệm vụ:

Thứ nhất, lãnh đạo cụ thể hóa các đường lối, chủ trương, quá trình triển khai, tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh cũng như các chủ trương, nghị quyết của Trung ương. Quyết định chương trình làm việc và chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa; quy chế làm việc của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy và UBKT tỉnh ủy.

Thứ hai, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nghị quyết của tỉnh, thành ủy....

Thứ ba, định hướng hoặc quyết định theo thẩm quyền những vấn đề về xây dựng Đảng, công tác tổ chức và cán bộ; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng,...

Thứ tư, lãnh đạo chính quyền địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Định hướng đối với những vấn đề đặc biệt quan trọng do hội đồng nhân dân tỉnh quyết định....

Thứ năm, lãnh đạo công tác dân vận, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao và chú trọng vai trò giám sát cũng như phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), các tổ chức chính trị - xã hội (CT - XH).

Thứ sáu, quyết định những vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, tài sản của đảng bộ,...

Thứ bảy, xem xét, cho ý kiến về những công việc BTVTU đã giải quyết giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy; quyết định những vấn đề quan trọng của BTVTU.

Thứ tám, thực hiện các nhiệm vụ khác do Trung ương giao cho tỉnh ủy. Trong đó, nhiệm vụ thứ ba chỉ rõ nhiệm vụ cụ thể của tỉnh ủy trong công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, thi hành kỷ luật trong Đảng; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, tố cáo tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh. Cụ thể là:

“lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên. Quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật, giải quyết KN, TC đối với tổ chức đảng, đảng viên, vấn đề đảng tịch, theo Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương” [28, tr.2].

2.1.2. Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc và vai trò.

2.1.2.1. Khái niệm.

**** Khái niệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy***

Sách tra cứu các mục từ về tổ chức cho rằng: “*Ủy ban kiểm tra là cơ quan kiểm tra chuyên trách của các cấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ Đảng*” [114, tr.710]. Điều lệ Đảng hiện hành, quy định: “*Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu ra*” [66, tr.51]; “*Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên*” [66; tr. 52].

Ủy ban kiểm tra các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu ra, đại hội đại biểu của đảng bộ bầu ra cấp ủy khóa mới; phiên họp đầu tiên của cấp ủy sau đại hội, tiến hành nhiều công việc, trong đó những công việc chủ yếu: thông qua quy chế làm việc, chương trình công tác toàn khóa của cấp ủy; bầu ban thường vụ cấp ủy; bầu bí thư, trong số các ủy viên ban thường vụ cấp ủy đã được cấp ủy bầu, các phó bí thư; bầu ủy viên UBKT; bầu chủ nhiệm UBKT trong số các ủy viên ban thường vụ cấp ủy và các ủy viên UBKT đã được bầu.

Điều lệ Đảng hiện hành, quy định về chức năng, nhiệm vụ của UBKT các cấp, gồm: kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, giải quyết KN, TC...

Như vậy, UBKT các cấp do cấp ủy cùng cấp bầu ra sau đại hội các nhiệm kỳ của các đảng bộ; do cấp ủy, trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ cấp ủy cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo về thực hiện chức năng, nhiệm vụ

vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của UBKT cấp trên. Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy là tổ chức kiểm tra của tỉnh ủy, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, giải quyết KN, TC được quy định trong Điều lệ Đảng hiện hành, do tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của UBKT Trung ương.

2.1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

** Chức năng của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy tỉnh ủy*

Theo Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021, có thể xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UBKT tỉnh ủy gồm:

Một là, chức năng chủ yếu của UBKT tỉnh ủy là thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU.

Công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy bao gồm các hoạt động: tỉnh ủy lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; công tác kiểm tra, giám sát của UBKT tỉnh ủy; công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc tỉnh ủy; công tác kiểm tra của Đảng đoàn, Ban cán sự đảng của các cơ quan, đoàn thể tỉnh (những nơi có tổ chức này) theo các quy định của Đảng. Trong đó, công tác kiểm tra, giám sát của UBKT tỉnh ủy là chủ yếu dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU.

Hai là, UBKT tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan trong tiến hành một số công việc liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

Quy định số 22-QĐ/TW quy định:

Ủy ban kiểm tra phối hợp với ban tổ chức của cấp ủy cùng cấp và cấp ủy cấp dưới chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra cấp dưới; giúp cấp ủy xây dựng, ban hành quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra; tham mưu kiện toàn cơ quan ủy ban kiểm tra về tổ chức bộ máy,

đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra” [8, tr.10].

Như vậy, ngoài chức năng chủ yếu là thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, UBKT tỉnh ủy còn có chức năng phối hợp với ban tổ chức tỉnh ủy, với cấp ủy cấp huyện và tương đương trong đảng bộ tỉnh chuẩn bị nhân sự UBKT của cấp ủy; giúp các cấp ủy xây dựng, ban hành quy chế làm việc của UBKT; tham mưu kiện toàn cơ quan UBKT về tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra của các cấp ủy này.

Điều 32, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định: “ Ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

1. Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp uỷ viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.
2. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.
3. Giám sát cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ diện cấp uỷ cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nghị quyết của cấp uỷ và đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.
4. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp uỷ thi hành kỷ luật.
5. Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng.
6. Kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp ” [66, tr.52-53].

** Nhiệm vụ của UBKT tỉnh ủy*

Theo quy định nêu trên, nhiệm vụ của UBKT tỉnh ủy, gồm:

Một là, tiến hành kiểm tra đảng viên, kể cả tỉnh ủy viên khi có dấu hiệu vi phạm về các quy định đối với tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn đối với cấp ủy viên cũng như trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

Hai là, kiểm tra các tổ chức đảng trong đảng bộ tỉnh, trong đó trọng tâm là kiểm tra cấp ủy, đảng bộ trực thuộc (cấp huyện và tương đương) khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành, thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng và các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát cũng như thi hành kỷ luật trong Đảng của các tổ chức đảng này.

Ba là, giám sát tỉnh ủy viên, cán bộ diện BTVTU quản lý, các tổ chức đảng của đảng bộ tỉnh về thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU và đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương; trọng tâm là giám sát tỉnh ủy viên, cán bộ diện BTVTU quản lý và các cấp ủy, đảng bộ trực thuộc (cấp huyện và tương đương) về những nội dung này.

Bốn là, xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị tỉnh ủy thi hành kỷ luật cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng thuộc đảng bộ tỉnh, trọng tâm của nhiệm vụ này là những đảng viên là cán bộ diện BTVTU quản lý và những cán bộ diện BTVTU quản lý không là đảng viên.

Năm là, giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của những đảng viên của đảng bộ tỉnh, trọng tâm là các tổ chức đảng trực thuộc và cán bộ diện BTVTU quản lý.

Sáu là, kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới thuộc đảng bộ tỉnh, trọng tâm là cấp ủy trực thuộc; kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính tỉnh ủy.

2.1.2.3. Quyền hạn của ủy ban kiểm tỉnh ủy

Theo Quy định số 22-QĐ/TW, UBKT tỉnh ủy có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên của đảng bộ tỉnh báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát, gồm:

Một là, trong quá trình kiểm tra, giám sát, tổ chức đảng và đảng viên phải thực hiện nghiêm các yêu cầu của UBKT tỉnh ủy. Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy có quyền kiểm tra lại kết luận, thông báo, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

Hai là, khi cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới gửi các văn bản, báo cáo cho tỉnh ủy, BTVTU thì gửi đồng thời cho UBKT tỉnh ủy.

2.1.2.4. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

** Cơ cấu tổ chức của UBKT tỉnh ủy*

Thực hiện Quy định số 22-QĐi/TW, UBKT tỉnh ủy có từ 9 đến 11 ủy viên (do tỉnh ủy quyết định), trong đó có 2 ủy viên kiêm chức (trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức tỉnh ủy là tỉnh ủy viên và chánh thanh tra tỉnh), riêng UBKT Tỉnh ủy Thanh Hóa, Nghệ An có từ 11 đến 13 ủy viên.

Các ủy viên chuyên trách UBKT tỉnh ủy gồm: Chủ nhiệm là ủy viên BTVTU, từ 2 đến 3 phó chủ nhiệm (phó chủ nhiệm thường trực là tỉnh ủy viên) và một số ủy viên; riêng UBKT Tỉnh ủy Thanh Hoá, Nghệ An có không quá 4 phó chủ nhiệm.

** Chế độ làm việc của UBKT tỉnh ủy*

Điều lệ Đảng hiện hành quy định: “Ủy ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của ủy ban kiểm tra cấp trên” [62 tr.52]. Quy định số 22-QĐi/TW chỉ rõ: “Ủy ban kiểm tra thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của UBKT cấp trên” [8. tr.14- 15].

Từ những quy định nêu trên, chế độ làm việc của của UBKT tỉnh ủy, gồm:

Một là, UBKT tỉnh ủy thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong các hoạt động kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong mọi hoạt động kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, tức là UBKT tỉnh ủy làm việc theo chế độ tập thể lãnh đạo, quyết định theo đa số. Các quyết định, đề xuất với tỉnh ủy, UBKT Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đều được bàn bạc, thảo luận tập thể trong UBKT tỉnh ủy và quyết định theo đa số những ủy viên UBKT tỉnh ủy.

Hai là, UBKT tỉnh ủy làm việc dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tỉnh ủy, BTVTU

Ngoài việc lãnh đạo chỉ đạo và trực tiếp thực hiện việc hình thành tổ chức bộ máy, các ủy viên, cán bộ UBKT tỉnh ủy, tỉnh ủy, BTVTU trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, gồm thăm tra, xác minh, kết luận theo chức trách, nhiệm vụ và thẩm quyền theo quy định của Đảng; lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết hoạt động của UBKT tỉnh ủy...

Ba là, UBKT tỉnh ủy làm việc dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của UBKT Trung ương.

Ủy ban kiểm tra Trung ương chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động của UBKT tỉnh ủy như: Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Trung ương và hướng dẫn của UBKT Trung ương; phương hướng, nhiệm vụ, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; việc tham mưu và xây dựng về nội dung, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát các chuyên đề hằng năm; Báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến các nội dung kiểm tra - giám sát mà UBKT Trung ương tiến hành; tuyên truyền, hướng dẫn các quy

định công tác kiểm tra - giám sát và kỷ luật của Đảng; khi cần thiết, UBKT Trung ương chỉ đạo trực tiếp việc giải quyết các vấn đề cụ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ đối với công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của UBKT tỉnh ủy.

2.1.2.5. Vai trò của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

Một là, là tổ chức đảng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát trong đảng bộ tỉnh, bảo đảm cho công việc này theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chương trình, kế hoạch của tỉnh ủy, BTVTU về công tác kiểm tra, giám sát.

Ngoài nhiệm vụ chủ yếu là tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng theo quy định của Đảng, UBKT tỉnh ủy còn là cơ quan chủ yếu trong các cuộc kiểm tra do tỉnh ủy, BTVTU tiến hành trong thực hiện nhiệm vụ tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của mình.

Hai là, là cơ quan quan trọng ngăn chặn sai phạm của các tổ chức đảng, của đảng bộ tỉnh trong việc chấp hành cương lĩnh chính trị, đường lối, nghị quyết của Đảng về phát triển KT - XH, QPAN, đối ngoại; góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Nhiệm vụ chủ yếu của UBKT tỉnh ủy là kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và giám sát các tổ chức đảng cấp dưới của đảng bộ tỉnh trong việc chấp hành cương lĩnh chính trị, đường lối, nghị quyết của Đảng về phát triển KT-XH, QPAN, đối ngoại. Hoạt động này có vai trò, tác dụng lớn ngăn chặn những sai lầm, khuyết điểm nêu trên của các tổ chức đảng; đặc biệt việc giám sát của UBKT tỉnh ủy có tác dụng ngăn chặn những sai lầm, khuyết điểm, từ khi mới manh nha. Qua đó, góp phần quan trọng vào việc thực hiện cương lĩnh chính trị, đường lối, nghị quyết của Đảng về phát triển KT - XH, QPAN, đối ngoại; góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, góp phần quan trọng thực hiện nghiêm, đạt kết quả Điều lệ Đảng, xây dựng đảng bộ tỉnh vững mạnh, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy có nhiệm vụ chủ yếu đó là việc tiến hành kiểm tra đảng viên trong đảng bộ tỉnh, bao gồm cả tỉnh ủy viên khi có dấu hiệu vi phạm về các tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên cũng như trong thực hiện nhiệm vụ đảng viên. Hoạt động này của UBKT tỉnh ủy có vai trò, tác dụng lớn trong phòng ngừa, ngăn chặn sai lầm, khuyết điểm của đảng viên. Đặc biệt, việc giám sát của UBKT tỉnh ủy có vai trò rất quan trọng và tác dụng lớn trong việc phòng ngừa, ngăn chặn những sai lầm, khuyết điểm, những vi phạm nêu trên ngay từ khi mới manh nha. Thực hiện tốt nhiệm vụ này, UBKT tỉnh ủy góp phần thực hiện nghiêm, đạt kết quả Điều lệ Đảng nói chung, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng nói riêng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, góp phần xây dựng đảng bộ tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Bốn là, góp phần quan trọng nâng cao tính chất của kỷ luật đảng và việc thi hành kỷ luật trong đảng bộ tỉnh.

Một nhiệm vụ rất quan trọng của UBKT tỉnh ủy là giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng của các tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ tỉnh. Thực hiện tốt nhiệm vụ này, thể hiện và khẳng định vai trò rất quan trọng của UBKT tỉnh ủy trong việc nâng cao tính nghiêm túc của kỷ luật đảng và tính công minh, chính xác của việc xử lý kỷ luật trong đảng bộ tỉnh; thể hiện sự tôn trọng quyền bảo lưu ý kiến của đảng viên. Qua đó, tạo phần khởi, nâng cao niềm tin của đảng viên đối với kỷ luật đảng và việc thi hành kỷ luật trong Đảng, cổ vũ, động viên đảng viên, các tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật đảng khi họ được giải quyết khiếu nại một cách thỏa đáng, hợp với nguyện vọng của họ; tích cực tu dưỡng, rèn luyện vươn lên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Điều này, có tác dụng lớn đối với việc giữ nghiêm kỷ luật đảng, phát huy vai trò của kỷ luật đảng và việc thi hành kỷ luật trong đảng bộ tỉnh trong công tác xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh

Năm là, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy còn có nhiệm vụ quan trọng là giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ tỉnh. Thực hiện tốt nhiệm vụ này, UBKT tỉnh ủy sẽ góp phần quan trọng để các cấp ủy nắm chắc các tổ chức đảng trực thuộc và đội ngũ đảng viên của mình, nhất là những tổ chức đảng trực thuộc và những đảng viên bị thi hành kỷ luật đảng. Từ đó, cấp ủy có chủ trương, giải pháp đúng đắn, kịp thời, khả thi giáo dục, rèn luyện các tổ chức đảng và đảng viên bị thi hành kỷ luật đảng sửa chữa sai lầm, khuyết điểm, vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; giáo dục các tổ chức đảng và những đảng viên khác tránh mắc phải những khuyết điểm, sai lầm đó. Điều này, góp phần quan trọng làm trong sạch tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, xây dựng các tổ chức đảng vững mạnh, đội ngũ đảng viên có chất lượng tốt, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao.

Sáu là, góp phần đảm bảo quyền dân chủ của tổ chức đảng và đảng viên

Giải quyết KN, TC là thực hiện quyền dân chủ của tổ chức đảng và đảng viên. Để đảm bảo dân chủ trong Đảng, tổ chức đảng và đảng viên đều có quyền được tố cáo tổ chức, cá nhân có những việc làm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước đồng thời khi bị xử lý kỷ luật, nếu tổ chức đảng và đảng viên nhận thấy không đúng thì có quyền khiếu nại đến Ban Chấp hành Trung ương. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI quy định “Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương” [62 tr.54].

2.1.3. Cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy - khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cơ cấu biên chế và vai trò

2.1.3.1. Khái niệm cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

Sách 350 thuật ngữ Xây dựng Đảng đưa ra khái niệm về UBKT tỉnh ủy: “Cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương là cơ quan tham mưu, giúp việc ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy (sau đây gọi tắt là tỉnh ủy) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng trong đảng bộ tỉnh theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện các nhiệm vụ do tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy giao; cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của tỉnh ủy, ủy ban kiểm tra tỉnh ủy” [148, tr. 118].

Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021” chỉ rõ:

Cơ quan ủy ban kiểm tra là cơ quan tham mưu, giúp ủy ban kiểm tra cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và thực hiện các nhiệm vụ do cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp giao; đồng thời, là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của cấp ủy [8, tr 2].

Để đưa ra khái niệm “Cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy” đầy đủ cần bổ sung việc hình thành tổ chức bộ máy của cơ quan UBKT tỉnh ủy vào khái niệm nêu trên.

Cơ quan UBKT tỉnh ủy là cơ quan được tỉnh ủy quyết định thành lập, lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy cũng như mọi hoạt động; là cơ quan tham mưu, giúp UBKT tỉnh ủy thực hiện các nhiệm vụ, chức năng, thẩm quyền về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong đảng bộ tỉnh, được tiến hành theo các quy định của Điều lệ Đảng và thực hiện các nhiệm vụ do tỉnh

ủy, BTVTU giao; UBKT tỉnh ủy cũng là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của tỉnh ủy, BTVTU.

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ cấu biên chế của cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

** Chức năng của cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy*

Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 xác định rõ chức năng của cơ quan UBKT tỉnh ủy:

Một là, là cơ quan tham mưu, giúp việc cho UBKT tỉnh ủy tiến hành triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn, chức năng về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng bộ tỉnh, mọi nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định của Điều lệ Đảng, và các nhiệm vụ được tỉnh ủy, BTVTU giao.

Tham mưu, giúp việc UBKT tỉnh ủy là chức năng chủ yếu của cơ quan UBKT tỉnh ủy, là tham mưu, giúp việc UBKT tỉnh ủy trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBKT tỉnh ủy. Ngoài ra cơ quan UBKT tỉnh ủy còn có chức năng thực hiện các nhiệm vụ do tỉnh ủy, BTVTU giao, thường là những nhiệm vụ phục vụ quá trình tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát.

Hai là, là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng của tỉnh ủy, BTVTU, UBKT tỉnh ủy

** Nhiệm vụ của cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy*

Theo Quy định số 04-QĐi/TW, cơ quan UBKT tỉnh ủy có nhiệm vụ sau:

Một là, nghiên cứu, đề xuất và thực hiện.

Cơ quan UBKT tỉnh ủy tiến hành tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định bởi Điều lệ Đảng, quy chế làm việc của UBKT tỉnh ủy; tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch định kỳ, hằng năm theo sự chỉ đạo và phân công của UBKT tỉnh ủy.

Là cơ quan chủ trì, phối hợp tham mưu xây dựng cũng như triển khai tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy, BTVTU, UBKT tỉnh ủy đề ra trong nhiệm kỳ và hằng năm theo quy định của Điều lệ Đảng; chuẩn bị các điều kiện cần và đủ cho việc kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; triển khai các đề án về công tác kiểm tra, giám sát của đảng bộ tỉnh ủy, BTVTU, UBKT tỉnh ủy xem xét, quyết định theo thẩm quyền; tham mưu giúp tỉnh ủy xây dựng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận về công tác kiểm tra, giám sát.

Thực hiện trách nhiệm, thẩm quyền trong công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định của Bộ Chính trị. Nghiên cứu, đề xuất UBKT tỉnh ủy tiến hành thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên theo quy định tại Điều 30 và Điều 32, Điều lệ Đảng;

Đề xuất, đóng góp ý kiến vào sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của tỉnh ủy, BTVTU về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trong đảng bộ tỉnh.

Thực hiện thông tin, tuyên truyền cũng như phổ biến công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng; giúp BTVTU và UBKT tỉnh ủy tổ chức các hoạt động sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Nghiên cứu, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào hoạt động công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy, cơ quan UBKT tỉnh ủy. Thực hiện việc thống kê, rà soát, báo cáo định kỳ và đột xuất với BTVTU, UBKT Trung ương theo quy định.

Hai là, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát.

Cơ quan UBKT tỉnh ủy giúp UBKT tỉnh ủy hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp và đảng viên trong đảng bộ tỉnh thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; giúp UBKT tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng cho tổ chức đảng, UBKT cấp ủy trực thuộc và các cơ quan tham

mu, giúp việc tỉnh ủy; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kiểm tra đảng.

Cơ quan UBKT tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, UBKT cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Tổ chức thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của UBKT theo quy định của Điều lệ Đảng; quy chế làm việc cũng như chương trình công tác kiểm tra, giám sát hằng năm.

Ba là, thẩm định, thẩm tra.

Cơ quan UBKT tỉnh ủy tiến hành thẩm định đề án, văn bản của các cơ quan Đảng, Nhà nước, MTTQ và các tổ chức CT-XH trên địa bàn tỉnh về những nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng khi có yêu cầu.

Bốn là, phối hợp.

Cơ quan UBKT tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp đối với công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng.

Phối hợp với văn phòng tỉnh ủy giúp tỉnh ủy, BTVTU tiến hành theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc của tỉnh ủy, BTVTU.

Phối hợp với ban tổ chức tỉnh ủy trong việc thực hiện công tác cán bộ theo các quy định của BTVTU về phân cấp quản lý đội ngũ cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử; trong việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế cũng như việc thực hiện chế độ, chính sách của cơ quan UBKT tỉnh ủy; tham gia ý kiến về các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức do cơ quan chức năng đề nghị khen thưởng theo phân cấp.

Năm là, thực hiện một số nhiệm vụ khi tỉnh ủy, BTVTU, thường trực tỉnh ủy và UBKT tỉnh ủy phân công.

** Tổ chức bộ máy, cơ cấu biên chế của cơ quan UBKT tỉnh ủy*

Chủ nhiệm UBKT tỉnh ủy là thủ trưởng cơ quan UBKT tỉnh ủy; các phó chủ nhiệm UBKT tỉnh ủy là phó thủ trưởng cơ quan UBKT tỉnh ủy. Các đơn vị trực thuộc cơ quan UBKT tỉnh ủy gồm các phòng; số lượng các phòng tùy theo yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của tỉnh nhưng không quá 4 phòng. Cơ cấu tổ chức và biên chế của cơ quan UBKT tỉnh ủy phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cũng như quy định về vị trí việc làm, cơ cấu cán bộ, công chức của cơ quan UBKT tỉnh ủy đối với cơ cấu biên chế được giao trong tổng số biên chế của tỉnh ủy, cụ thể là đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc khác.

2.1.3.3. Vai trò của cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

Một là, cơ quan UBKT tỉnh ủy có vai trò quan trọng, bảo đảm cho UBKT tỉnh ủy hoạt động theo đúng chương trình, kế hoạch và đạt chất lượng, hiệu quả.

Hai là, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng các đề án, văn bản của các cơ quan trong tỉnh liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, tạo thuận lợi cho tỉnh ủy, BTVTU xem xét, quyết định.

Ba là, góp phần quan trọng trong phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy trong thực hiện công tác xây dựng đảng bộ tỉnh, nhất là công tác tổ chức, cán bộ.

Bốn là, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU trong công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng trong đảng bộ tỉnh.

Năm là, là lực lượng chủ yếu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng cho cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đội ngũ cán bộ kiểm tra của cấp ủy cấp dưới.

2.2. Khiếu nại, tố cáo và công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

2.2.1. Khiếu nại, khiếu nại kỷ luật đảng và công tác giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

2.2.1.1. Khái niệm

Khái niệm khiếu nại:

Khiếu nại là việc đưa ra thắc mắc, đề nghị xem xét lại những kết luận, quyết định do cấp có thẩm quyền đã làm đã chuẩn y. Sách *tra cứu các mục từ về tổ chức* đưa ra khái niệm “khiếu nại” như sau:

“Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính hoặc quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình” [114, tr.451] ;

Sách *tra cứu các mục từ về tổ chức* nhấn mạnh: “Khiếu nại còn được áp dụng trong Đảng, trong các đoàn thể nhân dân và ở các tổ chức kinh tế, xã hội” [114, tr.451] ;

Luật Khiếu nại quy định:

Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật Khiếu nại quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình [126, tr.1].

Từ những điều trên, đi đến khái niệm, khiếu nại là một trong những quyền cơ bản của công dân Việt Nam được quy định bởi Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là việc công dân, cơ quan, tổ chức áp dụng theo thủ tục do Luật Khiếu nại quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại các quyết định hành chính, hành vi vi phạm hành chính hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng, quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp

pháp của mình.

Khái niệm “khiếu nại kỷ luật đảng”:

Khiếu nại trong Đảng bao gồm: khiếu nại kỷ luật đảng và khiếu nại cả những việc không thuộc kỷ luật đảng như việc bình xét, khen thưởng, đánh giá đảng viên, tổ chức đảng không công bằng, thiên vị, sai lệch, không đúng sự thật. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, chỉ tập trung bàn đến “khiếu nại kỷ luật đảng”.

“Kỷ luật thường được hiểu là quy tắc, điều qui định bắt buộc mọi người trong tổ chức phải tuân thủ” [123, tr.933]. Trong các văn kiện của Đảng thường dùng hai cụm từ “kỷ luật của Đảng” và cụm từ “kỷ luật đảng” thay thế cho nhau, song cụm từ “kỷ luật đảng” được sử dụng nhiều hơn. Sách “350 thuật ngữ Xây dựng Đảng” đưa ra cách hiểu đầy đủ, rõ hơn về “kỷ luật của Đảng” là: tổng thể những quy định trong nội bộ Đảng như Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, quyết định, kết luận ...của Đảng; kỷ luật của Nhà nước; kỷ luật của các tổ chức CT - XH mà đảng viên là thành viên.

Theo nghĩa chung nhất: kỷ luật của Đảng là những nguyên tắc, chế độ quy định do Đảng đặt ra hoặc thừa nhận và có tính bắt buộc đối với hoạt động của các thành viên trong Đảng (gồm các tổ chức đảng và đảng viên).

Kỷ luật cũng là hình thức phạt đối với người hoặc tổ chức vi phạm kỷ luật, đó là các hình thức kỷ luật được quy định tại điều 35 Điều lệ Đảng khóa XI. Các tổ chức đảng có chức năng, thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên khi có vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng một trong những hình thức kỷ luật được quy định tại điều 35 Điều lệ Đảng khóa XI.

Từ những khái niệm nêu trên, có thể hiểu, kỷ luật đảng là tổng thể những nguyên tắc, chế độ quy định của Đảng bắt buộc các tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành trong mọi hoạt động của mình; là hình thức xử phạt đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm kỷ luật đảng đến mức phải xử phạt theo

các hình thức kỷ luật của Đảng được quy định trong Điều lệ Đảng, nhằm bảo đảm cho toàn Đảng thống nhất về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được giao.

Các hình thức kỷ luật đều được quy định trong Điều lệ Đảng, bao gồm: “Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán. Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ. Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo” [66, tr. 54].

Khiếu nại được áp dụng trong xã hội, trong Đảng và trong các tổ chức CT-XH, các tổ chức kinh tế, xã hội, song khiếu nại trong Đảng khác căn bản với khiếu nại trong xã hội. Khiếu nại trong xã hội bao gồm nhiều vấn đề khác nhau như: khiếu nại đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền... khiếu nại các quyết định kỷ luật cán bộ, công chức của cơ quan có thẩm quyền. Khiếu nại trong Đảng, về kỷ luật đảng.

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định về quyền khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng, đảng viên: “Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ khi nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương” [66, tr. 61].

Từ khái niệm khiếu nại trên đây cũng như các quy định của Điều lệ Đảng về khiếu nại, có thể đưa ra khái niệm: khiếu nại kỷ luật đảng là một trong những quyền của các tổ chức đảng và đảng viên do Điều lệ Đảng quy định; là việc tổ chức đảng, đảng viên thực hiện theo thủ tục, quy định của Đảng để đề nghị cấp ủy hoặc UBKT cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương xem xét lại các quyết định kỷ luật của cấp ủy hoặc UBKT có thẩm quyền trong thi hành kỷ luật đối với mình khi có căn cứ cho rằng, quyết định kỷ luật đó trái quy định Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng, ảnh hưởng

đến hoạt động và sự phát triển của mình.

Như vậy, tổ chức có trách nhiệm xem xét lại quyết định kỷ luật của cấp ủy hoặc UBKT có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng và đảng viên gồm: cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và UBKT cấp trên

Công tác giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng là xem xét, xác minh, kết luận và ra quyết định theo trình tự và thủ tục khiếu nại đối với quyết định kỷ luật đảng của cơ quan, tổ chức đảng có thẩm quyền, đề nghị xem xét lại quyết định kỷ luật đó khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái quy định của Điều lệ Đảng, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức đảng, đảng viên đơn gửi đơn khiếu nại.

2.2.1.2. Nội dung, phân loại, nguyên tắc- khiếu nại kỷ luật đảng

** Nội dung khiếu nại kỷ luật của đảng viên*

Kỷ luật gồm nhiều loại, trên cơ sở nội dung kỷ luật đảng, có thể thấy nội dung khiếu nại về kỷ luật đảng, gồm:

Một là, khiếu nại về kỷ luật nội bộ Đảng.

Hai là, khiếu nại về kỷ luật của Nhà nước.

Ba là, khiếu nại về kỷ luật của các tổ chức CT - XH mà đảng viên có tham gia.

Phạm vi nghiên cứu của luận án chỉ đề cập đến khiếu nại kỷ luật đảng, không đề cập đến khiếu nại kỷ luật của Nhà nước và các tổ chức CT – XH.

Những nội dung khiếu nại trên thường gắn liền với về hình thức kỷ luật đảng được quy định trong Điều lệ Đảng hiện hành đối với tổ chức đảng, đảng viên chính thức và đảng viên dự bị. Những nội dung khiếu nại đều dẫn đến yêu cầu giảm hình thức kỷ luật hoặc hủy bỏ quyết định kỷ luật của cấp ủy, cơ quan có thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên theo các hình thức kỷ luật được quy định tại Điều 35 Điều lệ Đảng hiện hành đã nêu ở trên.

Trong bốn nội dung khiếu nại trên, tập trung và nhiều nhất là khiếu nại về kỷ luật nội bộ Đảng. Trong đó, cũng có nhiều nội dung khiếu nại về kỷ luật

đảng thể hiện ở các mặt xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Ví dụ: khiếu nại kỷ luật về vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; vi phạm đạo đức, lối sống; vi phạm quy định về những điều đảng viên không được làm,...; tổ chức đảng vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng.

** Phân loại khiếu nại về kỷ luật đảng*

Có nhiều cách phân chia các khiếu nại về kỷ luật đảng. Với từng cách phân loại sẽ có các loại khiếu nại tương ứng. Nếu phân loại theo nội dung khiếu nại kỷ luật đảng, sẽ có các loại khiếu nại về: kỷ luật nội bộ Đảng; kỷ luật của Nhà nước; kỷ luật của các tổ chức CT - XH. Nếu phân loại theo các mặt xây dựng Đảng, sẽ có các khiếu nại về: vi phạm xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức, cán bộ. Nếu phân loại theo các hình thức kỷ luật đảng, sẽ có các khiếu nại về hình thức kỷ luật tổ chức đảng; đảng viên chính thức; đảng viên dự bị ...

** Nguyên tắc khiếu nại về kỷ luật đảng:*

Một là, không khiếu nại vượt cấp khi chưa giải quyết xong.

Hai là, không được gửi đơn khiếu nại đến nhiều cấp, nhiều tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền giải quyết.

Ba là, không khiếu nại hộ.

Bốn là, trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm các quyết định kỷ luật đảng.

Thời hạn khiếu nại trong vòng 30 ngày, tính từ ngày nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ biên bản công bố) đến ngày đảng viên bị kỷ luật gửi đơn khiếu nại trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến.

2.2.1.3. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy - khái niệm, phạm vi, đối tượng, nội dung, quy trình, nguyên tắc và vai trò

** Khái niệm “giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng”, “công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy”*

Một nhiệm vụ rất quan trọng của UBKT tỉnh ủy là giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng. Để đi đến khái niệm “giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng” còn phải làm rõ khái niệm “giải quyết”. “Giải quyết” thường được hiểu là “làm cho không còn mọi trở ngại, khó khăn để đạt tới kết quả tốt đẹp” [123, tr. 727].

Từ khái niệm “giải quyết” và khái niệm “khiếu nại kỷ luật đảng” đi đến khái niệm: Giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng là các hoạt động của tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại quyết định kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng và đảng viên do tổ chức đảng có thẩm quyền cấp dưới ban hành, khi tổ chức đảng và đảng viên có đơn khiếu nại để có các quyết định đúng đắn, chính xác thay thế các quyết định đã ban hành.

“Công tác” thường được hiểu là việc công, là công việc chủ yếu của các tổ chức trong HTCT. Từ khái niệm “công tác” và khái niệm “giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng” đi đến khái niệm: Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy là các hoạt động của UBKT tỉnh ủy trong xây dựng, ban hành các quyết định về giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng; tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện quyết định đó, để công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy đạt chất lượng, hiệu quả. Việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng được tiến hành từ ủy ban kiểm tra, ban thường vụ cấp ủy hoặc cấp ủy từ cấp cơ sở trở lên

Chủ thể công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng: ủy ban kiểm tra tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy là tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU.

Lực lượng tham gia công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy: các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc tỉnh ủy;

các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên có liên quan trong đảng bộ tỉnh; các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan và nhân dân trong tỉnh.

Phạm vi, đối tượng công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy.

Đối tượng công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy gồm các tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh có đơn thư khiếu nại, trọng tâm là các tổ chức đảng trực thuộc và đảng viên là cán bộ diện BTVTU quản lý theo thẩm quyền do Đảng quy định. Số khiếu nại kỷ luật đảng còn lại (vượt thẩm quyền giải quyết của UBKT tỉnh ủy) do tỉnh ủy, BTVTU giải quyết.

Trên cơ sở Quy định số 22-QĐi/TW ngày 28/7/2021 quy định cụ thể về phạm vi, đối tượng giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, có thể xác định phạm vi, đối tượng công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy, gồm:

Một là, giải quyết đơn thư khiếu nại về: nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật trong quyết định kỷ luật; nguyên tắc, thủ tục, quy trình, chức năng, thẩm quyền thi hành kỷ luật mà đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại. Trong quá trình giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng, nếu phát hiện ra đảng viên khiếu nại có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư tố cáo thì UBKT tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Hai là, đảng viên bị kỷ luật có đơn thư khiếu nại nhưng chưa được giải quyết hoặc đang giải quyết đã qua đời thì UBKT tỉnh ủy vẫn xem xét, giải quyết; nếu thân nhân (cha, mẹ; vợ hoặc chồng; con; anh, chị, em ruột) đề nghị cho biết kết quả thì thông báo kết quả giải quyết khiếu nại bằng văn bản cho tổ chức đảng ở nơi đảng viên có đơn thư khiếu nại cư trú và thân nhân của đảng viên đó biết.

Ba là, không giải quyết những trường hợp khiếu nại kỷ luật đảng, như: khiếu nại quá thời hạn khiếu nại theo quy định; khiếu nại đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; khiếu nại đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, quyết định; người khiếu nại bị toà án quyết định hình phạt tù cải

tạo không giam giữ trở lên chưa được toà án có thẩm quyền quyết định hủy bỏ bản án; khiếu nại hộ, khiếu nại khi chưa nhận được quyết định kỷ luật bằng văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền; đảng viên khiếu nại kỷ luật đảng từ chối nhận quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

** Nội dung công tác giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy*

Một là, UBKT tỉnh ủy xây dựng, ban hành quyết định về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng, đảng viên

Quyết định của UBKT tỉnh ủy về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng, đảng viên, gồm bốn loại quyết định sau đây:

Quyết định của UBKT tỉnh ủy về giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng về các nội dung sau:

Quyết định giải quyết đơn thư khiếu nại về vi phạm trong thực hiện Cương lĩnh chính trị, nghị quyết, quyết định của Đảng gồm: những vi phạm trong thực hiện Cương lĩnh chính trị; những vi phạm trong thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; những vi phạm trong thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng về xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức trong HTCT, nhất là vi phạm trong thực hiện công tác xây dựng nội bộ Đảng và trong hoạt động của các tổ chức đảng; những vi phạm trong thực hiện Điều lệ Đảng, thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách...

Quyết định giải quyết đơn thư khiếu nại về vi phạm trong thực hiện nghị quyết, quyết định của cấp ủy, gồm: những vi phạm trong thực hiện các nghị quyết đại hội đảng bộ cấp huyện và tương đương, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy định của tỉnh ủy, BTVTU về phát triển KT - XH, QPAN,

đối ngoại; những vi phạm trong thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy định của tỉnh ủy, BTVTU về xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức trong HTCT trong tỉnh, nhất là những vi phạm trong thực hiện công tác xây dựng nội bộ các tổ chức đảng và trong hoạt động của các tổ chức đảng, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Quyết định của UBKT tỉnh ủy về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên chính thức về các nội dung sau: những vi phạm trong chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những vi phạm trong thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận, quy định của cấp ủy cấp huyện và tương đương và của tỉnh ủy, BTVTU; những vi phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; những vi phạm về phong cách, lề lối làm việc, thái độ, quan hệ với nhân dân...

Quyết định của UBKT tỉnh ủy về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên dự bị

Quy định số 22-QĐi/TW đưa ra quy định về việc xóa tên danh sách đảng viên đối với đảng viên dự bị khi vi phạm kỷ luật đảng: “Đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải kỷ luật thì kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo, khi hết thời hạn dự bị, chi bộ vẫn tiến hành xét công nhận đảng viên chính thức. Nếu vi phạm đến mức không còn đủ tư cách đảng viên thì xóa tên trong danh sách đảng viên” [8, tr.28].

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy xây dựng, ban hành quyết định về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên dự bị, tổ chức thực hiện về những nội dung tương tự nội dung đối với đảng viên chính thức. Song, cần chú ý: đối với đảng viên dự bị chỉ có hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, không có hình thức khai trừ khỏi Đảng; chú ý đến việc xóa tên đảng viên dự bị trong danh sách đảng viên

Quyết định của UBKT tỉnh ủy về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên về vi phạm pháp luật, kỷ luật hành chính, đoàn thể.

Quy định số 22-QĐi/TW quy định: “Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không được xử lý nội bộ” [8, tr.26].

Đối với kỷ luật về hành chính, kỷ luật về đoàn thể, Quy định số 22-QĐi/TW, chỉ rõ:

Khi cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên công tác tại các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội bị đình chỉ công tác hoặc xử lý kỷ luật thì các tổ chức này cần phải chủ động thông báo ngay cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó để tiến hành xem xét, xử lý kỷ luật đảng. Sau khi tiến hành giải quyết, nếu như có thay đổi về hình thức kỷ luật thì tổ chức đảng đó có thẩm quyền chỉ đạo việc xem xét lại hình thức kỷ luật đảng viên, đó về hành chính, đoàn thể.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy xây dựng, ban hành quyết định về giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên về vi phạm pháp luật, kỷ luật hành chính, đoàn thể về những nội dung theo quy định trên. Đối với vi phạm pháp luật thì đảng viên tiến hành khiếu nại theo Luật Khiếu nại. Đối với đảng viên có đơn khiếu nại về kỷ luật hành chính, đoàn thể, UBKT tỉnh ủy cũng ra quyết định về giải quyết đơn thư khiếu nại như giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng theo quy định của Đảng.

Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy theo những nội dung nêu trên thể hiện ở kết quả là giữ nguyên, hoặc chuyển hình thức kỷ luật hiện tại của tổ chức đảng và đảng viên xuống hình thức thấp hơn so với hình thức kỷ luật hiện tại, hoặc hủy quyết định kỷ luật do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định trước đó. Thường ít có trường hợp qua giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy chuyển hình thức kỷ luật lên hình thức cao hơn.

Hai là, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo và triển khai thực hiện quyết định của mình về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng.

Ủy ban kiểm tra quán triệt quyết định của mình về giải quyết đơn thư

khieu nại kỷ luật đảng trong cơ quan UBKT tỉnh ủy; phổ biến quyết định này đối với cấp dưới có tổ chức đảng trực thuộc và cấp ủy có đảng viên có đơn khiếu nại kỷ luật đảng và tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết đơn khiếu nại đã ban hành quyết định giải quyết trước đó (nếu có) để triển khai phối hợp thực hiện công việc.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy thành lập tổ giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng đối với từng đơn thư khiếu nại. Đối với một số trường hợp khiếu nại ít phức tạp, UBKT tỉnh ủy có thể ủy quyền cho một ủy viên UBKT tỉnh ủy tiến hành giải quyết khiếu nại với sự phối hợp, hỗ trợ của một số cán bộ của cơ quan UBKT tỉnh ủy.

Tổ giải quyết khiếu nại của UBKT tỉnh ủy, gồm: một số ủy viên UBKT tỉnh ủy, trong đó chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm UBKT tỉnh ủy làm tổ trưởng; một số cán bộ có năng lực, kinh nghiệm của cơ quan UBKT tỉnh ủy. Cần chú ý cử cán bộ ở các bộ phận chuyên môn của cơ quan UBKT tỉnh ủy liên quan trực tiếp đến nội dung khiếu nại tham gia tổ giải quyết khiếu nại.

Tổ giải quyết khiếu nại thống nhất quy định, chương trình làm việc; phân công công việc cụ thể cho các thành viên và tiến hành công việc.

Ba là, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo việc phối hợp giữa tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của mình với tổ chức đảng có liên quan để tiến hành công việc.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy chỉ đạo việc phối hợp giữa tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng với cấp ủy có tổ chức đảng trực thuộc và có đảng viên của mình có đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng; việc phối hợp giữa tổ giải quyết khiếu nại với tổ chức đảng có thẩm quyền đã ban hành và chuẩn y quyết định thi hành kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên trước đó (nếu có).

Bốn là, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo việc phối hợp giữa tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của mình với các cơ quan chức năng trong hoạt động giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của tổ giải quyết khiếu nại

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy chỉ đạo việc phối hợp giữa tổ giải quyết khiếu

nại kỷ luật đảng với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy để tiến hành công việc thuận lợi và đạt kết quả. Thường trực UBKT tỉnh ủy tiếp nhận và xem xét, quyết định đối với đề nghị của tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng khi cần có giám định kỹ thuật, chuyên môn và đề nghị các cơ quan này tham gia thực hiện việc giám định kỹ thuật, chuyên môn do tổ giải quyết khiếu nại yêu cầu.

Năm là, UBKT tỉnh ủy đôn đốc, kiểm tra, giám sát tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; chỉ đạo việc tổng kết, rút kinh nghiệm giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của tổ giải quyết khiếu nại.

** Quy trình giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy*

Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy theo các bước sau đây:

Bước một, ủy ban kiểm tra tỉnh ủy chỉ đạo và thực hiện việc chuẩn bị giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng

Đây là bước rất quan trọng có tính quyết định chất lượng các bước tiếp theo của công tác giải quyết khiếu nại của tổ giải quyết khiếu nại hoặc của ủy viên UBKT tỉnh ủy được ủy quyền giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng và kết quả giải quyết khiếu nại. Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy chỉ đạo và thực hiện tốt những công việc sau đây:

Một là, tổ giải quyết khiếu nại hoặc ủy viên UBKT tỉnh ủy được ủy quyền giải quyết đơn thư khiếu nại, nghiên cứu kỹ nội dung khiếu nại, hồ sơ thi hành kỷ luật và hồ sơ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng, đảng viên (nếu có) của các tổ chức đảng có thẩm quyền đã ban hành trước đó.

Coi trọng nghiên cứu kỹ nội dung kiểm điểm của tổ chức đảng, đảng viên bị xử lý kỷ luật và các tài liệu thẩm tra, xác minh của tổ chức đảng; nghiên cứu kỹ nội dung khiếu nại. Đối với những trường hợp khiếu nại phức tạp sau khi hoàn thành những việc trên cán bộ kiểm tra phải báo cáo đại diện

UBKT tỉnh ủy, nếu được đồng ý sẽ tiến hành khảo sát sơ bộ; gặp người khiếu nại (nếu có điều kiện), gặp đại diện tổ chức đảng đã thi hành kỷ luật hoặc giải quyết khiếu nại trước khi UBKT tỉnh ủy giải quyết khiếu nại để nắm tình hình, tóm tắt nội dung khiếu nại, dự kiến kế hoạch giải quyết và dự kiến cán bộ giải quyết khiếu nại.

Hai là, tổ giải quyết khiếu nại hoặc ủy viên UBKT tỉnh ủy được ủy quyền giải quyết đơn thư khiếu nại báo cáo nội dung, đối tượng khiếu nại, kế hoạch giải quyết khiếu nại để thường trực UBKT tỉnh ủy xem xét, thông qua.

Bước hai, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo, tiến hành giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

Một là, tổ giải quyết khiếu nại hoặc ủy viên UBKT tỉnh ủy được ủy quyền giải quyết đơn thư khiếu nại làm việc với đại diện tổ chức đảng đã thi hành kỷ luật hoặc giải quyết khiếu nại tổ chức đảng, đảng viên trước đó để triển khai kế hoạch và yêu cầu tổ chức đảng cử cán bộ phối hợp để giải quyết khiếu nại.

Hai là, tổ giải quyết khiếu nại hoặc ủy viên UBKT tỉnh ủy được ủy quyền giải quyết đơn thư khiếu nại tiến hành kiểm tra.

Tổ giải quyết khiếu nại hoặc ủy viên UBKT tỉnh ủy được ủy quyền giải quyết đơn thư khiếu nại làm việc với đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên có đơn khiếu nại kỷ luật đảng để nắm chắc nội dung khiếu nại.

Đây là việc làm rất cần thiết để nắm chắc nội dung khiếu nại; yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên có đơn thư khiếu nại cung cấp tài liệu, bằng chứng (nếu có) để làm rõ nội dung khiếu nại; nhắc nhở họ chấp hành đúng nguyên tắc khiếu nại kỷ luật đảng (bốn nguyên tắc đã nêu trên). Mặt khác, tiến hành công việc này nhằm giúp tổ chức đảng, đảng viên có đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng có thái độ đúng đắn với sai lầm, khuyết điểm của họ; với tổ chức đã quyết định kỷ luật, hoặc tổ chức đảng đã giải quyết khiếu nại của họ trước đó (nếu

có); với những người có trách nhiệm liên quan; động viên họ yên tâm, tin tưởng vào sự giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng UBKT tỉnh ủy.

Qua thực hiện những công việc trên nếu nhận thấy việc khiếu nại hiện tại của tổ chức đảng, đảng viên không làm thay đổi nội dung vi phạm hoặc hình thức xử lý kỷ luật, thì giải thích cho họ rõ bằng những cách thích hợp. Nếu đối tượng khiếu nại tự nguyện xin rút đơn thư khiếu nại thì yêu cầu họ viết đơn xin rút khiếu nại; nếu họ không viết đơn xin rút khiếu nại, cần tiếp tục xem xét, giải quyết; không được ép họ rút đơn khiếu nại.

Thu thập tài liệu, chứng cứ, tiến hành thẩm tra, xác minh.

Tổ giải quyết khiếu nại nếu thấy cần thiết thì tiến hành làm việc với các tổ chức đảng cấp dưới đã đề nghị kỷ luật, đã giải quyết đơn khiếu nại trước đây để làm rõ vụ việc và yêu cầu các tổ chức này nêu rõ chính kiến về nội dung và hình thức kỷ luật bằng văn bản.

Tổ giải quyết khiếu nại tiến hành làm việc với đại diện tổ chức đảng đã thi hành kỷ luật hoặc giải quyết khiếu nại lần trước (nếu có) trước khi UBKT tỉnh ủy triển khai giải quyết khiếu nại, đồng thời trao đổi về nội dung, tình tiết, diễn biến của sự việc dẫn đến việc thi hành kỷ luật; làm rõ những điểm khác nhau giữa nội dung khiếu nại kỷ luật đối với quyết định kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại trước đó; trao đổi cụ thể về nội dung, mức độ, tính chất, tác hại cũng như nguyên nhân vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên.

Khi giải quyết những khiếu nại kỷ luật khai trừ khỏi Đảng, nếu tổ giải quyết khiếu nại nhận thấy có khả năng thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật, tổ giải quyết khiếu nại phải gặp đại diện tổ chức đảng, tổ chức nhà nước hoặc tổ chức CT-XH nơi người có đơn khiếu nại đang công tác, hoạt động hoặc cư trú để tìm hiểu kỹ về phẩm chất, đạo đức, trách nhiệm công tác, hoạt động của họ từ sau khi bị khai trừ khỏi Đảng đến khi họ có đơn khiếu nại. Những ý kiến nhận xét, đánh giá của các tổ chức này về người có đơn khiếu nại phải bằng văn bản.

Ba là, tiếp tục thẩm tra, xác minh và giải quyết khiếu nại.

Qua các hội nghị và các các buổi làm việc trên, nếu có vấn đề nào chưa rõ phải tiếp tục thẩm tra, xác minh và tiếp tục giải quyết khiếu nại. Tổ giải quyết khiếu nại chuẩn bị báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại; cần chú ý đến những khiếu nại có khả năng thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới trước đó đã quyết định. Cần chỉ rõ nội dung vi phạm, bản chất, tác hại, nguyên nhân; chỉ rõ những tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ hình thức kỷ luật; những ý kiến khác nhau giữa tổ giải quyết khiếu nại hoặc ủy viên UBKT tỉnh ủy được ủy quyền giải quyết đơn khiếu nại với tổ chức đảng cấp dưới.

Tổ giải quyết khiếu nại trao đổi với tổ chức đảng, đảng viên có đơn thư khiếu nại về dự kiến nội dung kết luận giải quyết khiếu nại để có đủ căn cứ kết luận.

Bước ba, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo, tiến hành kết thúc giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng

Một là, tổ giải quyết khiếu nại hoặc ủy viên UBKT tỉnh ủy được ủy quyền giải quyết đơn thư khiếu nại báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, trình bày đầy đủ những nội dung cần thiết. Đối với trường hợp thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật khai trừ khỏi Đảng, cần báo cáo rõ về tư cách, phẩm chất của người có đơn khiếu nại từ sau khi bị thi hành kỷ luật khai trừ khỏi Đảng.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy trao đổi, thảo luận và kết luận về nội dung giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, quyết định chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật; đề nghị tổ chức đảng cấp dưới tiếp tục ổn định tình hình đơn vị, địa phương và giải quyết những vấn đề có liên quan sau khi UBKT tỉnh ủy giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, duy trì hoạt động của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

Hai là, tổ giải quyết khiếu nại hoặc trao đổi kết luận, quyết định của UBKT tỉnh ủy với tổ chức đảng cấp dưới và bàn bạc, tìm giải pháp thực hiện.

Nếu còn có những ý kiến khác cần báo cáo UBKT tỉnh ủy bằng văn bản và đề nghị lãnh đạo các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành quyết định của UBKT tỉnh ủy về giải quyết khiếu nại.

Ba là, hoàn chỉnh thông báo kết luận, quyết định của UBKT tỉnh ủy về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng

Bốn là, thông báo kết quả giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy, những yêu cầu, kiến nghị và công bố quyết định giải quyết đơn khiếu nại đến tổ chức đảng có liên quan và đến tổ chức đảng, đảng viên có đơn khiếu nại. Nếu đại diện tổ chức đảng, đảng viên bị thi hành kỷ luật từ chối nghe công bố hoặc không nhận quyết định giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy, cần ghi việc này vào biên bản buổi thông báo quyết định giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy; quyết định giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng vẫn được công bố và có hiệu lực thi hành ngay.

** Nguyên tắc giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy*

Từ các nguyên tắc giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng Quy định số 22-QĐ/TW, có thể xác định các nguyên tắc công tác giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy, gồm:

Một là, nghiêm cấm các hành vi cản trở, không xem xét, giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng theo thẩm quyền của UBKT tỉnh ủy.

Hai là, khi UBKT tỉnh ủy thực hiện công tác giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng, các tổ chức đảng cấp dưới, nhất là cấp ủy, UBKT cấp huyện và tương đương phải nghiêm túc xem xét lại quyết định của mình về kỷ luật đảng và chấp hành nghiêm quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy.

Ba là, tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên có đơn khiếu nại kỷ luật đảng phối hợp với UBKT tỉnh ủy để giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng; giáo dục và tạo điều kiện để người có đơn khiếu nại kỷ luật đảng thực hiện

đầy đủ các yêu cầu của UBKT tỉnh ủy; chấp hành nghiêm yêu cầu, kết luận hoặc quyết định giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy hoặc cấp ủy cấp trên.

** Vai trò công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy*

Một là, công tác giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy thể hiện UBKT tỉnh ủy nói riêng, tỉnh ủy, BTVTU nói chung tôn trọng và bảo đảm quyền dân chủ của tổ chức đảng và đảng viên trước kỷ luật của Đảng.

Hai là, tạo thuận lợi và yêu cầu các tổ chức đảng cấp dưới xem xét công tác thi hành kỷ luật đảng của mình; tỉnh ủy, BTVTU nắm chắc hơn công tác thi hành kỷ luật đảng của tổ chức đảng cấp dưới; thúc đẩy tổ chức đảng cấp dưới thực hiện tốt công tác thi hành kỷ luật đảng.

Ba là, góp phần quan trọng hạn chế và loại trừ những sai sót, tiêu cực trong thi hành kỷ luật trong Đảng; nâng cao tính nghiêm minh của việc thi hành kỷ luật trong Đảng, phát huy vai trò của công tác này trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Bốn là, công tác giải quyết khiếu nại có tác dụng to lớn trong nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về kỷ luật đảng và việc thi hành kỷ luật đảng, tích cực rèn luyện, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2.2.2. Tổ cáo tổ chức đảng, đảng viên và công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

2.2.2.1. Khái niệm tố cáo

** Khái niệm “tố cáo”, “tố cáo tổ chức đảng, đảng viên”, “Tố cáo”* thường được hiểu là: “*vạch rõ tội lỗi của kẻ khác trước cơ quan pháp luật hoặc trước dư luận*” [114, tr.1663].

Theo sách “350 thuật ngữ xây dựng Đảng”: “Tố cáo là quyền của công dân, được Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại

Điều 30, Hiến pháp năm 2013; đó là việc cá nhân theo thủ tục quy định của Luật Tố cáo, báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân” [148, tr.402].

Từ những định nghĩa trên, đi đến khái niệm: *Tố cáo là quyền của công dân được quy định trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đó là việc công dân theo thủ tục của Luật Tố cáo của nhà nước, báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, để lại thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân, qua đó, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân.*

Như vậy, mọi công dân nước ta đều có quyền tố cáo; mọi cơ quan, tổ chức trong xã hội và cá nhân, kể cả các tổ chức đảng, đảng viên là đối tượng tố cáo khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân.

Tố cáo gồm rất nhiều loại, rất đa dạng: tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của các cá nhân là cán bộ, đảng viên; là công chức, viên chức; cá nhân không là cán bộ, đảng viên...: tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức trong xã hội gồm các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế..., trong đó có các tổ chức đảng.

Tố cáo tổ chức đảng, đảng viên là tố cáo trong Đảng. Theo Quy định số 22-QĐi/TW: Tố cáo trong Đảng là việc công dân, đảng viên báo cho tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước của tổ chức đảng hoặc

đảng viên mà người tố cáo cho là gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Đảng, Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoặc cá nhân [8, tr.2].

Như vậy, tố cáo trong Đảng không chỉ tố cáo tổ chức đảng hoặc đảng viên có hành vi vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, mà còn tố cáo tổ chức đảng, hoặc đảng viên có hành vi vi phạm pháp luật của Nhà nước; không chỉ đảng viên tiến hành tố cáo, mà còn là công dân (những công dân không là đảng viên) tiến hành tố cáo tổ chức đảng, đảng viên.

2.2.2.2. Tố cáo tổ chức đảng và đảng viên – nội dung, phân loại

** Nội dung tố cáo tổ chức đảng, đảng viên*

Đối với tổ chức đảng: Những nội dung liên quan đến hoạt động chấp hành, thực thi Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. *Đối với đảng viên:* Những nội dung liên quan đến các vấn đề về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn đối với cấp ủy viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, trong đó một nhiệm vụ rất quan trọng là “chấp hành nghiêm chỉnh... pháp luật của Nhà nước” [66, tr.8].

** Phân loại tố cáo tổ chức đảng, đảng viên*

Tố cáo tổ chức đảng, đảng viên, gồm nhiều loại, rất đa dạng và có nhiều cách phân chia thành nhiều loại hình; với từng cách phân chia, sẽ có các loại hình tố cáo tương ứng. Chẳng hạn, nếu phân chia theo đối tượng tố cáo, sẽ có các loại tố cáo tổ chức đảng và các loại tố cáo đảng viên. Nếu phân chia theo nội dung của các hành vi vi phạm, sẽ được phân loại thành các loại tố cáo tổ chức đảng, tố cáo đảng viên đến việc chấp hành cương lĩnh, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng,

pháp luật của Nhà nước, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; tố cáo về các hành vi vi phạm liên quan đến phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên...

2.2.2.3. Công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy - khái niệm, phạm vi, nội dung, quy trình, nguyên tắc, vai trò

* Khái niệm “giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên” và “công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của UBKT tỉnh ủy”

Khái niệm “giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên:

Từ khái niệm “giải quyết” và khái niệm “tố cáo tổ chức đảng, đảng viên” đi đến khái niệm: Giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên chính là các hoạt động của tổ chức đảng có thẩm quyền, chức năng tiến hành các hoạt động xem xét, đánh giá đối với hành vi vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước của tổ chức đảng hoặc đảng viên, mà người tố cáo cho rằng hành vi vi phạm đó sẽ gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Đảng, Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức hoặc cá nhân.

Đối tượng tố cáo (người tố cáo) tổ chức đảng, đảng viên, gồm đảng viên, nhân dân (những người không là đảng viên) tố cáo về những hành vi vi phạm của cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng. Như vậy, người tố cáo không chỉ là đảng viên mà còn, gồm những người không là đảng viên.

Tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên: cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và UBKT các cấp theo quy định của Đảng.

Khái niệm công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

Từ khái niệm “giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên” và khái niệm “công tác” đi đến khái niệm: Công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của UBKT tỉnh ủy là các hoạt động của UBKT tỉnh ủy trong xây dựng, ban hành các quyết định về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên; tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện quyết định đó của UBKT tỉnh ủy về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên để công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của UBKT tỉnh ủy đạt chất lượng, hiệu quả.

Chủ thể công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của UBKT tỉnh ủy là UBKT tỉnh ủy. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của UBKT tỉnh ủy là tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU.

Lực lượng tham gia công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của UBKT tỉnh ủy: các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc tỉnh ủy; các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên có liên quan trong đảng bộ tỉnh; các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan và nhân dân trong tỉnh.

** Nội dung công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của UBKT tỉnh ủy*

Một là, UBKT tỉnh ủy xây dựng, ban hành quyết định về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên

Quyết định của UBKT tỉnh ủy về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên, gồm:

Quyết định của UBKT tỉnh ủy về giải quyết đơn, thư tố cáo tổ chức đảng

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy tiến hành việc xây dựng và ban hành các quyết định về việc giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng về những hành vi vi phạm: liên quan đến việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, Nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng và

đoàn kết nội bộ.

Quyết định của UBKT tỉnh ủy về giải quyết đơn thư tố cáo đảng viên

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy xây dựng, ban hành quyết định về giải quyết đơn, thư tố cáo đảng viên về những hành vi vi phạm: liên quan đến tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên; việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, Nghị quyết, chỉ thị của Đảng; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, đảng viên; về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Hai là, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo và triển khai thực hiện quyết định của mình về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy quán triệt quyết định của mình về giải quyết đơn thư tố cáo trong cơ quan UBKT tỉnh ủy, phổ biến quyết định đến cấp ủy khiếu nại kỷ luật đảng; đến cấp dưới có tổ chức đảng trực thuộc và có đảng viên bị tố cáo để phối hợp giải quyết.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy thành lập tổ kiểm tra (đối với những tố cáo phức tạp), hoặc cử cán bộ kiểm tra (đối với những tố cáo ít phức tạp). Tổ kiểm tra gồm các ủy viên UBKT tỉnh ủy và cán bộ cơ quan ủy UBKT tỉnh ủy cử phó chủ nhiệm UBKT tỉnh ủy là tổ trưởng. Tổ kiểm tra thống nhất chương trình, kế hoạch, quy định chế độ làm việc.

Ba là, UBKT tỉnh ủy phối hợp với các tổ chức có liên quan trong giải quyết tố cáo; phát huy vai trò của các tổ chức CT-XH, các lực lượng có liên quan và nhân dân trong tham gia giải quyết tố cáo.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy chỉ đạo cơ quan UBKT tỉnh ủy trong giúp việc, tham mưu cho UBKT tỉnh ủy trong giải quyết đơn thư tố cáo; phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy để thực hiện việc giải quyết đơn thư tố cáo; phối hợp với các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân tỉnh để giám định kỹ thuật, chuyên môn những vấn đề liên quan khi cần thiết. Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức CT-

XH, các lực lượng có liên quan và nhân dân tham gia giải quyết tố cáo trong những việc cần thiết.

Bốn là, UBKT tỉnh ủy đơn đốc, kiểm tra, giám sát tổ kiểm tra trong thực hiện nhiệm vụ

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy tiến hành công việc này để nắm chắc những khó khăn, vướng mắc, những vấn đề mới nảy sinh ngoài dự kiến để chỉ đạo giải quyết kịp thời, đạt kết quả để tổ kiểm tra thực hiện tốt công việc.

Năm là, UBKT tỉnh ủy tiến hành các hoạt động giải quyết đơn thư tố cáo; sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm

** Quy trình giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy*

Công tác giải quyết đơn thư tố cáo của UBKT tỉnh ủy theo các bước sau đây:

Bước một, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo chuẩn bị giải quyết tố cáo

Một là, tổ kiểm tra, hoặc cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra (cán bộ kiểm tra) tiến hành nghiên cứu đơn, thư tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo trực tiếp để nắm vững nội dung, đối tượng bị tố cáo.

Đối với những đơn thư tố cáo phức tạp, có nhiều nội dung, liên quan đến nhiều người, nhiều cấp, tổ kiểm tra, hoặc cán bộ kiểm tra, báo cáo với thường trực UBKT tỉnh ủy. Nếu được đồng ý, tổ kiểm tra, hoặc cán bộ kiểm tra tiến hành những công việc, như: khảo sát sơ bộ để nắm tình hình; gặp người tố cáo và đại diện cấp uỷ trực tiếp quản lý tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo. Trong một số trường hợp cần thiết tổ kiểm tra, cán bộ kiểm tra phải gặp đại diện tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo để nắm những thông tin cần thiết về nội dung, đối tượng bị tố cáo để tóm tắt rõ, ngắn gọn, đầy đủ nội dung tố cáo, dự kiến kế hoạch giải quyết.

Kế hoạch dự kiến giải quyết tố cáo tổ chức đảng, cần: xác định rõ tổ chức đảng bị tố cáo là chi bộ, chi uỷ, ban thường vụ cấp uỷ hay cấp uỷ; kế

hoạch phải phù hợp với chương trình công tác, điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị, không gây trở ngại, ảnh hưởng hoạt động và việc thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị khi UBKT tỉnh ủy tiến hành giải quyết tố cáo.

Hai là, tổ kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra báo cáo nội dung, đối tượng tố cáo, kế hoạch giải quyết tố cáo để thường trực UBKT tỉnh ủy xem xét.

Ba là, đại diện UBKT tỉnh ủy hoặc cán bộ kiểm tra trao đổi với đại diện tổ chức đảng trực tiếp quản lý tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo, hoặc đại diện tổ chức đảng bị tố cáo.

Cán bộ được giao nhiệm vụ trên, sau khi hoàn thành công việc cần báo cáo với chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm thường trực UBKT tỉnh ủy về kết quả thực hiện những công việc đó để thường trực UBKT tỉnh ủy xem xét, ký quyết định kiểm tra và các văn bản kèm theo, gồm: kế hoạch kiểm tra, tổ kiểm tra, nội dung đối tượng bị tố cáo phải giải trình bằng văn bản.

Bốn là, tổ kiểm tra xây dựng chương trình, kế hoạch giải quyết đơn thư tố cáo và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của tổ.

Bước hai, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo, hoặc tiến hành giải quyết đơn, thư tố cáo

Một là, đại diện UBKT tỉnh ủy và tổ kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra làm việc với tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo

Tiến hành công việc trên để thông báo quyết định giải quyết, nội dung tố cáo, kế hoạch giải quyết tố cáo; thống nhất kế hoạch giải quyết tố cáo; yêu cầu các đối tượng bị tố cáo giải trình các nội dung tố cáo bằng văn bản; quy định rõ thời gian gửi báo cáo giải trình cho tổ kiểm tra; yêu cầu các đối tượng bị tố cáo, các tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên bị tố cáo cung cấp tài liệu và phối hợp giải quyết tố cáo. Đối với tổ chức đảng bị tố cáo cũng tiến hành công việc này tương tự đảng viên bị tố cáo.

Cần động viên tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo bình tĩnh, nghiêm túc tự kiểm điểm bản thân mình và tiến hành giải trình sự việc theo yêu cầu của UBKT tỉnh ủy một cách trung thực, kịp thời, đầy đủ, rõ ràng; nhận sai lầm, khuyết điểm của mình với thái độ thành khẩn (nếu có); tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo có quyền đưa ra bằng chứng xác thực để bác bỏ những nội dung tố cáo sai sự thật và không được truy tìm, trả thù người phê bình, tố cáo bằng bất kỳ hình thức nào.

Hai là, tổ kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra tiến hành kiểm tra.

Tổ kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra làm việc với người tố cáo để tìm hiểu, nắm vững hơn nội dung tố cáo; động viên người tố cáo có động cơ đúng đắn và trách nhiệm trình bày trung thực, cung cấp đầy đủ tài liệu, bằng chứng về nội dung tố cáo. Đồng thời, tổ kiểm tra ngăn ngừa kịp thời và giải quyết đúng những suy nghĩ và hành động không đúng (nếu có); giúp người tố cáo tin tưởng vào đường lối của Đảng, nhắc nhở họ không được gửi hoặc để lộ nội dung tố cáo, tên người bị tố cáo, nội dung thông báo giải quyết tố cáo của UBKT tỉnh ủy cho những tổ chức hoặc cá nhân không có trách nhiệm trong việc giải quyết. Nếu người tố cáo là đảng viên cần nhắc nhở họ thực hiện đúng những quy định hiện nay của Đảng về tố cáo.

Nếu có những nội dung tố cáo cần bổ sung hoặc có vấn đề cần giám định kỹ thuật, chuyên môn, tổ kiểm tra báo thường trực UBKT tỉnh ủy để xem xét, quyết định. Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy có thể trưng cầu giám định chuyên môn, kỹ thuật về những nội dung liên quan đến đơn thư tố cáo và phối hợp với các cơ quan chuyên môn, kỹ thuật để giải quyết tố cáo

Tổ kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra gợi ý những vấn đề cần làm rõ, bổ sung, để tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo bổ sung giải trình (nếu có); nếu nhận thấy tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo có khuyết điểm hoặc có dấu hiệu vi phạm, tổ kiểm tra yêu cầu họ tự kiểm điểm bằng văn bản, tự nhận hình thức kỷ luật.

Ba là, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức hội nghị

Hội nghị đối với tổ chức đảng bị tố cáo: đại diện tổ chức đảng bị tố cáo trình bày giải trình và tự kiểm điểm về nội dung bị tố cáo trước hội nghị của tổ chức đảng cấp mình, có đại diện của cấp uỷ cấp huyện và UBKT tỉnh uỷ tham dự. Nếu ban thường vụ cấp uỷ cấp huyện và tương đương bị tố cáo, phải báo cáo trước hội nghị cấp uỷ cấp huyện và đại diện UBKT tỉnh uỷ.

Hội nghị đối với đảng viên bị tố cáo: đảng viên bị tố cáo trình bày và giải trình về những vấn đề liên quan đến nội dung tố cáo trước chi bộ, trừ trường hợp nội dung tố cáo liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết. Đảng viên bị tố cáo là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc tham gia cấp uỷ trực thuộc tỉnh uỷ (cấp huyện và tương đương) và đảng viên là cán bộ thuộc diện BTVTU quản lý thì tùy theo nội dung tố cáo cụ thể tiến hành trình bày bản giải trình ở các tổ chức đảng. Đảng viên bị tố cáo có thể trình bày ở cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ trực thuộc, ban cán sự đảng, đảng đoàn cấp tỉnh (nơi có tổ chức này), hoặc chỉ trình bày ở một tổ chức đảng, do UBKT tỉnh uỷ quyết định, để các tổ chức đảng này xem xét, kết luận.

Sau khi nghe đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên bị tố cáo trình bày bản giải trình về nội dung tố cáo, tổ kiểm tra thông báo kết quả thẩm tra, xác minh bằng văn bản và gợi ý những vấn đề cần làm rõ. Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất đề nghị về những nội dung đã làm rõ. Nếu hội nghị nhận thấy tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đảng, hội nghị tiến hành biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật, hoặc đề nghị tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo tự nhận hình thức kỷ luật.

Bốn là, tổ kiểm tra tiếp tục thẩm tra, xác minh những nội dung chưa rõ (nếu có) và tiến hành các hoạt động chuẩn bị báo cáo kết quả giải quyết tố cáo...

Năm là, hoàn chỉnh báo cáo kiểm tra và gửi lên thường trực UBKT tỉnh uỷ

Nếu đảng viên bị tố cáo có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật đảng thì đại diện UBKT tỉnh uỷ gặp để nghe đảng viên bị tố cáo trình bày ý kiến trước khi họ trình bày với UBKT tỉnh uỷ để xem xét quyết định.

Bước ba, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo hoặc tiến hành việc kết thúc giải quyết đơn thư tố cáo

Một là, tổ kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra báo cáo kết quả giải quyết tố cáo

Báo cáo kết quả giải quyết tố cáo của tổ kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra cần trình bày đầy đủ ý kiến của tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo; ý kiến của tổ chức đảng trực tiếp quản lý đối tượng bị tố cáo không đồng ý hoặc khác với ý kiến của tổ kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra; ý kiến đề xuất những vấn đề thuộc cơ chế, chính sách... (nếu có). Tập thể UBKT tỉnh ủy xem xét, kết luận.

Qua xem xét, nếu UBKT tỉnh ủy thấy có vấn đề chưa rõ hoặc mới phát sinh cần tiếp tục thẩm tra xác minh và yêu cầu tổ chức đảng có liên quan tiếp tục giải quyết (nếu có). Nếu UBKT tỉnh ủy nhận thấy những kết luận của tổ chức đảng cấp dưới, tổ kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra là thỏa đáng thì UBKT tỉnh ủy kết luận về nội dung tố cáo (có hay không vi phạm), quyết định hoặc chỉ đạo cấp dưới quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật. Trường hợp đảng viên bị tố cáo vi phạm đến mức phải tiến hành xử lý bằng pháp luật thì hồ sơ sẽ chuyển cơ quan pháp luật xem xét, xử lý; UBKT tỉnh ủy chủ động xem xét, kết luận về việc kỷ luật đảng đối với những vi phạm đã rõ. Khi có kết quả xử lý của các cơ quan chức năng có thẩm quyền thì tiến hành xem xét lại kỷ luật đảng một cách đúng mức, phù hợp.

Hai là, đại diện UBKT tỉnh ủy và tổ kiểm tra, hoặc cán bộ kiểm tra trao đổi về kết luận, quyết định giải quyết đơn thư tố cáo của UBKT tỉnh ủy.

Tiến hành công việc trên để tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo và đại diện tổ chức đảng trực tiếp quản lý đối tượng bị tố cáo có ý kiến bằng văn bản về quyết định trên của UBKT tỉnh ủy nếu họ thấy cần thiết. Khi họ có ý kiến bằng văn bản về quyết định nêu trên của UBKT tỉnh ủy, tổ kiểm tra báo cáo để UBKT tỉnh ủy xem xét, giải quyết.

Hoàn chỉnh thông báo kết luận việc giải quyết tố cáo, quyết định kỷ luật hoặc đề nghị cấp trên tiến hành thi hành kỷ luật cũng như những yêu cầu khác (nếu có); báo cáo chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm thường trực UBKT tỉnh ủy ký ban hành kết luận, quyết định.

Bốn là, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo việc thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết tố cáo

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy chỉ đạo chặt chẽ việc thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết tố cáo đến tổ chức đảng hoặc đảng viên bị tố cáo; cấp ủy trực tiếp quản lý tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo; những yêu cầu, kiến nghị (nếu có); công bố quyết định kỷ luật (nếu có) cho tổ chức đảng, đảng viên có liên quan để chấp hành.

Năm là, UBKT tỉnh ủy thông báo cho người tố cáo biết những nội dung cần thiết về giải quyết tố cáo bằng biện pháp thích hợp; giải quyết những công việc sau giải quyết tố cáo; lập và lưu trữ hồ sơ.

** Nguyên tắc giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên*

Quy định số 22-QĐ/TW xác định các nguyên tắc giải quyết tố cáo tổ chức đảng, đảng viên. Các nguyên tắc thực hiện trong công tác giải quyết tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của UBKT tỉnh ủy, gồm:

Một là, khi nhận được đơn thư tố cáo, cơ quan UBKT tỉnh ủy phải phân loại, giải quyết các trường hợp thuộc phạm vi trách nhiệm hoặc phối hợp với các tổ chức đảng có thẩm quyền để giải quyết; nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBKT tỉnh ủy thì chuyển đơn thư tố cáo đến các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết các đơn thư tố cáo đó.

Hai là, thời hạn giải quyết đơn thư tố cáo: chậm nhất 90 ngày kể từ ngày cơ quan UBKT nhận được đơn thư tố cáo (gửi đơn thư tố cáo trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến) UBKT tỉnh ủy phải tổ chức giải quyết. Đối với những vụ việc phức tạp, UBKT tỉnh ủy có thể gia hạn giải quyết đơn thư tố cáo, nhưng không quá 30 ngày, đồng thời phải thông báo cho người tố

cáo, người bị tố cáo, tổ chức có liên quan biết. Sau khi giải quyết xong đơn thư tố cáo, UBKT tỉnh ủy có trách nhiệm phải thông báo cho người tố cáo kết quả giải quyết tố cáo bằng các hình thức thích hợp.

Ba là, đối với những trường hợp nội dung đơn thư tố cáo có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, UBKT tỉnh ủy báo cáo tỉnh ủy để chỉ đạo phối hợp giải quyết.

Bốn là, đối với trường hợp người tố cáo xin rút nội dung tố cáo thì UBKT tỉnh ủy sẽ không xem xét, giải quyết nội dung tố cáo đó, trừ trường hợp có căn cứ xác định người tố cáo bị đe dọa, ép buộc hoặc mua chuộc.

Năm là, tổ chức đảng quản lý đối tượng bị tố cáo phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo, phản ánh về tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Phối hợp và thực hiện yêu cầu của UBKT tỉnh ủy. Trong thời gian đang giải quyết tố cáo, chưa kết luận thì tổ chức đảng quản lý đảng viên phải bảo đảm các quyền của đảng viên, của tổ chức đảng bị tố cáo; giáo dục và tạo điều kiện để đảng viên, tổ chức đảng thực hiện nghiêm các yêu cầu của UBKT tỉnh ủy.

Sáu là, những người lợi dụng việc tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống, tố cáo bịa đặt, đả kích, chia rẽ bè phái, gây rối nội bộ, tố cáo nhiều lần có dụng ý xấu phải được xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước.

Bảy là, UBKT tỉnh ủy không giải quyết đơn tố cáo nặc danh, giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, không rõ nội dung và đơn tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận hoặc đã có thông báo không xem xét, giải quyết; đơn tố cáo do người tố cáo đã tự nguyện rút đơn nay tiếp tục tố cáo lại nhưng không có thêm nội dung, tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất sự việc; đơn tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có căn cứ để thẩm tra, xác minh; đơn tố cáo có tên nhưng trong nội dung của đơn không chứa đựng, phản ánh nội dung tố cáo đối với đảng viên, tổ chức đảng;

đơn tố cáo không phải do người tố cáo trực tiếp ký tên; đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên; đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự. Nếu đơn tố cáo giấu tên, mạo tên nhưng ghi rõ địa chỉ, đối tượng và nội dung tố cáo thì UBKT tỉnh ủy sẽ nắm tình hình, làm cơ sở kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo.

Tám là, UBKT tỉnh ủy khi nhận được đơn thư tố cáo phải bảo đảm các điều kiện bí mật cho người tố cáo, hướng dẫn người tố cáo thực hiện đúng các quy định của Đảng, Nhà nước và có biện pháp bảo vệ người tố cáo.

Chín là, UBKT tỉnh ủy tiến hành giải quyết đơn thư tố cáo phải xử lý hoặc đề nghị xử lý nghiêm minh những trường hợp, như: truy tìm, trừng phạt, trả thù người tố cáo; cản trở hoặc không xem xét, giải quyết tố cáo; bao che những việc làm sai trái của đối tượng bị tố cáo; để lộ tên người tố cáo cho đối tượng bị tố cáo biết, để lộ tên người tố cáo, nội dung tố cáo cho người không có trách nhiệm biết; lợi dụng tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống, tố cáo bịa đặt, đả kích, gây dư luận xấu đối với người khác.

** Vai trò của công tác giải quyết đơn thư tố cáo của UBKT tỉnh ủy.*

Một là, công tác giải quyết đơn thư tố cáo của UBKT tỉnh ủy có vai trò, tác dụng lớn đối với tỉnh ủy, BTVTU và cấp ủy cấp dưới có tổ chức đảng trực thuộc và đảng viên bị tố cáo, giúp cấp có thẩm quyền nắm chắc tình hình vi phạm tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên của mình để có chủ trương, giải pháp khắc phục sai lầm, khuyết điểm và nâng cao chất lượng.

Hai là, công tác giải quyết đơn thư tố cáo của UBKT tỉnh ủy góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay, nhất là thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương bốn khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và Nghị quyết Trung ương bốn khóa XII “về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu

hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ" và nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng do Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra.

Ba là, công tác giải quyết đơn thư tố cáo của UBKT tỉnh ủy góp phần quan trọng nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng của tỉnh ủy, BTVTU; củng cố, phát triển lòng tin, mối quan hệ mật thiết của nhân dân đối với Đảng.

Bốn là, công tác giải quyết đơn thư tố cáo của UBKT tỉnh ủy là nhiệm vụ trọng tâm của UBKT tỉnh ủy; yếu tố rất quan trọng nâng cao vị thế, vai trò của UBKT tỉnh ủy trong công tác kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật đảng nói riêng, công tác xây dựng Đảng nói chung.

Tiểu kết chương 2

Giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng và đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên là những nhiệm vụ trọng yếu của UBKT tỉnh ủy, có vai trò to lớn và góp phần quan trọng và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng nói chung, đảng bộ tỉnh nói riêng để đảng bộ vững mạnh thực hiện thắng lợi chức năng, nhiệm vụ của mình.

Nội dung công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy, gồm: Một là, UBKT tỉnh ủy xây dựng, ban hành quyết định về giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng, đảng viên chính thức, đảng viên dự bị. *Hai là*, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo và triển khai thực hiện quyết định của mình về giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng. *Ba là*, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo việc phối hợp giữa tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của mình với tổ chức đảng có liên quan để tiến hành công việc. *Bốn là*, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo việc phối hợp giữa tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của mình với các cơ quan chức năng trong hoạt động giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của tổ giải quyết khiếu nại. *Năm là*, UBKT tỉnh ủy đôn đốc, kiểm tra, giám sát tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; chỉ đạo việc tổng kết, rút kinh nghiệm giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng

của tổ giải quyết khiếu nại. *Quy trình công tác giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy gồm: Bước một*, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo và thực hiện việc chuẩn bị giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng. *Bước hai*, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo, tiến hành giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng. *Bước ba*, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo, tiến hành kết thúc giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng.

Nội dung công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của UBKT tỉnh ủy: Một là, UBKT tỉnh ủy xây dựng, ban hành quyết định về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên. *Hai là*, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo và triển khai thực hiện quyết định của mình về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên. *Ba là*, UBKT tỉnh ủy phối hợp với các tổ chức có liên quan trong giải quyết tố cáo; phát huy vai trò của các tổ chức CT-XH, các lực lượng có liên quan và nhân dân trong tham gia giải quyết tố cáo. *Bốn là*, UBKT tỉnh ủy đôn đốc, kiểm tra, giám sát tổ kiểm tra trong thực hiện nhiệm vụ. *Năm là*, UBKT tỉnh ủy tiến hành các hoạt động giải quyết đơn thư tố cáo; sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm. Quy trình công tác giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên của UBKT tỉnh ủy: *Bước một*, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo chuẩn bị giải quyết tố cáo. *Bước hai*, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo, hoặc tiến hành giải quyết đơn thư tố cáo. *Bước ba*, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo hoặc tiến hành việc kết thúc giải quyết đơn thư tố cáo.

Chương 3

CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tổ cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng

3.1.1. Tình hình, đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của các tỉnh Đồng bằng sông Hồng hiện nay

Ở nước ta hiện nay có 58 tỉnh trực thuộc Trung ương. Ngoài những đặc điểm chung của các tỉnh trong cả nước và ở từng vùng, miền, tỉnh còn có những đặc điểm riêng được khai thác, phát huy phục vụ phát triển KT - XH của tỉnh, tạo nên bức tranh đa dạng, phong phú về kinh tế, văn hóa của đất nước, dân tộc Việt Nam. Tỉnh là nơi sinh sống của cư dân, nơi hoạt động của các tổ chức, có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển KT - XH, QPAN, đối ngoại của cả nước.

Đồng bằng sông Hồng gồm 11 đơn vị hành chính cấp tỉnh trong đó có 9 tỉnh và 02 thành phố trực thuộc Trung ương. Các tỉnh ở ĐBSH gồm: Bắc

Ninh, Hà Nam, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thái Bình, Vĩnh Phúc.

Hiện nay, số lượng đơn vị hành chính cấp huyện của các tỉnh ĐBSH là 76 đơn vị. Trong đó, Bắc Ninh có 8 đơn vị; Hà Nam có 6 đơn vị; Hải Dương có 12 đơn vị; Hưng Yên có 10 đơn vị; Nam Định có 10 đơn vị; Ninh Bình có 8 đơn vị; Thái Bình có 8 đơn vị; Quảng Ninh có 13 đơn vị và Vĩnh Phúc có 9 đơn vị.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê năm 2022, diện tích cả vùng hiện nay khoảng 21.260 km², chiếm 6,4% tổng diện tích cả nước, với số dân khoảng 22,9 triệu người, chiếm 23,5% dân số cả nước; trung bình mật độ dân số khoảng hơn 1.200 người/km².

Về vị trí địa lý: Đồng bằng sông Hồng hiện nay bao gồm 11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, được chia thành 2 tiểu vùng là: Tiểu vùng Bắc ĐBSH (đây được coi là Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ), gồm có 7 tỉnh, thành phố là: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên; và Tiểu vùng Nam ĐBSH, gồm 4 tỉnh còn lại là: Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình. Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, ĐBSH luôn là vùng cốt lõi, có vị trí, ý nghĩa chiến lược, quan trọng bậc nhất của cả nước về chính trị - kinh tế - văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại.

Với vị trí là cửa ngõ phía Bắc của nước ta và khu vực ASEAN về kết nối phát triển kinh tế, thương mại với Trung Quốc - thị trường rộng lớn nhất thế giới và ngược lại ĐBSH có hệ thống hạ tầng giao thông kết nối tương đối đồng bộ và hiện đại vào loại bậc nhất cả nước, là vùng kết nối các tuyến hành lang kinh tế phía Bắc với hành lang kinh tế phía Nam, tham gia vào tuyến hành lang xuyên Á. Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thuộc ĐBSH là một trong ba vùng động lực phát triển kinh tế của cả nước. Trong vùng, có Thủ đô Hà Nội là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia; là trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, khoa học - công nghệ lớn nhất của cả nước.

Về đất đai: Đất đai nông nghiệp là nguồn tài nguyên cơ bản của vùng do sự bồi đắp phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. Hiện có trên 103 triệu ha đất đã được sử dụng (chiếm 82,48 % diện tích đất tự nhiên của vùng và chiếm 5,5% diện tích đất sử dụng của cả nước). Đất đai của vùng rất thích hợp cho việc thâm canh lúa nước, trồng cây hoa màu và các cây công nghiệp ngắn ngày. Với diện tích đạt 1242,9 nghìn ha đây là vùng có diện tích trồng cây lương thực đứng thứ 2 trong cả nước. Hiện nay, khả năng mở rộng diện tích vùng còn khoảng 137 nghìn ha. Sự bồi tụ và thực hiện các biện pháp lấn biển theo phương thức “lúa lấn cỏ, cỏ lấn sù vẹt, sù vẹt lấn biển” chính là quá trình tiến hành mở rộng diện tích gắn liền với quá trình chinh phục biển.

Về khí hậu: Khí hậu đặc trưng của vùng này là mùa khô (từ tháng 10 đến tháng 4) hay còn gọi là mùa đông. Vào mùa xuân, trời có mưa phùn và mưa nhẹ. Đây là vùng đất Việt Nam sở hữu một lượng lớn tài nguyên thiên nhiên góp phần to lớn vào sự phát triển của ngành công nghiệp Việt Nam. Phía đông vùng là Biển Đông nên ĐBSH có đường bờ biển dài với những bãi tắm đẹp, thuận lợi để phát triển ngành thủy sản.

Về tài nguyên, khoáng sản: Toàn bộ vùng ĐBSH nằm trên một lớp đá có sự kết tinh cổ, đây là loại nền đá ở vùng Đông Bắc. Khoảng 200 triệu năm trước, vào cuối đại Cổ sinh, lớp đá này bị sụt xuống. Chế độ biển kéo dài trên 170 triệu năm. Các trầm tích Neogen lắng xuống làm cho vịnh biển thu hẹp lại. Lớp trầm tích này có nơi dày đến 3000 mét. Ngoài ra còn có rất nhiều đầm lầy. Việc các sông đổi dòng cũng tạo ra những đầm lầy và ao hồ.

Về kinh tế: Theo Tổng cục Thống kê, hiện nay ĐBSH chiếm 29,4% GDP cả nước; tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn bình quân cả nước. Cơ cấu chuyển dịch của vùng tương đối nhanh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ; các ngành công nghiệp mũi nhọn phát triển theo hướng hiện đại, quy mô lớn, hàm lượng công nghệ cao. Kinh tế biển phát triển, đặc biệt là tỉnh Hải Phòng và Quảng Ninh, đã dần trở thành các trung tâm kinh tế

biển, dịch vụ cảng biển lớn của cả nước... Kết cấu hạ tầng giao thông, vận tải ĐBSH đồng bộ, hiện đại. Quy mô dân số của vùng năm 2019 đạt 17.282,5 nghìn người (chiếm 23,44% dân số cả nước). Quy mô kinh tế ĐBSH đứng thứ 2/6 vùng trong cả nước năm 2019, GDP chiếm 28,85% GDP cả nước, thu ngân sách chiếm 35,3% thu ngân sách cả nước và xuất khẩu chiếm trên 34,14% tổng xuất khẩu của đất nước. Đồng bằng sông Hồng (với nòng cốt là vùng kinh tế trọng điểm) phía Bắc hiện đang là đầu tàu tăng trưởng của cả nước. Cơ cấu kinh tế của vùng chuyển biến khá tích cực. Từ năm 2010 đến năm 2020, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 10,92% xuống 6,4%, khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 39,69% lên 45,12%, khu vực dịch vụ giảm từ 52,7% xuống 48,48%. Ngành dịch vụ hiện đang là ngành mũi nhọn và đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế của vùng, nhưng tốc độ phát triển của ngành chưa bền vững. Công nghiệp của vùng (đặc biệt là Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ) đã thu hút được nhiều dự án FDI quy mô lớn, góp phần cải thiện cơ cấu công nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng nguồn nhân lực. Các dự án này vẫn đang tập trung vào các ngành tận dụng nhân công giá rẻ, khai thác tài nguyên (dệt may, da giày, lắp ráp thiết bị và bất động sản chiếm gần 65% vốn FDI đầu tư vào khu vực), nên sự liên kết giữa FDI và doanh nghiệp trong nước chưa cao, việc thu hút doanh nghiệp trong nước tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế; tuy số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới vẫn đứng thứ hai cả nước nhưng xét về quy mô vốn, các doanh nghiệp vùng ĐBSH chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ, liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh còn rất yếu; trình độ công nghệ trồng trọt, sơ chế, chế biến còn lạc hậu...

Tuy nhiên, phát triển kinh tế vùng ĐBSH vẫn chưa tạo được sự gắn kết, liên kết giữa các địa phương trong vùng, chưa phát huy được lợi thế, tiềm năng của vùng; dẫn đến chuyển dịch cơ cấu tổng thể các ngành kinh tế trong

toàn vùng chưa có bước đột phá, phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu còn rộng, tri thức, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh thấp.

Về dân cư: Theo Tổng cục Thống kê năm 2022, dân số ở ĐBSH khoảng hơn 23 triệu người, chiếm gần 24% dân số cả nước. Mật độ dân số trung bình toàn vùng là 1064 người/km (cao hơn mật độ trung bình của cả nước là 377 người/km). Dân cư tập trung rất đông ở thành phố Hà Nội với 7.316.000 người chiếm 34,5% tổng dân số toàn vùng, mật độ dân số ở thành phố Hà Nội là đông nhất 2.171 người/km, mật độ dân số thấp nhất toàn vùng là Quảng Ninh với 299 người/km. Đồng bằng sông Hồng tập trung đông dân cư, lại có nhiều tộc người cùng sinh sống như Kinh, Tày, Nùng, Mường, Dao..., có nhiều tôn giáo khác nhau nhưng chủ yếu là Phật giáo và Công giáo, tập trung chủ yếu ở các tỉnh ven biển như Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình. Các tỉnh, thành phố ở ĐBSH nhìn chung đều có mật bằng dân trí cao, đặc biệt là Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Bình. Đồng bằng sông Hồng cũng là nơi tập trung nhiều trường đại học, cao đẳng, các cơ sở nghiên cứu khoa học có chất lượng và uy tín.

Dân số đông, mật độ dân số cao trên toàn vùng nhưng lại phân bố không đồng đều, dân trí cao nhưng lại tập trung ở các tỉnh và thành phố lớn đã gây không ít khó khăn, trở ngại cho việc phát triển kinh tế, xã hội trong toàn khu vực.

Về văn hóa - xã hội: Đồng bằng sông Hồng là cái nôi của nền văn hóa, văn minh lúa nước. Trải qua lịch sử hàng ngàn năm, vùng đất này đã bồi tụ những trầm tích văn hóa riêng biệt, độc đáo, phong phú, góp phần tạo nên bản sắc, truyền thống văn hóa dân tộc như văn hóa phi vật thể như: tuồng, chèo, hát dân ca...; có nền văn hoá lâu đời, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc của nền văn hoá sông Hồng, Nền văn minh lúa nước với rất nhiều những di sản văn hoá vật thể và phi vật thể quý giá (Quan họ Bắc Ninh; Chèo Thái Bình, Hưng Yên; Châu Văn Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình). Đồng thời, đây cũng là trung tâm hàng đầu về y tế, giáo dục - đào tạo, khoa

học - công nghệ với đội ngũ trí thức giỏi và đông đảo lực lượng lao động có chất lượng cao; là cái nôi sản sinh, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực cho cả nước nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao với nhiều trường đại học, trung tâm nghiên cứu chất lượng và uy tín. Do vậy, đây thường được gọi là vùng có nhiều thuận lợi về cả địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hoá cũng như nhiều tiềm năng, lợi thế to lớn, vượt trội cho sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội nhanh và bền vững. Đây cũng được xác định là những yếu tố có sự ảnh hưởng đến lối sống, phong cách làm việc của chính đội ngũ cán bộ, đảng viên trong vùng.

Về quốc phòng, an ninh: Đồng bằng sông Hồng có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh, có thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa lớn. Đồng bằng sông Hồng có vị trí chiến lược trong ANQP. Hiện nay, vùng ĐBSH do Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Quân khu 2, Quân khu 1, Quân khu 3 bảo vệ. Quân đoàn 1, còn gọi là Binh đoàn Quyết Thắng, được thành lập ngày 24 tháng 10, đóng tại thành phố Tam Điệp, Ninh Bình là một trong 4 binh đoàn chủ lực ở Việt Nam. Tình hình quốc phòng, an ninh ở khu vực ĐBSH cơ bản được đảm bảo, ổn định. Tuy nhiên, ở một số nơi còn có tình trạng phức tạp về an ninh trật tự, nhất là về vấn đề đất đai, giải phóng mặt bằng; lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để kích động; tệ nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu của một bộ phận nhỏ cán bộ, đảng viên đã làm ảnh hưởng và giảm niềm tin đến uy tín của Đảng và Nhà nước.

3.1.2. Tình hình, đặc điểm của các đảng bộ tỉnh ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay

Đảng bộ tỉnh có các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên đông đảo, hoạt động trong các tổ chức của HTCT, các tổ chức CT - XH, xã hội - nghề nghiệp, các lĩnh vực đời sống xã hội của tỉnh; lãnh đạo tất cả các hoạt động của các tổ chức này và các lĩnh vực đời sống xã hội, bảo đảm cho các hoạt động theo đúng chủ trương và góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, quan

điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Theo kết quả tổng hợp, tính đến tháng 6 năm 2023, ĐBSH có 09 đảng bộ tỉnh, bao gồm 09 tỉnh ủy với 172 đảng bộ trực thuộc. Trong đó, có 95 đảng bộ cấp huyện, 40 đảng bộ khối và tương đương cấp huyện, 7.448 tổ chức cơ sở đảng và 545.595 đảng viên. Nhiệm vụ của các đảng bộ tỉnh ở ĐBSH là tiến hành triển khai, lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực như: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại và đặc biệt là công tác xây dựng đảng; lãnh đạo chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức CT - XH, các tổ chức kinh tế, xã hội, xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn.

Các đảng bộ tỉnh ở ĐBSH qua các nhiệm kỳ gần đây đã có sự phát triển quan trọng về trình độ mọi mặt nhất là về trình độ, phẩm chất và năng lực lãnh đạo, quản lý; có số lượng, cơ cấu đảm bảo đúng theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo trong tình hình mới.

Các đảng bộ ở ĐBSH cũng chịu sự tác động bởi những yếu tố giá trị văn hóa truyền thống đặc thù. Đây là nơi hội tụ, kết tinh và tỏa sáng văn minh Đại Việt - Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc; trải qua hàng nghìn năm xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước đã phần nào tạo nên cho nhân dân ĐBSH truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, đức tính cần cù lao động, nhân ái, hiếu học, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng đóng góp cho sự nghiệp đổi mới ở địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhân dân ở ĐBSH chịu ảnh hưởng tiêu cực của quá trình sản xuất nhỏ, manh mún, tính tổ chức, kỷ luật kém, quen sống với lệ làng, thiếu ý thức pháp luật, ít chú tâm đến những lợi ích chiến lược, lâu dài; bảo thủ, trì trệ, còn ngại đổi mới, tính cục bộ bản vị; tư tưởng “một người làm quan, cả họ được nhờ”...

Trong môi trường, điều kiện đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên nói chung và đặc biệt là đội ngũ tỉnh ủy viên đã luôn kế thừa những giá trị truyền

thống tốt đẹp, tích cực trong rèn luyện và học tập, không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt, có năng lực công tác, có kỹ năng, phương pháp làm việc hiệu quả; luôn năng động, sáng tạo, nhạy bén với những vấn đề mới. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ cán bộ còn có biểu hiện làm việc một cách tùy tiện, đôi khi thiếu tích cực, thiếu kỷ luật; sự hạn chế về tầm nhìn chiến lược, cũng như vẫn tồn tại những biểu hiện quan liêu, bảo thủ, tác phong chậm chạp, lè mề... ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả lãnh đạo.

Các đảng bộ tỉnh ở ĐBSH được kế thừa truyền thống cách mạng kiên cường, bất khuất, tinh thần khắc phục khó khăn, năng động, sáng tạo trong phát triển kinh tế, xây dựng quê hương, đất nước. Đồng bằng sông Hồng là một trong hai vựa lúa lớn nhất cả nước, tuy nhiên đây cũng là một trong những vùng khó khăn, gian khổ, thời tiết khắc nghiệt, là vùng đất mà các kẻ thù xâm lược tìm mọi âm mưu thủ đoạn để giành lấy. Từ thực tiễn chống thiên tai và giặc ngoại xâm, đã hình thành di sản tinh thần vô giá là truyền thống đoàn kết, kiên cường, bất khuất, cần cù, sáng tạo trong cư dân ĐBSH. Ở thời đại nào, các tỉnh ĐBSH cũng là nơi đóng góp nhiều nhân tài, vật lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong các cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Trong kháng chiến chống Pháp, các thế hệ Ban Chấp hành Đảng bộ các tỉnh ĐBSH này, đã kiên cường bám trụ xây dựng lực lượng cách mạng và lãnh đạo nhân dân chống lại quân xâm lược, lập nên những chiến công hiển hách. Trong kháng chiến chống Mỹ với khẩu hiệu "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", các tỉnh ĐBSH đã có những đóng góp vô cùng to lớn trong xây dựng CNXH ở miền Bắc và đánh thắng giặc Mỹ xâm lược ở Miền Nam, thống nhất đất nước. Những thế hệ tỉnh ủy viên trong thời kỳ đổi mới, đã không chịu bó tay trước khó khăn, gian khổ, năng động, sáng tạo, tìm tòi các giải pháp chuyển đổi mạnh mẽ cơ chế quản lý cũ sang cơ chế quản lý mới, khá nhiều cách làm mới đem lại hiệu quả cao xuất hiện ở

các tỉnh ĐBSH trở thành phổ biến trong cả nước. Các tỉnh ủy ở ĐBSH hiện nay được kế thừa những truyền thống tốt đẹp của các thế hệ tỉnh ủy tiền nhiệm đã và đang thể hiện, phát huy những truyền thống ấy, trong lãnh đạo, chỉ đạo toàn thể đảng bộ, HTCT và nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KT - XH.

Trong những năm qua, bên cạnh những thuận lợi do thành quả của công cuộc đổi mới đất nước đem lại, tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, duy trì nền nếp sinh hoạt và công tác theo đúng quy định của Điều lệ Đảng và của các tỉnh ủy, phát huy được tinh thần chủ động, tích cực của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Nội dung lãnh đạo của các đảng bộ tỉnh ở ĐBSH đã bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và điều kiện cụ thể ở địa phương. Phương thức lãnh đạo của các đảng bộ tỉnh ở ĐBSH từng bước được đổi mới. Đảng bộ các tỉnh ở ĐBSH luôn tập trung chú trọng các hoạt động lãnh đạo HTCT, thường xuyên đổi mới nội dung cũng như phương thức lãnh đạo đối với chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT - XH. Nội dung lãnh đạo luôn bám sát vào các chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Trung ương và của các tỉnh ủy về KTXH, quốc phòng, an ninh, tập trung các nội dung phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Các đảng bộ tỉnh luôn giữ mối quan hệ mật thiết, đoàn kết, gắn bó, hướng dẫn giúp đỡ nhau và cùng nhau giải quyết những vấn đề khó khăn trong việc phát triển mọi lĩnh vực của khu vực ĐBSH.

3.1.3. Tình hình, đặc điểm của các tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay

Qua nghiên cứu các tài liệu, báo cáo và đánh giá các nội dung thực tế có thể thấy các tỉnh ủy ở ĐBSH có một số đặc điểm sau:

Một là, các tỉnh ủy ở ĐBSH hoạt động trong điều kiện và dưới sự ảnh hưởng sâu sắc của các yếu tố truyền thống của nền văn hóa lúa nước.

Nhân dân ĐBSH có truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, đức tính cần cù lao động, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng đóng góp công sức cho sự nghiệp đổi mới ở địa phương. Trình độ dân trí của vùng tương đối cao, nguồn nhân lực dồi dào. Tuy nhiên, một bộ phận nhân dân trong ĐBSH còn bị ảnh hưởng và chịu tác động tiêu cực của sản xuất, canh tác lúa nước, không chỉ trong đầu tư, phát triển sản xuất, tư duy hàng hóa hạn chế; tâm lý tiểu nông hay đổ kỵ, tính bảo thủ cao, đề cao kinh nghiệm, quen sống với lệ làng, thiếu ý thức pháp luật, ...

Hai là, tổ chức bộ máy của các tỉnh ủy ở ĐBSH hiện nay đã cơ bản được hoàn thiện đảm bảo về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Tỉnh ủy đã tiến hành xây dựng và ban hành quy chế làm việc qua đó phân định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của tỉnh ủy, BTV và Thường trực tỉnh ủy. Số lượng ủy viên BTVTU được Trung ương quy định. Hằng tháng, BTVTU họp một lần, họp bất thường khi cần. Thường trực tỉnh ủy họp định kỳ một lần mỗi tuần và tổ chức họp đột xuất khi cần thiết. Thường trực tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, của BTVTU và của cấp ủy cấp trên, tiến hành giải quyết công việc hằng ngày của đảng bộ, đưa ra quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của BTVTU.

Các Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh ở ĐBSH nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã bầu 421 ủy viên ban chấp hành đảng bộ; 171 ủy viên BTVTU và 91 ủy viên UBKT tỉnh ủy, đảng bộ có số ủy viên ban chấp hành nhiều nhất là Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh với 56 ủy viên, các tỉnh còn lại có từ 51 - 53 ủy viên; số lượng ủy viên BTVTU các tỉnh chủ yếu là 15 ủy viên, các tỉnh có 14 ủy viên BTVTU là do bầu khuyết và được kiện toàn trong quá trình thực hiện công tác cán bộ ở các vị trí khuyết thiếu; về ủy viên UBKT tỉnh ủy, có ba tỉnh ủy bầu số lượng là 09 ủy viên, 4 tỉnh bầu có số lượng 11 ủy viên, 03

tỉnh ủy 10 ủy viên do khuyết thiếu chức danh kiêm chức chưa kiện toàn [Bảng 3.1].

Bảng 3. 1. Số lượng, cơ cấu ban chấp hành đảng bộ tỉnh, ban thường vụ tỉnh ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng nhiệm kỳ 2015-2020

STT	Tỉnh	Ban chấp hành đảng bộ tỉnh			Ban thường vụ tỉnh ủy			Ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy		
		Tổng số	nam	nữ	Tổng số	nam	nữ	Tổng số	nam	nữ
1	Bắc Ninh	51	44	7	15	13	2	11	9	2
2	Hà Nam	51	45	6	14	13	2	9	7	2
3	Hải Dương	55	46	9	15	14	1	10	9	1
4	Hưng Yên	53	47	6	14	12	2	11	9	2
5	Nam Định	51	45	6	14	11	3	9	8	1
6	Ninh Bình	51	43	8	15	13	2	11	10	1
7	Quảng Ninh	56	46	10	15	12	3	10	9	1
8	Thái Bình	52	46	6	14	14	0	9	8	1
9	Vĩnh Phúc	51	46	5	15	13	2	11	9	2
	Tổng số	471	408	63	131	114	17	91	78	13

***Nguồn:** Tác giả tổng hợp báo cáo kết quả các đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh
ĐBSH nhiệm kỳ 2015 - 2020*

Các Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh ở ĐBSH nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã bầu 453 ủy viên ban chấp hành đảng bộ; 131 ủy viên BTVTU và 87 ủy viên UBKT tỉnh ủy, đảng bộ có số ủy viên ban chấp hành nhiều nhất là đảng bộ

tỉnh Nam Định với 53 ủy viên, các tỉnh còn lại có từ 48 - 51 ủy viên; số lượng ủy viên BTVTU các tỉnh chủ yếu là 15 ủy viên, các tỉnh có 14 ủy viên BTVTU là do bầu khuyết và được kiện toàn trong quá trình thực hiện công tác cán bộ ở các vị trí khuyết thiếu; về ủy viên UBKT tỉnh ủy, có 4 tỉnh ủy bầu số lượng là 09 ủy viên, 5 tỉnh bầu có số lượng 11 ủy viên, 03 tỉnh ủy 8 hoặc 10 ủy viên do khuyết thiếu chức danh kiêm chức chưa kiện toàn [Bảng 3.2].

Bảng 3.2. Số lượng, cơ cấu ban chấp hành đảng bộ tỉnh, ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng nhiệm kỳ 2020-2025

STT	Tỉnh	Ban chấp hành đảng bộ tỉnh			Ban thường vụ tỉnh ủy			Ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy		
		Tổng số	nam	nữ	Tổng số	nam	nữ	Tổng số	nam	nữ
1	Bắc Ninh	48	41	07	15	13	02	11	09	02
2	Hà Nam	48	42	06	14	10	04	08	07	01
3	Hải Dương	51	43	08	16	14	02	11	09	02
4	Hưng Yên	52	46	06	15	13	02	11	10	01
5	Nam Định	53	47	06	15	14	01	08	07	01
6	Ninh Bình	51	43	08	15	13	02	09	07	02
7	Quảng Ninh	49	41	08	13	11	02	10	08	02
8	Thái Bình	51	45	06	14	13	01	09	08	01
9	Vĩnh Phúc	50	42	08	14	12	02	11	09	02
	Tổng số	453	388	63	131	113	18	87	73	14

***Nguồn:** Tác giả tổng hợp báo cáo kết quả các đại hội đại biểu đảng bộ ĐBSH nhiệm kỳ 2020-2025*

Chất lượng đội ngũ tỉnh ủy viên ngày càng được nâng lên, đảm bảo được yêu cầu, nhiệm vụ công tác, cụ thể: Đại hội đảng bộ tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ

2015 - 2020 bầu được 51 đồng chí, trong đó tỷ lệ số nữ tỉnh ủy viên khá cao: 15,69 %; độ tuổi trung bình của tỉnh ủy viên từ 35 - 45 là 23,53%; 100% tỉnh ủy viên có trình độ cử nhân chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị; 66,67% tỉnh ủy viên có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc nhiệm kỳ 2015 - 2020 bầu được 52 đồng chí, trong đó tỷ lệ tỉnh ủy viên là nữ chiếm khoảng: 9,62%; tỷ lệ tỉnh ủy viên có độ tuổi từ 35 - 45 là 21,15%; 100% tỉnh ủy viên có trình độ cử nhân chính trị hoặc cao cấp chính trị; 71,1% tỉnh ủy viên có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên.

Ba là, các tỉnh ủy ở ĐBSH còn gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ, nhất là quá trình lãnh đạo phát triển bền vững, trong việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ; giữa thành thị và nông thôn; lao động và việc làm, bảo tồn phát huy giá trị truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc. Mặc dù kinh tế tăng trưởng khá, luôn là vùng dẫn đầu cả nước nhưng sự phát triển này còn thiếu tính bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, quy mô còn manh mún, đời sống nhân dân ở nhiều vùng nông thôn chưa được cải thiện đáng kể.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy được kiện toàn theo đúng quy định: văn phòng tỉnh ủy; ban tổ chức tỉnh ủy; cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy; ban tuyên giáo tỉnh ủy; ban dân vận tỉnh ủy; ban nội chính tỉnh ủy. Tổ chức bộ máy đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiệu quả nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ theo đúng chức năng, nghiên cứu, đề xuất, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra-giám sát; thẩm định, thẩm tra; phối hợp công tác; thực hiện một số nhiệm vụ khác do BTV tỉnh ủy, thường trực tỉnh ủy giao.

3.1.4. Tình hình, đặc điểm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, cơ quan ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng

Thời gian qua, tỉnh ủy và UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH luôn đặc biệt quan tâm lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra “vừa hồng, vừa chuyên”, bảo đảm số lượng, cơ cấu, nâng cao về chất lượng; hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương cũng như nhiệm vụ các cấp ủy giao.

Cơ quan UBKT tỉnh ủy thường xuyên, kịp thời đề xuất với tỉnh ủy, UBKT Trung ương kiện toàn UBKT và cơ quan UBKT các cấp, bảo đảm đúng cơ cấu, số lượng và chất lượng, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của công tác kiểm tra, giám sát; chú trọng bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, giữ vững nguyên tắc, có tính chiến đấu cao, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ trong điều kiện, tình hình mới.

Cán bộ làm công tác kiểm tra ở tỉnh ủy ĐBSH thường xuyên được rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, điều đó được thể hiện qua việc cán bộ kiểm tra luôn tuyệt đối trung thành với mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng. Lòng trung thành và tính gương mẫu của đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra được thể hiện ở lập trường, bản lĩnh, tư tưởng chính trị vững vàng, có dũng khí, tính chiến đấu cao khi được giao nhiệm vụ.

Đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra ở tỉnh ủy ĐBSH có bản lĩnh vượt lên hoàn cảnh, không ngả nghiêng, dao động, không bị mua chuộc giúp cho các kết luận kiểm tra khách quan, chính xác. Khi xem xét, đánh giá người và việc, cán bộ làm công tác kiểm tra ở tỉnh ủy ĐBSH luôn xác định rõ vì lợi ích của Đảng, của sự nghiệp cách mạng để nói đúng sự thật, không thiên vị, không thiên tư, thành kiến và không mang theo động cơ cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ. Trong yêu cầu công việc, yếu tố đạo đức, phẩm chất cách mạng của cán bộ làm công tác kiểm tra là một trong những yếu tố có sức ảnh hưởng lớn đến hiệu quả, chất lượng của công tác kiểm tra, giám sát nói riêng và công tác xây dựng Đảng nói chung.

Đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra ở ĐBSH am hiểu về công tác xây dựng Đảng và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; thường xuyên được cập nhật kiến thức, bồi dưỡng cơ bản, hiểu và nắm rõ hệ thống quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng giai đoạn, thời kỳ.

Trong những năm qua, các tỉnh ủy luôn thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Đội ngũ làm công tác kiểm tra về trình độ lý luận chính trị ngày càng được nâng cao, về cơ bản được đào tạo về lý luận chính trị trung cấp và cao cấp. Hiện tại, 100% cán bộ kiểm tra cấp tỉnh ở ĐBSH đã được bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát. Cán bộ kiểm tra các cấp được chuẩn hoá về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị chính là nguồn lực tốt, tạo sự chuyển biến tích cực trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chung, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra - giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

Tuy nhiên, trước khối lượng công việc ngày càng lớn, hoạt động kiểm tra, giám sát vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc, đội ngũ làm công tác kiểm tra ở cơ sở thường xuyên biến động, thay đổi sau nhiệm kỳ đại hội; trình độ, năng lực, kinh nghiệm thực tế còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

3.2. Thực trạng công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng

3.2.1. Ưu điểm trong công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng

3.2.1.1. Ưu điểm trong công tác giải quyết đơn thư khiếu nại

Một là, UBKT tỉnh ủy đã chủ động xây dựng, ban hành quyết định về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng và đảng viên theo quy định.

Trên cơ sở tham mưu của UBKT tỉnh ủy, BTVTU đã kịp thời xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức quán triệt các quy định, quyết định, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và UBKT Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát nói chung và công tác giải quyết khiếu nại nói riêng đến các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và đội ngũ cán bộ chủ chốt của sở, ban, ngành, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, đồng thời tổ chức quán triệt các chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác giải quyết khiếu nại trong Đảng.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ cấp ủy từ tỉnh ở ĐBSH ban hành quy chế làm việc của UBKT, chương trình công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ và chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm; đồng thời xây dựng các kế hoạch triển khai, thực hiện Điều lệ Đảng, các quyết định, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, UBKT Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, từ đó xây dựng quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của UBKT tỉnh ủy.

Khi có khiếu nại, trong từng trường hợp cụ thể, UBKT tỉnh ủy đã chủ động ban hành kế hoạch, quyết định giải quyết đơn thư khiếu nại theo các nội dung như nội dung, thành phần, thời gian, quy trình giải quyết... từ đó giúp cho công tác giải quyết khiếu nại đạt hiệu quả.

Hai là, UBKT tỉnh ủy chỉ đạo và triển khai thực hiện quyết định của mình về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng kịp thời, hiệu quả đồng thời thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các tổ giải quyết khiếu nại.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở ĐBSH đã chủ động quán triệt quyết định của mình về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng trong cơ quan UBKT tỉnh ủy cũng như tổ chức đảng trực thuộc và cấp ủy có đảng viên có đơn khiếu nại để triển khai phối hợp thực hiện công việc. Trong từng vụ việc đều thống nhất quy định, chương trình, quy trình làm việc và phân công công việc cho các thành viên đảm bảo khách quan, công tâm và hiệu quả.

Ba là, trình tự, thủ tục tiếp nhận và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH cơ bản đảm bảo đúng, đủ các bước theo quy định.

Trong công tác giải quyết khiếu nại của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH luôn được thường trực UBKT tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo từ công tác chuẩn bị, tiến hành đến kết thúc, thông báo kết quả giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng đến tổ chức đảng và đảng viên có liên quan. Khi được hỏi đánh giá như thế nào về quy trình các bước giải quyết giải quyết đơn thư khiếu nại ở ĐBSH hiện nay, có 66,7% đánh giá quy trình giải quyết chặt chẽ hơn.

Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở ĐBSH nhiệm kỳ 2015 - 2020 về cơ bản được tiếp nhận, xử lý, giải quyết đúng thẩm quyền và đúng quy định. Theo tổng hợp số liệu báo cáo về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của các tỉnh ở ĐBSH (theo biểu số 8, Quyết định số 357-QĐ/UBKTTW, ngày 04/11/2016 của UBKT Trung ương về Ban hành mẫu báo cáo thống kê số lượng kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng), tỉnh ủy đã xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với 04 tổ chức đảng. Kết quả giải quyết: giữ nguyên hình thức kỷ luật 03 trường hợp; thay đổi hình thức kỷ luật 01 trường hợp.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy đã xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 133 đơn thư khiếu nại về kỷ luật đảng. Kết quả giải quyết: đã giải quyết 109 đơn thư; tồn đọng 19 đơn thư và hình thức khác là 10 đơn thư.

**Bảng 3.3. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại của ủy ban kiểm tra tỉnh
ủy ở Đồng bằng sông Hồng nhiệm kỳ 2015-2020**

STT	Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy	Tổng số	Số đã giải quyết	Số tồn đọng chưa giải quyết	Khác	Ghi chú
1	Bắc Ninh	7	5	1	1	
2	Hà Nam	8	6	1	1	
3	Hải Dương	15	14	0	1	
4	Hưng Yên	48	43	4	4	
5	Nam Định	13	10	2	1	
6	Ninh Bình	8	7	1	0	
7	Quảng Ninh	19	14	4	1	
8	Thái Bình	5	5	5	0	
9	Vĩnh Phúc	14	13	1	1	
	Tổng số	137	108	19	10	

Nguồn: Tác giả tổng hợp báo cáo về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH (theo biểu số 8, Quyết định số 357-QĐ/UBKTTW, ngày 04/11/2016 của UBKT Trung ương về Ban hành mẫu báo cáo thống kê số lượng kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng)

Những năm đầu của nhiệm kỳ 2020 - 2025 (năm 2021, 2022), số lượng đơn thư khiếu nại có chiều hướng giảm hàng năm, có nơi không có đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng đối với UBKT tỉnh ủy.

**Bảng 3.4. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại của ủy ban kiểm tra tỉnh
ủy ở Đồng bằng sông Hồng năm 2021 và 2022**

STT	Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy	Tổng số	Số đã giải quyết	Số tồn đọng chưa giải quyết	Khác	Ghi chú
1	Bắc Ninh	4	4	0	0	
2	Hà Nam	3	2	0	1	
3	Hải Dương	4	3	1	0	
4	Hưng Yên	8	7	1	0	
5	Nam Định	3	3	0	0	
6	Ninh Bình	5	4	1	0	
7	Quảng Ninh	7	5	1	1	
8	Thái Bình	1	1	0	0	
9	Vĩnh Phúc	2	2	0	0	
	Tổng số	37	31	4	2	

Nguồn: Tác giả tổng hợp báo cáo về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH (theo biểu số 8, Quyết định số 357-QĐ/UBKTTW, ngày 04/11/2016 và Quyết định số 855-QĐ/UBKTTW, ngày 29/12/2022 của UBKT Trung ương về Ban hành mẫu báo cáo thống kê số lượng kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng)

Đơn thư khiếu nại, kiến nghị, phản ánh gửi đến UBKT cấp tỉnh được tiếp nhận, xử lý kịp thời, bảo đảm đúng quy trình, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; không có đơn thư tồn đọng.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy đã tiếp nhận các đơn thư khiếu nại và xem xét, giải quyết theo đúng thẩm quyền, quy trình theo các quy định, hướng dẫn. Không để xảy ra sai sót, giải quyết những vấn đề cấp thiết đặt ra, tránh kéo dài, gây bức xúc trong dư luận.

Nội dung khiếu nại chủ yếu về vấn đề bồi thường, giải phóng mặt bằng, công tác tái định cư; khiếu nại về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khiếu nại về các quyết định xử phạt hành chính chính, khiếu nại đòi lại đất cũ...

Công tác giải quyết khiếu nại đã có nhiều chuyển biến tích cực và đi vào nề nếp. Hầu hết các đơn thư khiếu nại được UBKT tỉnh ủy xử lý, giải quyết dứt điểm, chất lượng giải quyết được nâng lên. Số đơn thư và số vụ, tính chất có phức tạp, nhưng với sự chủ động, tích cực phối hợp của UBKT và các cơ quan nên hầu hết các vụ việc đã được giải quyết đúng quy trình, thẩm quyền đúng pháp luật.

Bốn là, công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng luôn tuân thủ đúng các nguyên tắc theo quy định.

Thường trực tỉnh ủy, BTVTU, thường trực UBKT tỉnh đã lãnh đạo UBKT tỉnh ủy đảm bảo đúng các nguyên tắc trong công tác giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng. Nghiêm cấm các hành vi cản trở, không xem xét, giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng theo thẩm quyền của UBKT tỉnh ủy đồng thời yêu cầu cấp ủy, UBKT cấp dưới xem xét lại các quyết định của cấp mình, báo cáo cụ thể bằng văn bản từng trường hợp để xảy ra khiếu nại, khiếu nại vượt cấp, yêu cầu tổ chức đảng có đơn khiếu nại phối hợp với UBKT tỉnh ủy giải quyết. Khi có quyết định, UBKT tỉnh ủy yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới chấp hành nghiêm quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của UBKT tỉnh ủy.

Năm là, UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của tổ giải quyết khiếu nại.

Công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát cũng như giải quyết đơn thư khiếu nại luôn được thực hiện nghiêm túc. Định kỳ sáu tháng, một năm, tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy chủ trì hoặc chỉ đạo UBKT tiến hành sơ kết, tổng kết công tác giải quyết khiếu nại trong toàn đảng bộ, đánh giá những kết quả đạt được để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới. Ngoài việc sơ kết, tổng kết hằng năm, BTVTU tiến hành sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm trong giải quyết từng đơn khiếu nại cụ thể.

Sáu là, công tác chỉ đạo việc phối hợp giữa tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng với tổ chức đảng có liên quan để tiến hành công việc được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả.

Khi có đơn thư khiếu nại về kỷ luật đảng của tổ chức đảng, đảng viên, UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH chỉ đạo thành lập tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp với cấp ủy có tổ chức đảng trực thuộc và có đảng viên có đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng để giải quyết khiếu nại đảm bảo chính xác, khách quan và đúng quy trình.

3.2.1.2. Ưu điểm trong công tác giải quyết tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng

Một là, UBKT tỉnh ủy đã chủ động xây dựng, ban hành quyết định về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng và đảng viên đồng thời chỉ đạo và triển khai thực hiện quyết định của mình về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên

Khi có đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên về những hành vi vi phạm liên quan đến việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng và đoàn kết nội bộ; hay tố cáo đảng viên về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, đảng viên; về phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên... ủy

ban kiểm tra tỉnh ủy ở ĐBSH chủ động xây dựng, ban hành quyết định về giải quyết tố cáo, đồng thời lãnh đạo các tổ chức cá nhân chấp hành nghiêm các quy định về giải quyết tố cáo để giải quyết dứt điểm, đúng người, đúng tội đối với từng đơn tố cáo.

Hai là, UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH thực hiện tốt quy trình giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên.

Việc tiếp nhận, xử lý đơn thư và thông tin tố cáo đối với đảng viên được tổ chức thực hiện nghiêm túc và đúng quy trình. Khi được hỏi đánh giá như thế nào về quy trình các bước giải quyết giải quyết đơn thư tố cáo ở ĐBSH hiện nay, có 61,1% đánh giá quy trình giải quyết chặt chẽ hơn.

Các tỉnh ủy ở ĐBSH đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Thông báo số 130-TB/TW, ngày 10/01/2008 của Bộ Chính trị về giải quyết đơn thư KN, TC của công dân; các quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo năm 2011; Quy định số 14-QĐ/UBKTTW ngày 22/8/2014 của UBKT Trung ương Quy định về việc tiếp nhận, xử lý đơn thư tiếp đảng viên và công dân.

Căn cứ quy định của Trung ương, UBKT các tỉnh, thành ủy đã ban hành quy trình tiếp nhận, xử lý đơn thư và tiếp đảng viên, công dân một cách khoa học, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Đảng. Hiện nay việc tiếp nhận, xử lý đơn thư như sau:

Tiếp nhận đơn: đơn thư đến UBKT các cấp rất đa dạng, bao gồm các nguồn sau: cấp trên chuyển về trực tiếp; cấp ủy, ủy ban nhân dân, các ngành chuyển về; nhận trực tiếp từ nguyên đơn; nhận qua đường bưu điện. Nhiệm kỳ 2015 - 2020, số đơn thư tố cáo đảng viên mà các tỉnh nhận được là 7745 đơn thư phản ánh, tố cáo, trong đó: đơn thư phản ánh, tố cáo phải giải quyết là 1671; đơn thư phản ánh, tố cáo giấu tên là 2029; đơn thư phản ánh, tố cáo mạo tên là 4035.

Bảng 3.5. Công tác giải quyết đơn thư tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng nhiệm kỳ 2015-2020

STT	Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy	Tổng số	Đơn tố cáo phải giải quyết	Đơn tố cáo giấu tên	Đơn tố cáo mạo tên	Ghi chú
1	Bắc Ninh	978	134	278	566	
2	Hà Nam	921	98	135	688	
3	Hải Dương	874	241	198	435	
4	Hưng Yên	1009	329	190	490	
5	Nam Định	679	176	238	265	
6	Ninh Bình	734	167	201	366	
7	Quảng Ninh	1028	207	380	441	
8	Thái Bình	687	121	210	356	
9	Vĩnh Phúc	835	198	209	428	
	Tổng số	7745	1671	2039	4035	

Nguồn: Tác giả tổng hợp báo cáo về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của UBKT tỉnh ủy của ĐBSH (theo biểu số 22, Quyết định số 357-QĐ/UBKTTW, ngày 04/11/2016 của UBKT Trung ương về ban hành mẫu báo cáo thống kê số lượng kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

Những năm đầu của nhiệm kỳ 2020 - 2025 (năm 2021, 2022), số lượng đơn thư phản ánh, tố cáo có chiều hướng tăng hàng năm, có nơi tăng số lượng đơn thư đột biến đối với UBKT tỉnh ủy. Tổng số đơn thư KN, TC và phản ánh, kiến nghị là 3636 trong đó: Đơn thư KN, TC phải giải quyết là 975; đơn thư KN, TC giấu tên là 1055; đơn thư KN, TC mạo tên là 1606.

Bảng 3.6. Công tác giải quyết đơn thư tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng năm 2021, 2022

STT	Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy	Tổng số	Đơn tố cáo phải giải quyết	Đơn tố cáo giấu tên	Đơn tố cáo mạo tên	Ghi chú
1	Bắc Ninh	275	68	76	131	
2	Hà Nam	387	98	89	200	
3	Hải Dương	603	109	231	263	
4	Hưng Yên	669	172	219	278	
5	Nam Định	228	72	56	100	
6	Ninh Bình	278	72	78	128	
7	Quảng Ninh	503	178	132	193	
8	Thái Bình	310	99	76	135	
9	Vĩnh Phúc	383	107	98	178	
	Tổng số	3636	975	1055	1606	

Nguồn: Tác giả tổng hợp báo cáo về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH (theo biểu số 22, Quyết định số 357-QĐ/UBKTTW, ngày 04/11/2016 và Quyết định số 855-QĐ/UBKTTW, ngày 29/12/2022 của UBKT Trung ương về Ban hành mẫu báo cáo thống kê số lượng kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

Xử lý đơn thư: hàng tuần các UBKT tỉnh ủy đều tổ chức giao ban cơ quan, trong đó các đơn thư được đưa ra thảo luận, thống nhất phương án xử lý. Sau khi thống nhất phương án xử lý thì giao cho cán bộ được phân công phụ trách đơn thư vào sổ đơn hoặc cập nhật đơn thư vào phần mềm theo dõi

đơn thư và lập phiếu chuyển đơn thư theo đúng địa chỉ đã được chỉ đạo tại hội nghị giao ban. Thông thường có các tình huống thực hiện khi xử lý như sau:

Lưu tại cơ quan những đơn không xem xét, giải quyết như: đơn tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ; đơn tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền (do Điều lệ Đảng và Luật Tố cáo quy định) xem xét, kết luận, nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ việc; đơn tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có căn cứ để thẩm tra, xác minh; đơn tố cáo có tên, nhưng trong nội dung của đơn không chứa đựng, phản ánh nội dung tố cáo đối với đảng viên, tổ chức đảng; đơn tố cáo không phải bản do người tố cáo trực tiếp ký tên; đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên; đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự.

Đơn tố cáo đảng viên thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ sở, lập phiếu chuyển đơn theo mẫu và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo kết luận tại hội nghị giao ban, đồng thời theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn cơ sở giải quyết (thông báo cho người tố cáo biết việc chuyển đơn khi có yêu cầu). Nhiệm kỳ qua số đơn tố cáo chuyển cơ sở giải quyết là 1 157 vụ, trong đó các tổ chức đảng trực thuộc huyện giải quyết 870 vụ, các tổ chức đảng trực thuộc huyện giải quyết 287 vụ.

Đơn tố cáo đảng viên thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh ủy và ủy ban kiểm tra các tỉnh ủy thì thành lập Tổ, Đoàn giải quyết theo quy trình, quy định. Những đơn tố cáo có nội dung phức tạp liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, UBKT báo cáo thường trực cấp ủy chỉ đạo phối hợp giải quyết.

Trường hợp đảng viên, công dân có đơn thư kèm theo: nếu đơn thư đủ điều kiện xử lý và thuộc thẩm quyền giải quyết của UBKT tỉnh ủy thì tiếp nhận để xử lý theo quy định; nếu đơn thư có một phần nội dung thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của ủy ban thì tiếp nhận, các nội dung không thuộc

thẩm quyền thì hướng dẫn người có đơn thư gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp đảng viên, công dân trình bày trực tiếp, không có đơn kèm theo: cán bộ trực tiếp hướng dẫn cho đảng viên, công dân viết và nhận đơn; Trường hợp đảng viên, công dân không viết được đơn thì cán bộ tiếp nhận cần phải ghi rõ nội dung, đọc lại để người KN, TC, kiến nghị, phản ánh nghe, ký tên hoặc điểm chỉ vào văn bản.

Trường hợp nội dung không thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của ủy ban thì cán bộ tiếp nhận cần giải thích cho đảng viên, công dân biết quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn đảng viên, công dân đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết.

Khi tiếp đảng viên, công dân, có thể ghi âm lời tố cáo, khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của đảng viên, công dân (nếu thấy cần thiết và được thực hiện công khai).

Trong quá trình tiếp nhận, xử lý đơn thư, các UBKT cũng đã lưu ý các đơn thư cần phải xem xét, giải quyết ngay để kịp thời ngăn chặn tác hại của vi phạm nhằm tránh hậu quả nghiêm trọng. Bên cạnh đó, những thư tố cáo giấu tên, mạo tên mà có nội dung cụ thể, sau khi nắm tình hình có thể dùng làm kênh thông tin để tổ chức kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đảng viên.

Ba là, việc tiến hành giải quyết tố cáo đối với đảng viên đã tuân thủ tốt hơn các quy định về thẩm quyền, nguyên tắc, phương pháp, quy trình của UBKT các tỉnh ủy.

Bám sát quy định về quy trình kiểm tra, giám sát ban hành kèm theo Quyết định số 1084-QĐ/UBKTTW ngày 05/12/2012 của UBKT Trung ương trong đó có quy trình giải quyết tố cáo đối với đảng viên và quy định của tỉnh, ủy về giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ quản lý các UBKT tỉnh ủy đều đã tham mưu cho cấp ủy cụ thể hóa quy trình

giải quyết tố cáo đảng viên ở cấp mình đảm bảo theo đúng quy định của Trung ương và Điều lệ Đảng.

Chính vì vậy, khi có việc tố cáo đối với đảng viên các cấp ủy, UBKT tỉnh ủy đều chủ động xem xét, giải quyết, đảm bảo đúng quy trình, thẩm quyền, chức năng góp phần tạo hiệu quả chung trong việc giải quyết đơn thư KN, TC của toàn đảng bộ tỉnh, thành phố.

Trong bước chuẩn bị: các UBKT tỉnh ủy đã làm tốt một số việc trong giải quyết như: Phân loại đơn (thư) tố cáo theo đúng đối tượng, phạm vi, thẩm quyền giải quyết; công tác nắm tình hình, nghiên cứu, phân tích những thông tin, tư liệu; việc giữ bí mật cho người tố cáo, người cung cấp tài liệu, thông tin, bằng chứng đồng thời phải giữ uy tín cho đối tượng đảng viên bị tố cáo. Khi làm việc với nguyên đơn phải lập biên bản, chốt được những nội dung mà nguyên đơn tố cáo và yêu cầu người tố cáo ký vào biên bản.

Trong bước tiến hành: các UBKT tỉnh ủy đã thực hiện theo đúng các hướng dẫn, quy trình, quy định của Trung ương. Các UBKT đều đã thực hiện tốt một số việc như: thực hiện giải quyết tố cáo một cách công khai, dân chủ thông qua việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị; thực hiện tốt công tác tư tưởng đối với đảng viên bị tố cáo, khuyến khích đảng viên phối hợp làm việc một cách tích cực với tổ kiểm tra, trung thực tự kiểm điểm (bằng văn bản), tự nhận hình thức kỷ luật phù hợp; coi trọng khâu thẩm tra, xác minh vì đây là yếu tố quyết định đến chất lượng, hiệu quả của việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên.

Trong bước kết thúc: Về cơ bản các UBKT tỉnh ủy đã giải quyết các vụ việc tố cáo một cách kịp thời, đảm bảo quy định.

Qua theo dõi, các UBKT tỉnh ủy và từng thành viên UBKT thực hiện đúng quy chế làm việc trong việc xử lý các đơn, thư tố cáo cụ thể đã luôn thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc xem xét, kết luận vụ việc giải quyết tố cáo một cách công tâm, khách quan, dân chủ, không nể nang, né tránh. Đồng thời thông báo kết quả việc giải quyết tố cáo đến người tố cáo

bằng hình thức thích hợp và chủ động theo dõi kết quả giải quyết, lập và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Trong nhiệm kỳ, các UBKT tỉnh ủy đã có rất nhiều cố gắng, thường xuyên đổi mới các phương pháp công tác, chú trọng và chất lượng giải quyết các vụ việc, các lĩnh vực phức tạp và có biện pháp tập trung lực lượng phối hợp giải quyết dứt điểm. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm tra, xác minh, tập trung vào việc giải quyết, làm rõ đúng - sai, kết luận để phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, trực tiếp là phục vụ nhân sự Đại hội của cấp ủy các cấp .

** Kết quả giải quyết tố cáo đối với đảng viên nhiệm kỳ 2015 - 2020*

Theo tổng hợp số liệu báo cáo về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của các tỉnh ở ĐBSH, nhiệm kỳ qua số đơn thư tố cáo đảng viên mà các tỉnh nhận được từ năm 2015 đến tháng 12 năm 2022 là 11381 đơn, kết quả giải quyết tố cáo đảng viên của các tỉnh như sau: chưa có cơ sở kết luận là 2134; tố sai là 4310; tố đúng và đúng một phần là 3125; tố đúng một phần, có vi phạm là 1812.

Vi phạm của đảng viên tập trung vào những nội dung sau: vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống, việc chấp hành chỉ thị nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quản lý và sử dụng đất đai, thiếu tinh thần trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, quản lý, những điều đảng viên không được làm, nguyên tắc tập trung dân chủ, tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản

Những vi phạm này, một lần nữa được Đảng nhận định qua Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XII. Tại Hội nghị này, Đảng ta đã thẳng thắn chỉ ra một cách có hệ thống những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Trong đó, nguy hiểm nhất là sự phai nhạt lý tưởng cách mạng, không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, mơ hồ, dao động, thiếu niềm tin; nói trái, làm trái quan điểm, đường lối của Đảng; thậm chí sa sút ý chí chiến đấu, thấy đúng không bảo vệ,

thấy sai không đấu tranh, đi theo những nhận thức, quan điểm sai trái, lệch lạc; không còn ý thức hết lòng vì nước, vì dân, không làm tròn bổn phận, chức trách được giao; không thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Sự suy thoái về đạo đức, lối sống thể hiện ở chỗ: sống ích kỷ, thực dụng, cơ hội, vụ lợi, hám danh, tham nhũng, ham quyền lực; bè phái cục bộ, mất đoàn kết; quan liêu, xa dân, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của dân. Chính vì vậy, làm tốt việc giải quyết tố cáo đảng viên góp phần làm cho Đảng ta thực sự trong sạch vững mạnh, tạo niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Bốn là, việc phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên chặt chẽ hơn

Trên cơ sở quy chế phối hợp do tỉnh ủy ban hành giữa UBKT tỉnh ủy với các ban, ngành liên quan, cấp ủy các tỉnh đều đã ban hành quy chế phối hợp giữa UBKT tỉnh ủy với các cơ quan liên quan của tỉnh trong công tác kiểm tra, giám sát nói chung và giải quyết tố cáo đối với đảng viên nói riêng.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết tố cáo đối với đảng viên, tùy thuộc nội dung, đối tượng các UBKT tỉnh ủy đã độc lập thành lập tổ, đoàn hoặc chủ động phối hợp với các ban, ngành chức năng có liên quan của tỉnh theo quy chế như: các ban xây dựng Đảng, thanh tra nhà nước, viện kiểm sát nhân dân, công an, các phòng chuyên môn để giải quyết những đơn thư tố cáo có nội dung phức tạp, những nội dung tố cáo về các vi phạm, tiêu cực trên nhiều lĩnh vực nhất là lĩnh vực đất đai, quản lý dự án, xây dựng cơ bản, tài chính, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước và thi hành pháp luật, đặc biệt là đối với những vụ việc tố cáo nghiêm trọng, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành. Về cơ bản, các cơ quan có liên quan đã có sự phối hợp cần thiết trong việc cung cấp các thông tin, giải quyết đơn thư tố cáo, thực hiện đúng nội dung quy chế phối hợp với UBKT tỉnh ủy trong thực hiện công tác kiểm tra nói

chung và công tác giải quyết tố cáo nói riêng. Qua đó đã góp phần vào việc giải quyết đơn thư tố cáo của tỉnh ủy một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Ngoài ra, để làm tốt nhiệm vụ này, bên cạnh sự cố gắng, nỗ lực của các UBKT tỉnh thì sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy giữ vai trò quyết định góp phần tạo nên hiệu quả của công tác giải quyết tố cáo đặc biệt là khâu chỉ đạo, phối hợp giải quyết.

Năm là, việc xử lý kết quả giải quyết tố cáo đối với đảng viên cơ bản theo đúng quy định, thẩm quyền, trách nhiệm của UBKT tỉnh ủy.

Thời gian qua, về cơ bản việc xử lý kết quả giải quyết tố cáo của các UBKT tỉnh ủy đảm bảo nguyên tắc, thủ tục, quy trình; kết luận rõ đúng sai giúp cho người tố cáo thấy được thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm để có biện pháp sửa chữa, khắc phục, phấn đấu vươn lên. Giúp tổ chức đảng đánh giá đúng tình hình, xác định biện pháp phù hợp giúp đỡ, bồi dưỡng, rèn luyện và bố trí sắp xếp cũng như sử dụng cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ của cán bộ, đảng viên, đồng thời chấn chỉnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý cho hiệu quả. Việc giải quyết tố cáo giúp cải chính, minh oan cho những trường hợp bị tố cáo sai, vu cáo; đồng thời đáp ứng nguyện vọng chính đáng của cán bộ, đảng viên và nhân dân; góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Việc thẩm tra, xác minh đã được các UBKT tỉnh ủy tiến hành một cách cẩn trọng, tỉ mỉ, đúng nguyên tắc, vì vậy việc xử lý kết quả giải quyết tố cáo đối với đảng viên đảm bảo phương châm công minh, chính xác, kịp thời góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của nhiệm vụ giải quyết tố cáo. Các kết luận, kiến nghị được các đối tượng và tổ chức đảng liên quan chấp hành góp phần giữ vững ổn định tình hình địa phương, đơn vị không có kết luận giải quyết nào phải ban hành văn bản đôn đốc, nhắc nhở.

Sáu là, đã chú trọng công tác sơ kết, tổng kết, giám sát việc chấp hành kết luận giải quyết tố cáo đối với đảng viên của UBKT tỉnh ủy.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, các cấp ủy đảng ở tỉnh nói chung và các UBKT tỉnh ủy nói riêng đã thực hiện một cách nghiêm túc, chủ động trong việc quán triệt các quan điểm của Đảng về giải quyết tố cáo đối với đảng viên. Công tác sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định vào nửa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ hoặc theo yêu cầu của UBKT Trung ương. Hàng năm, qua báo cáo tổng kết năm các UBKT tỉnh ủy đều báo cáo khá chi tiết công tác giải quyết đơn thư KN, TC. Qua sơ, tổng kết chuyên đề về giải quyết tố cáo đối với đảng viên các đơn vị đều đánh giá rõ những ưu điểm, những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các quy định của Đảng về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với đảng viên từ đó tiếp tục phát huy ưu điểm, đưa ra các giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế. Đồng thời, qua mỗi vụ việc nhiều bài học, kinh nghiệm thực tiễn rút ra trong việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên được phổ biến trong đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra. Thông qua các hội nghị các đơn vị đã rà soát bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới trong các quy định về giải quyết tố cáo trong Đảng của đơn vị để làm cơ sở pháp lý trong quá trình thực hiện.

Một số UBKT tỉnh ủy đã tiến hành tổ chức công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ hàng năm cũng như việc giải quyết tố cáo theo chuyên đề về nhóm nội dung vi phạm (như giải quyết tố cáo vi phạm về chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng; chuyên đề giải quyết tố cáo về các vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ; chuyên đề giải quyết tố cáo hành vi vi phạm về tham nhũng, lãng phí; chuyên đề giải quyết tố cáo các hành vi vi phạm về đạo đức, lối sống...), hoặc theo chuyên đề về đối tượng vi phạm hoạt động tại các lĩnh vực (cơ quan đảng; cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp; đơn vị kinh tế; lực lượng vũ trang; tổ chức CT – XH ...). Trên cơ sở đó, đã đề ra các giải pháp cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giải quyết tố cáo. Cùng với đó là sơ kết, tổng kết thực hiện các chỉ đạo của trung

ương về giải quyết tố cáo, như sơ kết 5 năm thực hiện Thông báo số 130-TB/TW của Bộ Chính trị về giải quyết KN, TC.

Qua theo dõi, phần lớn các kết luận, kiến nghị được nêu trong thông báo kết luận giải quyết tố cáo đối với đảng viên được các đối tượng và tổ chức đảng liên quan chấp hành một cách nghiêm túc.

3.2.2. Hạn chế trong công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay

3.2.2.1. Hạn chế trong công tác giải quyết đơn thư khiếu nại của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng

Trong những năm gần đây, số lượng đơn thư khiếu nại có chiều hướng gia tăng ở nhiều nơi, thậm chí có nơi tình hình khiếu nại diễn biến hết sức phức tạp, làm ảnh hưởng đến vấn đề an ninh, trật tự tại các địa phương như Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình..., việc giải quyết đơn thư khiếu nại bên cạnh những ưu điểm, còn bộc lộ một số hạn chế.

Một là, hạn chế trong xây dựng, ban hành, phân quyết định về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng, đảng viên

Việc xây dựng, ban hành, phân quyết định về giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của tổ chức đảng, đảng viên ở một số UBKT tỉnh ủy, một số vụ việc còn chậm, chưa rõ giữa giải quyết khiếu nại về vi phạm trong thực hiện Cương lĩnh chính trị, nghị quyết, quyết định của Đảng với giải quyết đơn thư khiếu nại về vi phạm trong thực hiện nghị quyết, quyết định của cấp ủy.

Một số vụ việc, bộ phận tham mưu chưa xác định rõ giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên chính thức và đảng viên dự bị; khiếu nại trong kỷ luật đảng vi phạm trong nội bộ đảng với đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên về vi phạm pháp luật, kỷ luật hành chính, đoàn thể.

Hai là, việc phối hợp giữa các tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của mình với các cơ quan chức năng trong hoạt động giải quyết đơn khiếu nại kỷ luật đảng của tổ giải quyết khiếu nại còn hạn chế, chưa rõ nhiệm vụ, quyền

hạn trong việc phối hợp giải quyết.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy chỉ đạo việc phối hợp giữa tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy nhưng ở một số tỉnh ủy còn đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, làm cho việc giải quyết khiếu nại bị chậm tiến độ. Một số nội dung vụ việc khi cần có giám định kỹ thuật, chuyên môn ngoài UBKT tỉnh ủy còn chậm.

Sự phối hợp, điều tra giữa các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết khiếu nại có lúc, có nơi làm chưa tốt, còn có hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm, né tránh, chuyển đơn KN, TC lòng vòng, trả lời thiếu sự thống nhất. Việc tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục, hướng dẫn cho người khiếu nại ở các tỉnh chưa thực sự được quan tâm thực hiện đúng mức nên đã xảy ra tình trạng có những vụ việc đơn giản vẫn phát sinh đơn thư KN, TC vượt cấp.

Ba là, trình tự, thủ tục giải quyết đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở ĐBSH ở một số tỉnh, một số vụ việc chưa được thực hiện nghiêm.

Khi phát sinh khiếu nại, UBKT một số tỉnh ủy chưa thực sự làm tròn trách nhiệm của mình, còn thiếu quan tâm đến việc giải quyết từ gốc của vấn đề; có nhiều vụ việc giải quyết còn chậm, thẩm tra, xác minh qua loa, sơ sài; việc tiến hành thu thập chứng cứ chưa thực sự đầy đủ, kết luận còn thiếu chung chung, áp dụng các quy định của pháp luật cứng nhắc, phương án giải quyết thiếu thuyết phục dẫn đến tình trạng một số vụ việc đảng viên, tổ chức đảng không đồng tình, tiếp tục khiếu nại. Khi được hỏi về quy trình các bước giải quyết giải quyết đơn thư tố cáo hiện nay có tới 38,9 ý kiến cho rằng phải được điều chỉnh, bổ sung.

Bên cạnh đó, trong một số trường hợp, những người đi khiếu nại bị thế lực phản động và phân tử cơ hội lợi dụng, kích động; tổ chức, lôi kéo khiếu kiện đông người, biến các vụ việc khiếu nại thuần túy thành vấn đề có tính

chính trị - xã hội, dẫn đến tình hình khiếu nại trong thời gian qua có những diễn biến phức tạp, khó lường như ở Thái Bình, Quảng Ninh, Bắc Ninh.

Bốn là, công tác thẩm tra, xác minh và giải quyết khiếu nại còn chậm nên một số vụ việc chậm được giải quyết và trả lời.

Theo quy trình, thông qua hội nghị và các các buổi làm việc, nếu có vấn đề nào chưa rõ phải tiếp tục thẩm tra, xác minh và tiếp tục giải quyết khiếu nại có nhiều vụ việc không đủ căn cứ để bộ phận thẩm tra, xác minh kết luận; dữ liệu, chứng cứ được cung cấp mâu thuẫn với chứng cứ thẩm tra, xác minh làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết khiếu nại.

Năm là, một số UBKT tỉnh ủy có dấu hiệu vi phạm trong giải quyết khiếu nại, đùn đẩy trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Khi có đơn khiếu nại các tổ giải quyết, phòng nghiệp vụ đùn đẩy trách nhiệm, tìm lý do để kéo dài thời gian xem xét giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với tổ chức đảng và đảng viên.

Sáu là, một số UBKT tỉnh ủy chưa đôn đốc, kiểm tra, giám sát tổ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kịp thời dẫn đến một số vụ việc còn chậm, khiếu nại của đảng viên chưa được giải quyết kịp thời. Bên cạnh đó sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác giải quyết KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH còn chưa thường xuyên, chặt chẽ, có nơi còn đùn đẩy trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

3.2.2.2. Hạn chế trong công tác giải quyết tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng

Mặc dù việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên đã được cấp ủy, UBKT các tỉnh ủy hết sức quan tâm tuy nhiên vẫn chưa thực sự đạt được hiệu quả như mong muốn và còn những hạn chế cần khắc phục, cụ thể:

Một là, UBKT tỉnh ủy xây dựng, ban hành quyết định về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên và chỉ đạo triển khai thực hiện quyết định của mình về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên ở một số UBKT

tỉnh ủy còn chậm, chưa kịp thời. Có 24,5% số phiếu được hỏi về quy trình các bước giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo hiện nay là không phù hợp.

Hai là, việc chỉ đạo triển khai thực hiện quyết định của UBKT tỉnh ủy về giải quyết đơn thư tố cáo tổ chức đảng, đảng viên còn hạn chế

Quá trình tiếp nhận, xử lý đơn thư và thông tin tố cáo đối với đảng viên ở một số nơi chưa tốt. Một số UBKT tỉnh ủy chưa thực sự chú trọng, coi trọng và quan tâm đúng mức đến hoạt động tiếp công dân, trong việc nhận đơn thư tố cáo, phân loại đơn thư dẫn đến tình trạng phân loại đơn thư để xem xét, giải quyết thiếu chính xác. Đơn thư thuộc thẩm quyền của UBKT tỉnh ủy giải quyết lại chuyển cho các ngành hoặc UBKT cấp dưới xem xét, giải quyết. Có nơi chuyển giao cho cấp dưới hoặc cơ quan chuyên ngành xem xét, giải quyết những nội dung cần thiết, nhưng không theo dõi, giám sát dẫn đến khi cần phải thẩm định mất nhiều thời gian, công sức. Tình trạng đùn đẩy, chuyển đơn thư vòng vèo làm người tố cáo tiếp tục gửi đơn, thư đến nhiều nơi, nhiều cấp và tố cáo cấp trên bao che, né tránh còn xảy ra ở không ít nơi.

Việc tiếp nhận và xử lý đối với đơn tố cáo giấu tên, mạo tên và quan điểm về hoạt động xử lý các loại đơn tố cáo này ở các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trong thực tế tuy đã có quy định cụ thể nhưng việc thực hiện vẫn chưa thống nhất. Vẫn còn tình trạng khi nhận đơn tố cáo, việc xử lý bước đầu không chính xác, dẫn đến việc hướng dẫn, giải thích cho người tố cáo thực hiện còn sai với quy định của Đảng pháp luật của Nhà nước. Ngược lại, có trường hợp chuyển nội dung đơn thư tố cáo sang nội dung kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng, đảng viên đôi lúc chưa hợp tình, hợp lý hoặc còn gượng ép, lấy thành tích.

Đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp dân, giải quyết KN, TC đã được quan tâm kiện toàn nhưng số làm công tác kiêm nhiệm còn nhiều; một số năng lực, trình độ còn hạn chế, bất cập cả về kiến thức pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ, còn có thái độ chưa đúng mực, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu bình tĩnh,

gây sự hiểu lầm cho công dân. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, pháp luật về KN, TC nói riêng chưa thực sự được quan tâm đúng mức.

Ba là, việc tiến hành giải quyết tố cáo đối với đảng viên trong một số trường hợp còn lúng túng hoặc thực hiện chưa tốt về thẩm quyền, nguyên tắc, phương pháp, quy trình, thủ tục

Một số cán bộ kiểm tra chưa nắm vững quy trình, phương pháp công tác hoặc khả năng vận dụng vào thực hiện giải quyết tố cáo trong một số vụ việc tố cáo còn lúng túng, chưa phù hợp; quá trình giải quyết tố cáo chưa khoa học, còn chậm và kéo dài. Phương pháp và phong cách ứng xử của một số cán bộ kiểm tra chưa tốt, hoặc quá cứng nhắc, hoặc là nương nhẹ nên còn gây tâm lý không tốt cho người tố cáo và người bị tố cáo. Thái độ định kiến, trù dập, trả thù người tố cáo của người bị tố cáo vẫn chưa được ngăn chặn. Một số trường hợp quá trình tiến hành giải quyết tố cáo kéo dài, quá thời hạn quy định, chưa kịp thời hoặc không thông báo cho người tố cáo biết,... vẫn chưa được khắc phục. Trong xem xét, giải quyết tố cáo, một số nơi chưa chú trọng công tác khảo sát nắm tình hình, nghiên cứu, phân tích những thông tin, tư liệu. Một số UBKT lại quá thận trọng, làm việc gì cũng xin ý kiến cấp ủy cùng cấp; nhiều trường hợp cấp ủy viên và cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý bị tố cáo, do cấp ủy chưa nắm hết thông tin nên tỏ ý chưa đồng tình giải quyết, thì UBKT cũng không dám có ý kiến khác. Một số nơi vẫn còn tư tưởng né tránh, không dám đấu tranh phê bình người có vi phạm, nhất là khi người đó là thủ trưởng cơ quan, người có chức, có quyền. Thậm chí còn bao che, giấu giếm khuyết điểm, vi phạm sợ ảnh hưởng đến thành tích của đơn vị.

Chất lượng giải quyết một số vụ việc còn thấp, quan điểm xử lý chưa thống nhất, có trường hợp việc giải quyết thiếu khách quan. Cá biệt có một số vụ tố cáo chưa được giải quyết theo đúng pháp luật Nhà nước, quy định của Đảng, vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và của công dân. Tình

trạng giải quyết đơn thư tố cáo không đúng thời hạn quy định của pháp luật vẫn còn diễn ra ở một số nơi, gây tâm lý bức xúc cho người tố cáo đã dẫn đến tình trạng tố cáo tiếp hoặc tố cáo vượt cấp làm cho vụ việc tố cáo bị kéo dài, cơ quan giải quyết gặp rất nhiều khó khăn. Tình trạng này thường diễn ra ở những tố cáo có liên quan đến quản lý, tranh chấp đất đai, công tác giải phóng mặt bằng, do có nhiều vướng mắc nên việc giải quyết tố cáo dạng này thường rất tốn thời gian giải quyết.

Việc người đứng đầu địa phương, đơn vị tổ chức đối thoại còn hạn chế, thậm chí không tổ chức đối thoại, giải quyết qua loa, chưa làm hết trách nhiệm. Một số vụ việc chưa đi đến tận cùng, một số vụ việc kết luận không đúng mức hay không giải thích rõ các quy định của Đảng về việc thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho nguyên đơn dẫn đến tố cáo khiếu nại vượt cấp, kéo dài tốn nhiều thời gian công sức của các cơ quan ban ngành. Việc xử lý người tố cáo với dụng ý xấu, vu cáo kể cả các cơ quan nhà nước và các tổ chức đảng có thẩm quyền do chưa có quy định chế tài cụ thể, nên gây tình trạng tố cáo dai dẳng, kéo dài và tâm lý bức xúc cho cả người bị tố cáo lẫn người tố cáo.

Trong một số trường hợp, theo quy định của Trung ương, chỉ được xem xét, kết luận những nội dung nêu trong đơn tố cáo khi tiến hành thẩm tra, phát hiện những nội dung vi phạm khác, muốn thẩm tra, xác minh hoặc chuyển sang kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm phải thực hiện đúng quy trình, vì vậy mất nhiều thời gian, làm hạn chế tính kịp thời của việc giải quyết tố cáo. Mặt khác, vì thời gian thẩm tra, xác minh chậm, do đó đối tượng có điều kiện thay đổi tình hình, hợp thức chứng cứ, gây khó khăn cho công tác thẩm tra, xác minh. Bên cạnh đó trong quá trình xem xét giải quyết người tố cáo xin rút đơn, mặc dù đoàn kiểm tra đã phát hiện ra một số vi phạm theo nội dung đơn nhưng rất khó khăn trong việc xử lý, giải quyết vẫn đề một cách triệt để và hiệu quả.

Không ít trường hợp đảng viên bị tố cáo thiếu tự giác trong tự phê bình, thiếu thành khẩn, không nghiêm túc và thiếu trung thực báo cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền mà tìm cách che đậy khuyết điểm, sai lầm, thậm chí tìm cách đối phó, phản ứng, nhất là cán bộ, đảng viên có chức, có quyền. Đảng viên bị tố cáo thường không giải trình đầy đủ, rõ ràng, không nêu rõ trách nhiệm, khuyết điểm, vi phạm của mình; chỉ nhận vi phạm khi có đủ chứng cứ, chứng minh hành vi vi phạm; không tự nhận hình thức kỷ luật, hoặc có nhận nhưng chưa tương xứng với tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân của vi phạm; còn quanh co, đổ lỗi cho tập thể, cho khách quan, hoặc lộ đến đâu thì nhận đến đó... Có trường hợp người tố cáo tỏ ra bất hợp tác, đã phản ứng gay gắt với cán bộ giải quyết tố cáo, thậm chí “tố cáo ngược” đối với cán bộ kiểm tra. Do vậy việc đấu tranh làm rõ đúng, sai trong quá trình thẩm tra, xác minh rất khó và khi giải quyết đơn thư, tổ chức đảng có thẩm quyền gặp nhiều khó khăn trong việc tiến hành đấu tranh làm rõ đúng, sai ngay tại nội bộ tổ chức đảng có đảng viên bị tố cáo.

Công tác bảo mật thông tin về người tố cáo và việc thực hiện các biện pháp bảo vệ người tố cáo khỏi sự trả thù, trù dập của người bị tố cáo còn rất hạn chế và chưa có hình thức hữu hiệu, nên làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác giải quyết tố cáo và không động viên, khích lệ nhân dân tích cực tham gia tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật. Thậm chí, còn có trường hợp tổ chức đảng hoặc người có trách nhiệm do nhận thức hay sơ suất đã làm lộ tên người tố cáo cho đảng viên bị tố cáo biết, hoặc cho người không có trách nhiệm biết, thậm chí hơn còn chuyển đơn tố cáo cho người bị tố cáo chỉ đạo giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, còn có tình trạng cán bộ được giao nhiệm vụ thiếu tinh thần trách nhiệm, làm việc không sâu sát, không tiến hành thẩm tra, xác minh đầy đủ, thận trọng những nội dung liên quan, thậm chí có hành vi tiêu cực trong khi thực hiện nhiệm vụ nên kết quả thẩm tra, xác minh thiếu

chính xác hoặc cố tình làm sai lệch hồ sơ dẫn đến việc tham mưu, ra quyết định giải quyết thiếu chính xác, thậm chí có trường hợp trái pháp luật.

Bốn là, việc phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên trong không ít trường hợp chưa chặt chẽ

Giữa UBKT cấp trên với UBKT cấp dưới, giữa UBKT với các ban, ngành chức năng có liên quan tuy đã có sự phối hợp theo quy chế nhưng thực hiện chưa tốt, chưa thường xuyên, nên ảnh hưởng đến chất lượng, thời gian cho việc giải quyết tố cáo nhất là giải quyết tố cáo liên quan đến đảng viên trong lực lượng vũ trang, đảng viên chịu sự song trùng quản lý của ngành dọc và địa phương. Thực tế một số vụ việc do còn có ý kiến khác nhau của các ban, ngành và nhất là ý kiến của cấp trên đã làm việc xem xét, kết luận gặp khó khăn, phức tạp thêm.

Năm là, việc xử lý kết quả giải quyết tố cáo đối với đảng viên của một số UBKT tỉnh ủy vẫn còn trường hợp chưa đầy đủ, thuyết phục

Giải quyết tố cáo đối với đảng viên là một trong những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp và tốn nhiều thời gian, công sức. Những bất cập trong việc xử lý kết quả giải quyết tố cáo đối với đảng viên chủ yếu do khâu thẩm tra, xác minh còn gặp khó khăn, nhất là thẩm tra, xác minh về lĩnh vực đất đai, kinh tế, tài chính mà thời điểm xảy ra vi phạm cách thời điểm tố cáo nhiều năm; các vấn đề mất dân chủ, trù dập, ức hiếp cá nhân nhưng chứng cứ mà người tố cáo cung cấp không rõ ràng, tài liệu, hồ sơ phản ánh không đầy đủ, đơn tố cáo tuy đã có kết luận nhưng người tố cáo không đồng tình. Trong quá trình giải quyết tố cáo, một số không ít trường hợp do thẩm tra, xác minh không kỹ, không đầy đủ dẫn đến kết luận phiến diện, không khả thi, do vậy chất lượng giải quyết tố cáo không cao và trong một số trường hợp lại là nguyên nhân của tình trạng tố đi, tố lại nhiều lần.

Ngoài ra, trong việc thông báo kết luận cho người tố cáo nhiều khi chưa chặt chẽ, không thiết lập biên bản. Cá biệt, có trường hợp còn để lộ, lọt thông

tin về các quyết định giải quyết tố cáo của tổ chức đảng có thẩm quyền. Nhiều trường hợp không tìm được chứng cứ, nhất là chứng cứ vi phạm về kinh tế, quan hệ nam nữ, nhận hối lộ... do vậy còn có nhiều trường hợp tố cáo khi giải quyết không đủ điều kiện, cơ sở để có thể đưa ra kết luận.

Sáu là, một số UBKT tỉnh ủy chưa coi trọng sơ kết, tổng kết, giám sát việc chấp hành kết luận giải quyết tố cáo đối với đảng viên.

Việc tổ chức các hoạt động sơ kết, tổng kết ở một số địa phương đôi lúc chưa thực sự đi vào nền nếp, còn diễn ra tình trạng nếu có sự chỉ đạo thì tiến hành hoặc không chủ động tham mưu nếu UBKT cấp trên không nhắc nhở tiến hành sơ, tổng kết. Còn tình trạng một số UBKT lại có biểu hiện làm qua loa, hình thức, chiếu lệ. Các UBKT cũng chưa thực sự thẳng thắn nêu lên những hạn chế, vướng mắc trong quá trình giải quyết tố cáo. Hoặc lại có trường hợp, những ý kiến đóng góp có giá trị trong quá trình sơ kết tổng kết nhưng lại không được tập hợp một cách đầy đủ, dẫn đến không thể đưa ra được thành những giải pháp cụ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố cáo một cách hiệu quả.

Công tác sơ kết, tổng kết của các UBKT tỉnh ủy cho đến nay vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên ở địa phương, cũng như là đóng góp cho cấp trên có thẩm quyền hoàn thiện quy định, quy trình về tố cáo và giải quyết tố cáo.

Nhiều nơi chưa coi trọng việc chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi đối tượng bị tố cáo chấp hành kết luận giải quyết tố cáo, nên hiệu lực, hiệu quả giải quyết tố cáo chưa cao. Số lượng các vụ đã thi hành kỷ luật tỷ lệ cao, tuy nhiên cũng vẫn còn một số trường hợp còn để kéo dài thời gian làm hạn chế hiệu quả của việc giải quyết tố cáo; một số trường hợp đã kết luận rõ đúng sai nhưng không xử lý hoặc xử lý không thỏa đáng dẫn đến người tố cáo tiếp tục gửi đơn vượt cấp đến nhiều nơi, nhiều ngành gây phức tạp, mất ổn định.

3.3. Nguyên nhân và kinh nghiệm

3.3.1. Nguyên nhân

3.3.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh ủy.

Các tỉnh ủy đã coi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát là phương thức lãnh đạo, từ đó có nhận thức đúng vị trí, vai trò của việc giải quyết KN, TC đối với đảng viên góp phần ổn định tình hình địa phương, đơn vị tạo điều kiện tập trung thực hiện nhiệm vụ chính trị từ đó đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, lắng nghe UBKT tham mưu về trong việc giải quyết KN, TC, từ đó kịp thời có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên. Đồng thời cấp ủy các tỉnh cũng đã chủ động chỉ đạo, xây dựng quy chế để các tổ chức, cơ quan có liên quan phối hợp tích cực với UBKT tỉnh ủy giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên. Nhờ vậy mà khắc phục được tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, chuyển đơn thư tố cáo lòng vòng, không chịu giải quyết KN, TC theo thẩm quyền.

Hai là, UBKT Trung ương đã quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, giúp đỡ hỗ trợ các UBKT tỉnh ủy.

Ủy ban kiểm tra Trung ương đã chủ động ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế, quy định về giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên, đồng thời cũng đã quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ , giúp đỡ hỗ trợ các UBKT tỉnh ủy trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát nói chung và giải quyết KN, TC đảng viên nói riêng. Ủy ban kiểm tra Trung ương đã quan tâm phối hợp, chỉ đạo các UBKT tỉnh ủy thực hiện giải quyết KN, TC đối với những vụ việc phức tạp, nhạy cảm, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành.

Ba là, sự tích cực, chủ động của các UBKT tỉnh ủy, của đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, của tổ chức đảng và đảng viên trong tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ giải quyết đơn thư KN, TC.

Nhiều nơi, UBKT đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình, bố trí lực lượng theo hướng chủ động, kịp thời, dứt điểm những đơn thư tố cáo đối với đảng viên, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhất là trong năm có Đại hội đảng các cấp. Các UBKT tỉnh ủy đã đưa nhiệm vụ giải quyết đơn thư KN, TC trong Đảng nói chung, giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên vào trong chương trình, kế hoạch định kỳ hàng năm, nhiệm kỳ. Đối với những trường hợp phức tạp hoặc có vụ việc phát sinh, UBKT đã chủ động báo cáo đề nghị cấp ủy chỉ đạo để phối hợp với các ban, ngành có liên quan cùng xem xét, giải quyết, kết hợp cả việc giải quyết đơn thư KN, TC với kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Cán bộ làm công tác kiểm tra gương mẫu, nhiệt tình, trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Bốn là, trình độ chuyên môn, năng lực công tác, kinh nghiệm của cán bộ kiểm tra được nâng lên.

Các địa phương, đơn vị đã quan tâm đến đội ngũ cán bộ kiểm tra, nhất là đội ngũ cán bộ kiểm tra của các tỉnh ủy được đảm bảo đủ về số lượng, có năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Hàng năm, UBKT tỉnh ủy đều lập danh sách gửi UBKT Trung ương để đưa các đồng chí cán bộ UBKT tỉnh ủy tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra, giám sát. Nhờ vậy mà kiến thức, kinh nghiệm của cán bộ kiểm tra ở các tỉnh có chuyển biến rõ rệt, chất lượng hoạt động của UBKT các tỉnh ủy nói chung, chất lượng giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên nói riêng từng bước được nâng lên.

3.3.1.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, giải quyết KN, TC đối với đảng viên được xác định là một trong những nhiệm vụ khó khăn, do tính phức tạp của việc tố cáo ngày càng khó lường cả về tính chất, nội dung, đối tượng, lẫn lĩnh vực tố cáo

Đối tượng bị tố cáo thường là có chức, có quyền, có quan hệ rộng, thủ đoạn che giấu khuyết điểm ngày càng tinh vi. Nội dung của các hành vi vi phạm là rất đa dạng, xuất hiện ở nhiều lĩnh vực, có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều đối tượng, kể cả đảng viên giữ vị trí là cán bộ cấp cao. Một số nơi còn có biểu hiện bao che, dung túng, gây khó khăn cho việc giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên.

Hai là, nhận thức của một số cấp ủy, UBKT tỉnh ủy và cơ sở chưa đúng mức về tác dụng của đơn thư tố cáo và ý nghĩa của việc giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên

Nhiều địa phương còn biểu hiện khoán trắng việc giải quyết đơn thư KN, TC cho UBKT hoặc để tồn đọng đơn thư kéo dài, dẫn đến tình trạng mất đoàn kết nội bộ, người gửi đơn thư bức xúc làm tình hình đơn thư tố cáo tiếp tục diễn biến phức tạp hơn.

Ba là, tổ chức đảng ở nhiều nơi chưa thực sự làm tốt công tác quản lý cán bộ, đảng viên, có tình trạng không nắm được hoạt động của đảng viên bị tố cáo

Một số tổ chức đảng vẫn còn tư tưởng ngại va chạm, né tránh, không dám đấu tranh phê bình người có hành vi vi phạm, đặc biệt là người có chức vụ, thậm chí còn diễn ra tình trạng bao che giấu giếm hành vi vi phạm vì sợ ảnh hưởng đến thành tích của đơn vị, sợ mất cán bộ. Công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên nói chung và cho đảng viên bị tố cáo nói riêng chưa được coi trọng đúng mức, chưa kịp thời uốn nắn những lệch lạc ở cả người bị KN, TC và người KN, TC, thái độ đối với người tố cáo sai sự thật chưa nghiêm, nên tính giáo dục qua giải quyết đơn thư tố cáo chưa cao.

Bốn là, hệ thống các quy định, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước còn có sự bất cập; các quy định về giải quyết đơn thư KN, TC và xử lý người có vi phạm còn chung chung, chưa thực sự cụ thể, rõ ràng

Chính sách, pháp luật và các quy định của Đảng và Nhà nước còn có những bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn, do đó có trường hợp thiếu tính khả thi, dẫn đến vận dụng thiếu thống nhất, vận dụng sai, thậm chí còn bị lợi dụng sơ hở, nhưng khó xử lý và chậm được bổ sung, điều chỉnh, khắc phục. Các quy định về giải quyết đơn thư KN, TC và xử lý người có vi phạm chưa cụ thể, rõ ràng dẫn đến việc xử lý chưa công bằng trong từng địa phương hay trong khu vực. Đáng chú ý là một số chính sách về phát triển kinh tế, quản lý và sử dụng đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng; các biện pháp về quản lý tài chính, ngân sách, đầu tư, đấu thầu, cơ chế thanh tra, kiểm tra giám sát, chính sách về cán bộ..., còn có những nội dung không rõ ràng, thiếu chuẩn mực, dẫn đến thiếu thống nhất về nhận thức và vận dụng trong thực tiễn, kể cả trong đánh giá kết luận và xử lý vụ việc.

Năm là, một số cán bộ, đảng viên và công dân gửi đơn thư KN, TC chưa nhận thấy hết trách nhiệm của mình, những thông tin đưa ra chưa thực sự cụ thể, rõ ràng, thiếu chính xác về nội dung, thời gian, địa điểm và đối tượng vi phạm; gây khó khăn, mất nhiều thời gian, công sức trong việc thẩm tra, xác minh.

Nội dung đơn thư KN, TC có nhiều trường hợp đề cập đến những nội dung như: kinh tế, tài chính..., thậm chí có những nội dung không liên quan đến công tác xây dựng Đảng, dẫn đến việc phân loại, xử lý và giải quyết đơn thư KN, TC gặp không ít khó khăn, kéo dài và khó bảo đảm thời gian theo quy định.

Sáu là, đội ngũ cán bộ tiếp dân, cán bộ kiểm tra của các UBKT tỉnh ủy còn hạn chế về số lượng cũng như năng lực, trình độ.

Mặc dù đã được cấp ủy các cấp tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và được ưu đãi một số chế độ chính sách, nhưng nhìn chung còn hạn chế về số lượng cũng như năng lực, trình độ, nhất là về kỹ năng nghiệp vụ, phương pháp, thái độ giao tiếp, ứng xử chưa khoa học, chưa sát hợp. Thậm chí đội ngũ cán bộ lãnh đạo UBKT tỉnh ủy ở một số nơi năng

lực, trình độ còn hạn chế, chưa có kinh nghiệm quản lý, chưa kinh qua nhiều vị trí công tác..., còn có cán bộ lãnh đạo UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng phải xử lý kỷ luật.

3.3.2. Những kinh nghiệm trong công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng

Một là, tỉnh ủy, UBKT tỉnh ủy nhận thức đúng đắn, đầy đủ, kịp thời về việc giải quyết đơn thư KN, TC đối với tổ chức đảng, đảng viên.

Thực tế cho thấy, nếu như ở đâu tỉnh ủy, UBKT tỉnh ủy có nhận thức đúng, đầy đủ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng, tác dụng của tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng thì ở đó việc giải quyết đơn thư tố cáo đối với đảng viên và tổ chức đảng sẽ đạt hiệu quả cao, qua đó góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Khi tỉnh ủy có nhận thức đúng thì sẽ coi trọng, quan tâm tới việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư tố cáo theo đúng nguyên tắc, phương pháp, các quy định về quy trình, thủ tục, thẩm quyền cũng như trách nhiệm được giao. Cấp ủy cần phải ban hành đầy đủ các quy định về việc tố cáo và giải quyết đơn thư tố cáo đối với đảng viên, tổ chức đảng thuộc phạm vi lãnh đạo quản lý của mình, đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của UBKT các cấp trong việc tham mưu, giúp cấp ủy ban hành các quy định về tố cáo và giải quyết đơn thư tố cáo, cũng như giúp cấp ủy chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ giải quyết tố cáo đảng viên theo thẩm quyền. UBKT và cán bộ kiểm tra cần phải thấy được trách nhiệm của bản thân mình trong việc thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với đảng viên, luôn ghi nhớ đây chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của UBKT theo quy định của Điều lệ Đảng, khi đó việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên mới được thực hiện tốt.

Hai là, chú trọng công tác tuyên truyền phổ biến các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về KN, TC và giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên, tăng cường giao lưu trao đổi học tập kinh nghiệm.

Bằng nhiều hình thức phải quán triệt, triển khai kịp thời các quy định của Trung ương, các văn bản luật của Nhà nước về tố cáo, khiếu nại và giải quyết tố cáo, khiếu nại, như: tổ chức tọa đàm, hội thi tìm hiểu các quy định của Đảng và Nhà nước về KN, TC và giải quyết đơn thư KN, TC đảng viên. Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm ngày càng đa dạng, phức tạp, nghiêm trọng và thủ đoạn ngày càng tinh vi, có những hành vi liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều đối tượng vì vậy cần quan tâm đến công tác tuyên truyền, phổ biến, làm rõ tính chất, thủ đoạn vi phạm, cách nhận biết dấu hiệu vi phạm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân biết. Đồng thời tăng cường giao lưu, trao đổi học tập kinh nghiệm trong giải quyết đơn thư KN, TC giữa các địa phương.

Ba là, giải quyết đơn thư KN, TC đảng viên theo đúng phương pháp, nguyên tắc, thủ tục, quy trình của Đảng, nhất là phải có phương pháp đúng trong việc làm việc với người KN, TC, người bị KN, TC và các tổ chức có liên quan.

Giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên là một nội dung của công tác kiểm tra nên phải dùng phương pháp công tác đảng, phải tuân thủ nguyên tắc, quy định của Đảng mới thành công. Tuy nhiên, cần căn cứ từng trường hợp cụ thể để vận dụng cho phù hợp, tránh dập khuôn máy móc, nhất là trong thẩm tra, xác minh vì đây là việc khó nhất và cũng là yếu tố quyết định nhất; thẩm tra, xác minh đầy đủ, rõ ràng, với bằng chứng xác thực là cơ sở để đấu tranh, thuyết phục, động viên đối tượng nhận khuyết điểm và cũng là căn cứ để kết luận được khách quan, chính xác.

Khi tiếp cận người KN, TC phải theo đúng quy định của Đảng, của Luật khiếu nại, Luật tố cáo và phải trân trọng và bảo vệ những người tố cáo tâm huyết, quyết tâm báo cáo với Đảng những vi phạm của cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng. Cần nghiên cứu, phân tích, nắm bắt tâm lý, trình độ và những vấn đề liên quan để có phương pháp tiếp cận, ứng xử phù hợp. Cán bộ

khi làm việc phải có thái độ rõ ràng với người tố cáo; tôn trọng, lắng nghe, ghi nhận những tố cáo khách quan; giải thích những nguyên tắc, chế độ, chính sách và pháp luật mà người KN, TC vì lý do nào đó chưa nhận thức đúng. Tổ chức đảng có thẩm quyền phải kết luận đúng sai, trả lời người tố cáo đúng thời hạn; phê phán, xử lý nghiêm các biểu hiện thiếu nghiêm túc và động cơ thiếu xây dựng của người tố cáo.

Bốn là, có sự phối hợp chặt chẽ giữa UBKT tỉnh ủy với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc giải quyết KN, TC đối với đảng viên.

Tùy theo nội dung và tính chất phức tạp của đơn thư mà UBKT tỉnh ủy chủ động phối kết hợp giữa các ban xây dựng đảng, với các cơ quan bảo vệ pháp luật và các cơ quan quản lý tổng hợp, chuyên ngành của các cấp chính quyền, có sự lãnh đạo chỉ đạo tập trung thống nhất của các cấp ủy đảng, thì việc giải quyết khiếu nại tố cáo mới bảo đảm chất lượng, đúng thời gian và có hiệu quả cao.

Hiện nay, tình hình KN, TC đang có xu hướng khó lường, tính chất phức tạp ngày càng tăng, nội dung, đối tượng bị tố cáo ngày càng đa dạng, đòi hỏi các UBKT tỉnh ủy nói riêng và UBKT các cấp nói chung cần giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên phải chú trọng sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên như: Mặt trận tổ quốc, các tổ chức CT - XH, các cơ quan bảo vệ pháp luật... nhằm tổ chức thực hiện một cách khách quan, chặt chẽ, kiểm soát đúng ngay từ việc phân tích đơn tố cáo đến hoạt động xem xét, giải quyết nội dung đơn KN, TC. Có như vậy việc giải quyết đơn thư KN, TC mới mang lại chất lượng, hiệu quả cao.

Năm là, sự chỉ đạo, hướng dẫn sát sao của UBKT Trung ương và cấp ủy cùng cấp đối với UBKT tỉnh ủy trong giải quyết tố cáo đối với đảng viên.

Sự chỉ đạo, hướng dẫn của UBKT Trung ương và cấp ủy cùng cấp có ý nghĩa quan trọng đối với các UBKT tỉnh ủy trong việc thực hiện giải quyết tố

cáo đối với đảng viên. Do đó, cần coi trọng chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra của UBKT Trung ương đối với các UBKT tỉnh ủy trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng nói chung, trong thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố cáo nói riêng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng luôn coi trọng và trực tiếp chỉ đạo thực hiện tốt việc giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên theo thẩm quyền, trách nhiệm. Người đứng đầu cấp ủy, cấp ủy viên phải thực hiện nghiêm túc việc định kỳ tiếp công dân, giải quyết tố cáo, kiến nghị của công dân. Chỉ đạo bố trí phòng tiếp công dân đúng quy định và bố trí cán bộ tiếp dân có năng lực, trình độ để tiếp nhận, xử lý đơn tố cáo đúng thẩm quyền, trách nhiệm của cấp mình, giúp việc giải quyết tố cáo kịp thời, có chất lượng, hiệu quả.

Sáu là, chú trọng nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ cơ quan UBKT tỉnh ủy.

Lực lượng chủ yếu trong việc giải quyết đơn thư KN, TC đảng viên là đội ngũ cán bộ ủy ban kiểm tra. Lực lượng này đòi hỏi phải đủ về số lượng và bảo đảm về chất lượng, phải là những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý chí vượt qua trở ngại, khó khăn, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nắm vững các chủ trương, chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước và có kiến thức xã hội cần thiết để vận dụng, xem xét, đối chiếu để có kết luận khách quan khi giải quyết đơn thư KN, TC. Vì vậy, một trong những kinh nghiệm quan trọng để hoạt động nhằm giải quyết đơn thư KN, TC có chất lượng, hiệu quả, đó là cần phải chú trọng nâng cao năng lực, trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ kiểm tra. Muốn vậy, cần phải xác định thường xuyên, định kỳ hàng năm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức cho cán bộ kiểm tra, nhất là khi có quy định, hướng dẫn mới của cấp ủy, UBKT Trung ương. Khi ban hành quy trình nghiệp vụ giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên, các UBKT tỉnh ủy cần yêu cầu cán bộ kiểm tra phải nắm vững và thực hiện đúng. Trong đó cần tập trung từ khâu xây dựng kế hoạch giải quyết,

tổ chức lực lượng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong đoàn giải quyết đơn thư KN, TC; chú trọng nâng cao kỹ năng làm việc, chất lượng hoạt động thẩm tra, xác minh để làm rõ, làm đúng, sai, kết luận rõ ràng và xử lý nghiêm minh. Cần tập trung làm tốt công tác tư tưởng trong quá trình giải quyết đơn thư KN, TC đối với cả người tố cáo cũng như đối tượng bị tố cáo và tổ chức, cá nhân có liên quan đến vụ việc tố cáo, từ đó việc giải quyết đạt kết quả. Ngoài ra tỉnh ủy, phải thường xuyên quan tâm, coi trọng công tác tuyên dụng, đào tạo, luân chuyển, khen thưởng... đội ngũ cán bộ kiểm tra.

Bây là, làm tốt việc giám sát thực hiện các kết luận, có biện pháp xử lý nghiêm những người KN, TC sai, kịp thời động viên khen thưởng những người KN, TC đúng.

Tỉnh ủy và UBKT phải quan tâm đến việc chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các kết luận, kiến nghị giải quyết đơn thư KN, TC; xem xét, xử lý kịp thời đảng viên, tổ chức đảng vi phạm, xử lý những người tố cáo sai sự thật với mục đích, động cơ xấu. Có chế độ khen thưởng, biểu dương, động viên những người tố cáo đúng.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở khung lý thuyết về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy, số liệu nghiên cứu, khảo sát, điều tra về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH, chương 3 luận án đã làm rõ thực trạng, nguyên nhân và kinh nghiệm trong công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH. Đó là: (1) khái quát các yếu tố ảnh hưởng đến công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH; (2) Đánh giá thực trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH, chỉ ra sáu ưu điểm của công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, sáu ưu điểm của công tác giải quyết đơn thư tố cáo; năm hạn chế trong công tác giải quyết đơn thư khiếu nại và sáu hạn chế trong công tác giải quyết đơn thư tố cáo; (3) chỉ ra bốn nguyên nhân của ưu điểm trong công tác giải quyết đơn thư KN, TC để phát huy đồng thời chỉ rõ sáu nguyên nhân của hạn chế để đề xuất các giải pháp cho phù hợp; (5) xác định bảy kinh nghiệm trong công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

Qua phân tích thực trạng chất lượng giải quyết tố cáo của UBKT các tỉnh ủy ở ĐBSH, tác giả đã phân tích một cách có hệ thống và khách quan nguyên nhân của những ưu, khuyết điểm của chất lượng giải quyết tố cáo của UBKT các tỉnh ủy ở ĐBSH. Đồng thời đã lựa chọn, phân tích những vấn đề đặt ra trong việc tiếp nhận, giải quyết đơn tố cáo trong thời gian tới nhằm định hướng nghiên cứu những giải pháp trong chương 4 nhằm nâng cao chất lượng chất lượng giải quyết tố cáo của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH thời gian tới.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG THỜI GIAN TỚI

4.1. Những nhân tố thuận lợi, khó khăn và phương hướng, yêu cầu thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở đồng bằng sông Hồng thời gian tới

4.1.1. Những nhân tố thuận lợi, khó khăn tác động đến công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng

4.1.1.1. Những nhân tố thuận lợi

Một là, quan điểm, quy định của Đảng về công tác giải quyết KN, TC và xử lý vi phạm về tố cáo, giải quyết KN, TC ngày càng cụ thể, rõ ràng và có tính thuyết phục cao.

Quan điểm, nguyên tắc, quy định của Đảng về giải quyết KN, TC đối với tổ chức đảng và đảng viên là chuẩn mực, căn cứ pháp lý để các tổ chức đảng nói chung và UBKTTU ở ĐBSH nói riêng phải tuân theo và thực hiện trong quá trình giải quyết KN, TC trong Đảng. Hiện nay các văn bản liên quan, tác động trực tiếp đến công tác giải quyết KN, TC của UBKTTU như Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI); Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng của Ban Chấp hành Trung ương; Quyết định số 89-QĐ/TW ngày 01/12/2022 của Ban Bí thư ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở; Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Ban chấp hành Trung ương

về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ các tỉnh ở ĐBSH nhiệm kỳ 2020 - 2025; quy trình giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy các tỉnh ĐBSH. Hệ thống quy định của Đảng về giải quyết KN, TC được ban hành kịp thời, đồng bộ sẽ tác động thuận lợi cho việc giải quyết KNTC, đồng thời là căn cứ quan trọng để UBKT tỉnh ủy các tỉnh ở ĐBSH lãnh đạo, chỉ đạo làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên, làm rõ đúng sai, trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao liên quan đến nội dung KN, TC. Trên cơ sở đó xem xét, đánh giá, kết luận về nội dung đơn thư KN, TC để có hình thức biện pháp xử lý được công minh, chính xác, kịp thời.

Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 bổ sung các nội dung quan trọng góp phần nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát nói chung và công tác giải quyết KN, TC nói riêng, về thẩm quyền giải quyết tố cáo cho cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và chi bộ có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với đảng viên thuộc phạm vi quản lý và quy định “Trường hợp đảng viên là cấp ủy viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp ủy các cấp quản lý đã nghỉ hưu, nếu bị tố cáo vi phạm khi đang công tác thì thẩm quyền giải quyết tố cáo được thực hiện như đang đương chức” [8.Tr27]; về nguyên tắc giải quyết tố cáo Quy định 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 đã bổ sung hai điểm mới: “Không giải quyết tố cáo những đơn tố cáo do người tố cáo đã tự nguyện rút đơn, nay tiếp tục tố cáo lại nhưng không có thêm nội dung, tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất sự việc” và đối với “đơn tố cáo giấu tên, mạo tên, nếu rõ địa chỉ, đối tượng và nội dung tố cáo thì tổ chức đảng có thẩm quyền nắm tình hình để làm cơ sở kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo” (7, Tr.39). Như vậy, các quan điểm, quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam và của tỉnh ủy, BTVTU, UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH có tác động trực tiếp đến công tác giải quyết đơn thư KN, TC, đó là căn cứ, cơ sở để UBKT tỉnh ủy thực

hiện công tác giải quyết đơn thư KN, TC chính xác, kịp thời từ đó giữ vững ổn định chính trị.

Hai là, nhận thức và ý thức trách nhiệm của tổ chức đảng, đảng viên về giải quyết đơn thư KN, TC ngày càng được nâng lên.

Nhận thức và ý thức trách nhiệm của tổ chức đảng, cấp ủy, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên ngày càng nâng lên tác động tích cực, bảo đảm cho việc giải quyết tố cáo trong Đảng đạt được mục tiêu, chất lượng, hiệu quả, phòng ngừa và xử lý vi phạm trong tố cáo và giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên.

Nhận thức và ý thức trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT và cán bộ kiểm tra về giải quyết đơn thư KN, TC là yếu tố khó lượng hóa nhưng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của công tác giải quyết đơn thư KN, TC trong Đảng, nhất là các vụ việc KN, TC kéo dài, vượt cấp hiện nay. Đảng ta đã xác định rõ vị trí, vai trò, ý nghĩa tác dụng của công tác kiểm tra, kỷ luật và giải quyết KN, TC song trên thực tế còn nhiều tổ chức đảng, cấp ủy đảng vẫn chưa nhận thức được đầy đủ vai trò, vị trí và ý nghĩa của công tác giải quyết KN, TC. Có những cấp ủy nhận thức được vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng nhưng sự nhận thức đó chưa trở thành tự giác, chưa biến thành tư tưởng, tình cảm, nên chưa biến thành hành động cụ thể trong việc lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác giải quyết KN, TC và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giải quyết KN, TC đối với tổ chức đảng và đảng viên.

Bên cạnh yếu tố ảnh hưởng của chủ thể giải quyết KN, TC thì chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết KN, TC đối với tổ chức đảng và đảng viên còn phụ thuộc yếu tố về trình độ nhận thức, ý thức trách nhiệm và thái độ của đảng viên bị tố cáo. Nếu đảng viên bị tố cáo có nhận thức đúng đắn, thực sự cầu thị, nghiêm túc tự kiểm tra, giải trình nội dung sự việc bị tố cáo trung

thực, đầy đủ, rõ ràng, kịp thời, nhận thức rõ đúng sai thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi, tích cực phối hợp và chấp hành nghiêm túc các quy định của Đảng trong giải quyết tố cáo đối với bản thân.

Ba là, dân chủ trong Đảng, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng ngày càng được phát huy đã tác động tích cực đến công tác giải quyết đơn thư KN, TC.

Việc phát huy dân chủ trong Đảng, trình độ tự giác, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả trong giải quyết KN, TC đối với tổ chức đảng và đảng viên. Tự phê bình và phê bình vừa là quy luật tồn tại, phát triển của Đảng vừa là một nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của Đảng và thực hiện mở rộng, phát huy dân chủ trong Đảng nhằm tăng cường công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Các tổ chức đảng phát huy có hiệu quả dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt, dân chủ thực sự sẽ tác động tích cực đến công tác giải quyết đơn thư KN, TC, góp phần nâng cao chất lượng công tác giải quyết đơn thư KN, TC trong Đảng hiện nay.

Bốn là, điều kiện chính trị, KT - XH ngày càng được nâng lên, tác động tích cực đến công tác giải quyết đơn thư KN, TC.

Các tỉnh ở ĐBSH chủ yếu là thuần nông với thế mạnh sản xuất lúa nước, vùng ĐBSH đã tích cực cơ cấu kinh tế sang nền kinh tế có khu vực thương mại, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ giữ vai trò chủ yếu, nhiều ngành công nghiệp công nghệ cao phát triển và chiếm ưu thế: ngân hàng, tài chính, viễn thông.... Trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế về tài nguyên, địa hình, vùng đã phát huy được thế mạnh của ngành du lịch, khai thác kinh tế biển, khai thác vị thế và sức hút của vùng để có tốc độ đô thị hóa cao; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KT - XH đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông; phát huy tối đa lợi thế của các cảng biển, sân bay, cầu đường và vai trò của các hành lang, vành đai kinh tế. Vùng có hệ thống sân bay, cảng biển, đường

tốc và các tuyến giao thông kết nối tốt nhất cả nước, lại ngày càng được hoàn thiện, tạo thuận lợi cho liên kết vùng, xuất, nhập khẩu, giao lưu quốc tế... cũng như bảo đảm an ninh, quốc phòng và phát triển bền vững. Thu hút đầu tư nước ngoài khu vực đứng thứ hai, Nhiều tập đoàn lớn như Samsung, LG, Honda, Canon, Foxconn, Toyota... cũng đã chọn vùng ĐBSH để đầu tư, kéo theo sự phát triển của các khu công nghiệp sản xuất và các trung tâm thương mại, dịch vụ, quảng bá cho các mặt hàng được đầu tư.

Năm là, sự phát triển của khoa học công nghệ, góp phần nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ việc phòng ngừa và xử lý vi phạm trong KN, TC và giải quyết KN, TC đối với tổ chức đảng và đảng viên

Trong điều kiện khoa học, công nghệ phát triển vượt bậc, nhất là trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm thay đổi khá nhanh và lớn về phương pháp tư duy, cách thức làm việc của con người. Việc phòng ngừa và xử lý vi phạm trong KN, TC và giải quyết KN, TC đối với tổ chức đảng và đảng viên ngày càng phức tạp, khó khăn, đòi hỏi phải ứng dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin trong quá trình cán bộ kiểm tra gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi, làm việc, đối thoại với người tố cáo, đối tượng bị tố cáo (tổ chức đảng, đảng viên) và tổ chức đảng, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung, đối tượng tố cáo.

4.1.1.2. Những nhân tố khó khăn

Một là, khủng hoảng tài chính, kinh tế suy thoái, lạm phát tăng cao, giá cả các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu tăng trong phạm vi cả nước nói chung và ĐBSH nói riêng, dẫn tới những tác động tiêu cực đến công tác giải quyết đơn thư KN, TC.

Khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu trong những năm qua và hiện nay, cùng với những yếu kém trong quản lý, điều hành đất nước tác động làm cho lạm phát ở nước ta còn ở mức cao, giá cả đắt đỏ. Hàng nghìn doanh nghiệp

bị phá sản, kéo theo hàng vạn lao động thất nghiệp, đời sống gặp nhiều khó khăn, gây bức xúc trong nhân dân. Tệ nạn xã hội, tội phạm có xu hướng gia tăng; trật tự, an toàn xã hội ở một số nơi ngày càng phức tạp, dịch bệnh Covid-19,...tạo nên những băn khoăn, lo lắng của nhiều người dân. Những tác động nêu trên có gây khó khăn trong công tác giải quyết đơn thư KN, TC.

Hai là, tác động của mặt trái sự phát triển kinh tế ở ĐBSH

Các tỉnh ở ĐBSH, bên cạnh những ưu điểm trong phát triển KT - XH cũng đang phải giải quyết nhiều vấn đề do mặt trái của đô thị hóa và phát triển kinh tế ồ ạt trong thời gian qua, nhất là các vấn đề như đất đai, môi trường, chế độ chính sách, văn hóa tâm linh gây bức xúc trong nhân dân, từ đó phát sinh nhiều đơn thư tố cáo như ở Thái Bình, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Ninh Bình..., Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về “phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” xác định “Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, thu nhập bình quân đầu người cao hơn gấp 1,3 lần trung bình cả nước, tỉ lệ đô thị hóa trên 41%; 99,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, nhưng các địa phương phát triển không đồng đều, công tác quy hoạch, nhất là quy hoạch đô thị chưa hợp lý, thiếu bền vững, phát triển nhà ở xã hội chưa đáp ứng yêu cầu. Đầu tư công còn dàn trải, hiệu quả chưa cao, nhiều dự án treo, chậm tiến độ, thậm chí sai quy định. Quản lý đất đai, tài nguyên còn nhiều hạn chế, ô nhiễm môi trường ngày càng phức tạp” [71].

Ba là, tình hình tham nhũng, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên tác động đến công tác giải quyết đơn thư KN, TC.

Trong thời gian qua công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng đạt được nhiều kết quả quan trọng, đã hạn chế và xóa bỏ những “nhóm lợi ích” gây

bức xúc dư luận. Số vụ việc tham nhũng, tiêu cực ở nhiều cấp, nhiều ngành được giải quyết và xử lý nghiêm góp phần tạo niềm tin trong nhân dân, tuy nhiên tình hình tham nhũng, lãng phí, bè phái, suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống còn diễn biến phức tạp đã tác động sâu sắc và làm gia tăng số đơn thư KN, TC, có những nội dung đơn thư KN, TC kéo dài, phức tạp diễn ra ở các tỉnh ĐBSH như Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Bình ... gây khó khăn cho công tác giải quyết KN, TC.

Bốn là, hệ thống các văn bản của cấp trên về công tác giải quyết KN, TC có nội dung còn chung chung, chưa thống nhất.

Quy định số 22-QĐi/TW đưa ra quy định về thời hạn giải quyết tố cáo: Chậm nhất 90 ngày đối với cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương trở xuống; 180 ngày đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được tố cáo (gửi, tố cáo trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến). Trường hợp vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo nhưng không quá 30 ngày, đồng thời phải thông báo cho người tố cáo, người bị tố cáo, tổ chức có liên quan biết là chưa phù hợp thực tế vì có một số nội dung vụ việc xảy ra đã lâu; liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị quản lý trước đây; đặc biệt là các hồ sơ, tài liệu, chứng cứ để làm rõ bản chất sự việc đã mất, thất lạc trong quá trình lưu trữ theo thời gian; có trường hợp cán bộ, đảng viên, người là nhân chứng, chứng kiến sự việc nhưng nay đã qua đời... gây khó khăn cho công tác giải quyết đơn thư KN, TC. Một số cơ chế, chính sách pháp luật còn bất cập, chưa phù hợp, làm phát sinh KN, TC nhất là trong lĩnh vực đất đai, tài chính, công tác cán bộ, quy hoạch đô thị, môi trường, ... có diễn biến phức tạp làm cho công tác giải quyết đơn thư KN, TC gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

4.1.2. Phương hướng, yêu cầu thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng thời gian tới

Giải quyết đơn thư KN, TC đối với đảng viên phải bảo đảm đúng phương châm, nguyên tắc, thẩm quyền, quy định giải quyết; xử lý nghiêm minh các khuyết điểm, vi phạm theo quy định của Đảng; không để oan sai, không để lọt các hành vi vi phạm mà không bị xử lý. Phấn đấu tiến hành giải quyết 100% đơn thư KN, TC thuộc chức năng, thẩm quyền giải quyết của UBKT tỉnh ủy.

Thứ nhất, tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về công tác tiếp công dân, giải quyết tố cáo, đặc biệt là tập trung vào giải quyết triệt để những vụ việc phức tạp, tồn đọng đồng thời thực hiện nghiêm Quy định số 22-QĐi/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng.

Thứ hai, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trách nhiệm của chính quyền, giám sát của hội đồng nhân dân các cấp cũng như vai trò giám sát, phản biện của MTTQ và các tổ chức CT - XH đối với công tác tiếp công dân, giải quyết KN, TC. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền, trách nhiệm cần phải nắm chắc tình hình, chủ động giải quyết, kịp thời xử lý và xử lý đúng với các quy định của pháp luật đối với các vụ việc KN, TC.

Thứ ba, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy; sự giúp đỡ, hướng dẫn về nghiệp vụ của UBKT Trung ương trong công tác kiểm tra, giám sát nói chung và giải quyết đơn thư KN, TC nói riêng.

Thứ tư, các tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết KN, TC; chú trọng và nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KN, TC của các cơ quan, tổ chức. Kịp thời phát hiện những hạn chế, tồn tại và có biện pháp xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với các vi phạm trong việc xử lý đơn thư và giải quyết tố cáo; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về tố cáo cũng như các trường hợp kích động, lôi kéo, lợi dụng tố cáo để gây rối.

Thứ năm, tiến hành và thực thi nghiêm túc, triệt để các kết luận, quyết định xử lý KN, TC khi có hiệu lực pháp luật, đặc biệt là những vụ việc đã có ý kiến chỉ đạo của cấp ủy và UBKT Trung ương. Trong quá trình đó, nếu có vướng mắc cần phải chủ động đưa ra biện pháp xử lý, giải quyết, nếu vượt quá thẩm quyền cần phải xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy và UBKT Trung ương, không được tình trạng vụ việc tồn đọng, kéo dài.

4.1.2. Yêu cầu thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng thời gian tới

4.1.2.1. Bảo đảm quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng

Tỉnh ủy cần kịp thời quán triệt, lãnh đạo và cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng về công tác giải quyết KN, TC đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ từ trên xuống cơ sở. Thực hiện tốt Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân, giải quyết KN, TC, Quyết định số 89-QĐ/TW ngày 01/12/2022 về ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu tổ chức Đảng từ cấp tỉnh đến cơ sở.

Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho công dân và đảng viên về luật KN, TC và các quy định của Đảng về giải quyết KN, TC. Xác

định việc KN, TC của đảng viên và công dân là trách nhiệm, nhằm hoàn thiện hệ thống thông tin phản biện xã hội, để xây dựng và giúp Đảng lãnh đạo tốt hơn. Đồng thời, đảng viên và công dân phải chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo trước tổ chức đảng và trước pháp luật mà mình tố cáo.

Xác định công tác giải quyết KN, TC là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng. Việc giải quyết khiếu nại tố cáo phải gắn với cải cách hành chính, đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, coi hiệu quả giải quyết KN, TC là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá năng lực, hiệu quả công tác của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy.

4.1.2.2. Bảo đảm yêu cầu công tác kiểm tra của Đảng

Công tác kiểm tra của Đảng rất quan trọng, qua kiểm tra để thẩm tra, xác minh đơn thư KN, TC có đúng hay không. Trong quá trình kiểm tra phải thực hiện đảm bảo theo quy trình các bước và theo thẩm quyền. Công tác kiểm tra phải luôn luôn được bảo đảm tính khách quan, dân chủ, đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ và khả thi.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, trong đó tập trung vào hoạt động giám sát thường xuyên đối với các tổ chức đảng và đảng viên. Nghiêm túc thực hiện kết luận giải quyết KN, TC và có hướng khắc phục cụ thể, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, đảng viên.

Tập trung kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tiêu cực, nơi người dân có nhiều bức xúc, dư luận xã hội quan tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

4.1.2.3. Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của đảng viên

Khiếu nại, tố cáo là hình thức thực hành dân chủ, là quyền và cũng là trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, được ghi rõ trong quy định của Đảng (hiện nay là Quy định 22-QĐi/TW ngày 28/7/2021) và pháp luật Nhà nước (Luật Khiếu nại 2011 và Luật Tố cáo 2018). Theo đó, cán bộ, đảng viên và

công dân có quyền khiếu nại theo quy định, bằng việc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, đảng viên khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Cán bộ, đảng viên và công dân đều có quyền tố cáo theo các quy định, thông qua việc báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm.

Cơ quan có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các KN, TC; thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết cho người KN, TC biết và có biện pháp khắc phục. Quyền KN, TC là một trong những quyền cơ bản của con người, của công nhân được ghi nhận trong Hiến pháp 2013. Nghiêm cấm việc trả thù người KN, TC hoặc lợi dụng quyền KN, TC để vu khống người khác.

4.1.2.4. Bảo đảm thực hiện đúng các quy định của Đảng, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy

Thời gian qua, tình hình KN, TC trên địa bàn tỉnh diễn biến khá phức tạp, lượng đơn tăng nhiều, phát sinh khiếu kiện đông người, trong đó, có nhiều trường hợp đơn đã được giải quyết đúng theo quy định của pháp luật nhưng người dân vẫn tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến nhiều nơi. Trong quá trình giải quyết cần thực hiện nghiêm các quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật; thường xuyên rà soát và tập trung giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc KN, TC phức tạp, kéo dài. Tăng cường công tác thanh tra trách nhiệm thủ trưởng các cấp, các ngành trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác tiếp dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư và giải quyết KN, TC.

Thực hiện việc giải quyết khiếu nại cần tuân thủ theo Quyết định số 1195-QĐ/UBKTTW ngày 11/6/2019 của UBKT Trung ương, ban hành quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng đối với đảng viên. Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy cần quán triệt thực hiện đúng các về giải quyết đơn thư KN, TC, xử lý kịp thời, không để kéo dài làm giảm uy tín của tổ chức đảng, đảng viên.

Ủy ban kiểm tra các cấp quan tâm chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các kết luận, kiến nghị giải quyết của cấp trên; đảng viên, tổ chức đảng vi phạm phải xem xét, xử lý kịp thời; trường hợp tố cáo sai sự thật với mục đích, động cơ xấu phải được xử lý đúng theo quy định.

Cán bộ UBKT các cấp phải thường xuyên cập nhật, nắm chắc các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nắm vững kiến thức nghiệp vụ chuyên môn kiểm tra và chuyên ngành liên quan đến nội dung KN, TC; đồng thời phải có bản lĩnh chính trị, trung thực; khách quan, thận trọng, trong sáng trong quá trình xem xét, giải quyết đơn thư KN, TC. Quá trình thẩm tra, xác minh cần phải thực hiện khách quan, chính xác, công tâm các nội dung giải quyết; xử lý và đề nghị xử lý phải thấu tình, đạt lý, bảo đảm tính nghiêm minh để răn đe, giáo dục, ngăn chặn vi phạm

Việc thành lập ban chỉ đạo giải quyết các vụ KN, TC thường xuyên tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực thi. Sau mỗi vụ việc, cần xem xét rút kinh nghiệm trong quá trình đoàn kiểm tra tiến hành các bước giải quyết KN, TC.

4.2. Những giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng thời gian tới

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy và cán bộ làm công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy về công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, trước hết là

tỉnh ủy, BTVTU và cán bộ làm công tác kiểm tra của Đảng về vị trí, vai trò, ý nghĩa tác dụng của công tác kiểm tra, kỷ luật đảng viên và giải quyết KN, TC. Khi nhận thức đầy đủ và sâu sắc về công tác giải quyết đơn thư KN, TC thì tỉnh ủy, BTVTU, UBKT tỉnh ủy mới xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức cá nhân trong việc tiếp nhận đơn thư tố cáo, bảo vệ người tố cáo đồng thời cũng tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại kịp thời, có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm, đúng mực với người có đơn thư KN, TC.

Hiện nay, trên thực tế vẫn còn cấp ủy, UBKT tỉnh ủy chưa nhận thức được đầy đủ vai trò, vị trí và ý nghĩa của công tác kiểm tra, kỷ luật đảng và giải quyết KN, TC. Có những cấp ủy nhận thức được vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng giải quyết KN, TC nhưng sự nhận thức đó chưa trở thành tự giác, chưa biến thành tư tưởng, tình cảm của chính bản thân mình, nên chưa biến thành hành động cụ thể trong việc lãnh đạo công tác kiểm tra giải quyết đơn thư KN, TC

Tỉnh ủy, BTVTU cần tập trung đổi mới, tăng cường nội dung, hình thức tuyên truyền công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và giải quyết KN, TC; chú trọng nhân rộng các nhân tố điển hình, những kinh nghiệm hay; đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực, lệch lạc; tiếp tục mở chuyên trang, chuyên mục về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trên các phương tiện truyền thông.

Ủy ban kiểm tra thường xuyên phối hợp với các ban đảng tỉnh ủy, đặc biệt là ban tuyên giáo để tổ chức giáo dục chính trị, tư tưởng đạt hiệu quả cao. Đồng thời UBKT cũng cần kết hợp với trường Chính trị tỉnh tham gia các bài giảng, các lớp tập huấn về nghiệp vụ công tác kiểm tra để giúp cho đảng viên nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác kiểm tra và giải quyết KN, TC.

Trước hết là nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của tỉnh ủy. Nhận thức, trách nhiệm của tỉnh ủy có vai trò quyết định tác động đến sự chuyển biến nhận thức của toàn hệ thống chính trị, UBKT và nhân dân về vai trò của

giải quyết KN, TC nói riêng. Giải quyết KN, TC là một trong những nhiệm vụ thực thi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực thi quyền và trách nhiệm của công dân. Giải quyết tốt KN, TC là góp phần phòng, chống tham nhũng - một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng mà nếu không ngăn chặn, đẩy lùi sẽ là nguy cơ mất vai trò lãnh đạo nhà nước và xã hội đối với đảng cầm quyền. Nhận thức phải biến thành hành động của tỉnh ủy, thành ủy. Đó là lãnh đạo ban hành và thực thi các nhiệm vụ về thanh tra, trong đó có giải quyết KN, TC, lãnh đạo UBKT tỉnh ủy thực hiện nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ đó. Đặc biệt là lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ ủy ban kiểm tra, cơ quan UBKT có đạo đức trong sáng, có trình độ nghiệp vụ tinh thông, không tham nhũng và quyết tâm chống tham nhũng.

Tỉnh ủy, lãnh đạo các đảng bộ trực thuộc và cấp ủy cơ quan UBKT nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của trước hết là cán bộ, công chức. Giáo dục nâng cao nhận thức là một quá trình và phải làm thường xuyên mới tạo được nhận thức chung để mỗi cán bộ cơ quan UBKT nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò trách nhiệm của mình, thực sự là người chiến sĩ xung kích trên mặt trận đấu tranh chống tiêu cực, sai phạm, chống các hành vi vi phạm pháp luật, tổ chức và hướng dẫn cho nhân dân thực hiện đúng kỷ cương, chấp hành pháp luật của Nhà nước. Đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phải biết dựa vào tổ chức đảng, nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên, phát động phong trào thi đua yêu nước, nhân rộng điển hình tiên tiến, tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, gắn liền với khuyến khích lợi ích vật chất, tinh thần cho cán bộ UBKT. Khuyến khích động viên quần chúng nhân dân trên địa bàn phát huy, thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội mà đối tượng trực tiếp là cán bộ UBKT.

Tỉnh ủy lãnh đạo nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các tổ chức CT - XH và mọi tổ chức, công dân trong xã hội về giải quyết KN, TC. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân cần

có sự đổi mới, tăng cường vận động, thuyết phục công dân chấp hành pháp luật và các quyết định giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Muốn vậy, cần đề cao trách nhiệm, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác giải quyết KN, TC, trước hết là nhờ vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, quản lý điều hành của chính quyền. Đồng thời, đối với các trường hợp lợi dụng tố cáo để kích động, gây rối thì phải tiến hành làm rõ, xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

Tuyên truyền, giáo dục nhân dân về ý thức trách nhiệm phải bằng sự làm gương, nêu gương của các cán bộ, công chức cơ quan UBKT. Các cấp chính quyền có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giải quyết KN, TC, phân công trách nhiệm một cách rõ ràng, cụ thể để giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc KN, TC. Thủ trưởng cơ quan UBKT thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ giải quyết KN, TC thuộc thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, các cơ quan nhà nước phải thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ khách quan, làm rõ nguyên nhân phát sinh tố cáo, kết luận rõ đúng, sai, đề ra phương án giải quyết phù hợp, có lý, có tình. Hình thức giáo dục cũng cần có sự đổi mới, chủ yếu thông qua các tổ chức có chức năng trong cả hệ thống chính trị và các phương tiện thông tin đại chúng. Các chủ trương của Đảng về công tác kiểm tra, về KN, TC cần được tuyên truyền bằng những hình thức phù hợp nhất trong từng nhóm xã hội, trong từng thời điểm phù hợp. Phải từ các tổ chức đảng, đảng viên thấm nhuần những quan điểm đường lối rồi giải thích tuyên truyền, vận động nhân dân, tạo điều kiện cho nhân dân tiếp nhận thông tin, nâng cao trình độ, hiểu biết và thực hiện việc KN, TC theo đúng quy định của pháp luật.

Để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy và cán bộ làm công tác kiểm tra của UBKT tỉnh ủy về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thường trực tỉnh ủy, BTVTU, các ủy viên UBKT tỉnh ủy cần thường xuyên quán triệt các chủ trương, nghị quyết, quy định của Ban chấp

hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, UBKT Trung ương về công tác kiểm tra nói chung và công tác giải quyết KN, TC nói riêng; đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, kết hợp trực tiếp và trực tuyến, kết hợp tổ chức hội nghị và hội thảo khoa học, tùy từng nội dung, đối tượng để có phương pháp, hình thức cho phù hợp, tránh rập khuôn, máy móc; khi quán triệt, triển khai các văn bản phải có định hướng chung, kết hợp nội dung cụ thể theo hướng cầm tay chỉ việc, rõ nội dung để tránh chung chung, khẩu hiệu, hình thức.

Tiếp tục thực hiện quy chế người phát ngôn, cung cấp thông tin về hoạt động kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, nhất là những vấn đề nhạy cảm, dư luận xã hội quan tâm trong xử lý kỷ luật đảng; xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của ủy ban kiểm tra với các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, xét xử, thi hành án. Thí điểm tổ chức họp báo sau mỗi kỳ họp của UBKT các cấp như UBKT Trung ương đang tiến hành hiện nay.

4.2.2. Xây dựng, hoàn thiện quy trình, thủ tục và chương trình, kế hoạch làm việc của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo phù hợp, hiệu quả

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết để lãnh đạo toàn diện, đồng bộ các mặt của công tác xây dựng Đảng và tổ chức thực hiện nhất quán từ Trung ương đến cơ sở. Tuy nhiên, trong các quy định, hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng có nội dung chưa bao quát hết những vấn đề mới phát sinh, về công tác giải quyết đơn thư KN, TC khi áp dụng còn lúng túng, vướng mắc, khó thực hiện. Việc thi hành Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp chưa nghiêm, hiệu quả còn hạn chế; việc giải quyết KN, TC còn vướng mắc nhất là trong giải quyết KN, TC liên quan đến đất đai ở Quảng Ninh, Ninh Bình, Hà Nam; giải quyết vấn đề liên quan đến công tác cán bộ, chế độ người có công với cách mạng ở Thái

Bình, Nam Định, Bắc Ninh. Trong một số trường hợp, UBKT cấp trên trực tiếp kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên thuộc thẩm quyền cấp ủy cấp dưới quản lý, giải quyết đơn thư còn chồng chéo giữa các cơ quan, quy trình chưa rõ thì việc thi hành kỷ luật còn gặp khó khăn, vướng mắc và phát sinh thêm thủ tục, thời gian kéo dài.

Chính vì vậy, cần xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy chế, quy trình kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng từ cơ sở đồng thời xây dựng, hoàn thiện quy trình, thủ tục và chương trình, kế hoạch làm việc của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy phù hợp, hiệu quả

Xây dựng, hoàn thiện quy trình, thủ tục và chương trình, kế hoạch làm việc của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy là nội dung quan trọng giúp UBKT tỉnh ủy có căn cứ để thực hiện giải quyết KN, TC đồng thời khi có chương trình kế hoạch UBKT tỉnh ủy sẽ chủ động, phân công công việc cụ thể cho các tổ chức, thành viên. Tỉnh ủy lãnh đạo UBKT xây dựng quy trình, thủ tục giải quyết KN, TC vừa không trái với văn bản của Trung ương, vừa phù hợp với thực tiễn công tác giải quyết KN, TC của từng tỉnh vì mỗi tỉnh có đặc điểm và số lượng các tổ chức đảng trực thuộc khác nhau, các tỉnh.

Trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Trung ương, tỉnh ủy, UBKT tỉnh ủy cần khẩn trương chỉ đạo việc rà soát, bổ sung vào các quy định, quy chế phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị.

Trong nhiệm kỳ công tác, hằng năm, UBKT tỉnh ủy phải đề ra phương hướng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm chất lượng, phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, tình hình thực tế ở tỉnh vì mỗi tỉnh có số tổ chức đảng trực thuộc và điều kiện KT-XH khác nhau và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt kết quả cao nhất theo mục tiêu yêu cầu đã đề ra. Phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế

hoạch kiểm tra của UBKT các cấp phải được điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng của đảng bộ trong từng thời kỳ. Để thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, vấn đề hết sức quan trọng và có ý nghĩa quyết định là phải không ngừng giáo dục nâng cao nhận thức cho các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên về vai trò, vị trí, ý nghĩa của công tác kiểm tra nói chung, giải quyết KN, TC nói riêng, tạo sự chuyển biến tích cực cả về nhận thức, ý chí và hành động trong toàn Đảng về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm này. Ủy ban kiểm tra các cấp có nhận thức đúng, với quyết tâm cao thì mới thực hiện có nền nếp và quan tâm giải quyết dứt điểm các vấn đề liên quan đến KN, TC tránh để kéo dài, phức tạp. Xác định nhiệm vụ trọng tâm này phải trở thành chế độ và được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc trong ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành nghiêm túc khi được kiểm tra, giải quyết KN, TC, tránh KN, TC vượt cấp.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy là cơ quan tham mưu giúp cấp ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, là cơ quan chuyên trách về công tác kiểm tra của Đảng, do đó phải chủ động tham mưu cho BTVTU xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, nội dung công tác kiểm tra toàn khóa, hàng năm. Chủ động xin ý kiến cấp ủy trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giải quyết KN, TC. Tỉnh ủy, BTVTU, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên nhận thức đúng đắn, đầy đủ về công tác kiểm tra, giải quyết KN, TC của Đảng, phân định rõ công tác kiểm tra của cấp ủy và công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra, từ đó giúp tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra và lãnh đạo trực tiếp ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện đúng nhiệm vụ kiểm tra theo quy định của Điều lệ Đảng.

Khả năng chủ động sáng tạo trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch của UBKT trong từng thời gian nhất định như quý, năm hay toàn khóa. Tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra theo nội dung, chương trình kế hoạch đã đề ra, trong đó thực hiện có hiệu quả năm nhiệm vụ kiểm tra của UBKT theo quy định của Điều lệ Đảng và nhiệm vụ do cấp ủy giao.

Cần thể chế hóa các văn bản theo tình hình địa phương đơn vị một số văn bản sau: Quyết định số 1084-QĐ/UBKTTW, ngày 05/12/2012 của UBKT Trung ương ban hành quy trình tiến hành công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng; Quyết định 1403-QĐ/UBKTTW, ngày 29/7/2013 của UBKT Trung ương ban hành ban hành “Hệ thống mẫu văn bản nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng”; Quy định số 14-QĐ/UBKTTW ngày 22/8/2014 của UBKT Trung ương quy định về việc tiếp nhận, xử lý đơn thư tiếp đảng viên và công dân; Quyết định số 89-QĐ/TW ngày 01/12/2022 của Ban Bí thư ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở... Khi xây dựng và hoàn thiện các quy trình trên phải tuân thủ các nguyên tắc như: nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; theo đúng quan điểm của Đảng và phương pháp công tác đảng.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng về tiếp dân và giải quyết đơn thư theo Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/05/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết KN, TC. Bổ sung hoàn thiện quy chế tiếp công dân, quy trình xử lý đơn thư KN, TC cho phù hợp. Có thể tham khảo Quy chế tiếp công dân tại trụ sở các Ban đảng của tỉnh ủy (đây là quy chế phối hợp giữa các Ban đảng trong công tác tiếp nhận và xử lý đơn thư tố cáo, khiếu nại); Nội quy tiếp công dân, giúp cho công dân biết rõ lịch tiếp công dân, quyền và nghĩa vụ của mình khi đến phòng tiếp dân; cài đặt và sử dụng có hiệu quả phần mềm “Theo dõi đơn thư”, đồng thời thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi kết quả xử lý đơn thư do các đơn vị gửi về.

Các cấp ủy, các UBKT tỉnh ủy đến huyện ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy phải thực hiện đúng các quy định, quy trình của Trung ương về thực hiện giải quyết KN, TC đối với đảng viên được nêu rõ trong Hướng dẫn số 02-HD/TW ngày 09/12/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thực hiện một

số nội dung quy định số 22-QĐi/TW, ngày 28/7//2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

4.2.3. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy và sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Ủy ban kiểm tra Trung ương

Phương thức lãnh đạo nói chung và phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Đảng nói riêng luôn được đổi mới phù hợp với thực tiễn cách mạng cho nên giải pháp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy và sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của UBKT Trung ương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác kiểm tra nói chung và công tác giải quyết đơn thư KN, TC nói riêng.

Trước hết cấp ủy phải coi trọng đúng mức công tác lý luận, tổng kết thực tiễn phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với UBKT. Tiếp tục tổ chức tốt nâng cao việc quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong toàn Đảng, trước hết là cấp ủy vị trí, vai trò của công tác kiểm tra, coi kiểm tra là một trong những phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phải hết sức coi trọng và tăng cường công tác kiểm tra việc ra nghị quyết, chỉ thị bảo đảm phù hợp với điều kiện mới và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết đồng thời không ngừng nâng cao trình độ lãnh đạo của cấp ủy, hiệu lực chỉ đạo của cấp ủy và tổ chức đảng các cấp.

Lãnh đạo công tác kiểm tra, công tác giải quyết đơn thư KN, TC phải được coi là công tác thường xuyên của cấp ủy đảng các cấp cũng như các tỉnh ủy ở ĐBSH. Cấp ủy lãnh đạo công tác kiểm tra trước hết phải từ khâu ra nghị quyết về công tác kiểm tra, vừa lãnh đạo vừa tổ chức thực hiện nghị quyết đó đồng thời lãnh đạo chỉ đạo công tác giải quyết đơn thư KN, TC kịp thời, chính xác và giải quyết dứt điểm, đúng thẩm quyền.

Trong lãnh đạo công tác giải quyết đơn thư KN, TC của tỉnh ủy ở ĐBSH cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

Triển khai, quán triệt các nội dung trong Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương và của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, BTV tỉnh ủy về công tác kiểm tra về công tác giải quyết đơn thư KN, TC nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của công tác kiểm tra. Xuất phát từ Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và thực tế của tỉnh để đề ra phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra của đảng bộ trong từng thời gian; lãnh đạo công tác xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, công tác giải quyết đơn thư KN, TC và phân công, tổ chức lực lượng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy cấp mình.

Lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức bộ máy, cán bộ và hoạt động của UBKT, xây dựng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kiểm tra.

Định kỳ nghe báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của UBKT tỉnh ủy theo quy chế làm việc và cho ý kiến chỉ đạo giải quyết những kiến nghị của tổ chức đảng cấp dưới. Lãnh đạo UBKT định kỳ sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra trong từng thời gian từ đó rút những kinh nghiệm trong công tác giải quyết đơn thư KN, TC.

Cùng với việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy thì UBKT Trung ương cần hướng dẫn cụ thể, giúp đỡ cấp dưới hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời thể hiện sự lãnh đạo song trùng với ủy ban kiểm tra. Ủy ban kiểm tra Trung ương cần tăng cường hơn nữa chức năng chỉ đạo hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ làm công tác kiểm tra để làm cho công tác kiểm tra ngay từ đầu nhiệm kỳ đạt kết quả tốt và đi vào nề nếp góp phần thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC .

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giải quyết KN, TC đảng viên của các UBKT các tỉnh ủy, UBKT Trung ương phải chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thường xuyên, chặt chẽ qua các cán bộ, chuyên viên theo dõi địa

bàn. Cần hướng dẫn các UBKT tỉnh ủy tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, trở ngại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhất là khi có sự ngăn cản, gây khó khăn của cấp ủy đối với UBKT trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Đối với những vụ việc KN, TC nhạy cảm, có tính phức tạp, nghiêm trọng, có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều đối tượng thì UBKT Trung ương cử cán bộ tham gia các đoàn giải quyết KN, TC.

Định kỳ hàng năm, UBKT tỉnh ủy kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của cấp ủy và UBKT huyện, thành phố, thị xã trong đó có nhiệm vụ giải quyết KN, TC, kịp thời phát hiện thiếu sót, khuyết điểm, hạn chế để nhắc nhở, chấn chỉnh. Qua đó, nắm bắt được tình hình KN, TC và giải quyết KN, TC, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, những vấn đề không còn phù hợp trong các quy định về KN, TC và giải quyết KN, TC trong Đảng, đề kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cho phù hợp.

4.2.4. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác kiểm tra và xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có cơ cấu hợp lý về trình độ chuyên môn, có phẩm chất chính trị tốt, đạo đức trong sáng

Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo bồi dưỡng UBKT tỉnh ủy theo hướng “thà ít mà tốt”, xứng đáng là cơ quan chuyên trách của cấp ủy; vừa có trách nhiệm nghiên cứu giúp tỉnh ủy, BTVTU đề ra được các chủ trương, quyết định đúng đắn, vừa có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, quyết định ấy trong thực tế.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy kiểm tra các cấp của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, coi trọng chất lượng, đảm bảo đủ số lượng. Tăng thêm quyền hạn cho ủy ban kiểm tra để cơ quan này có đủ thẩm quyền để kiểm tra đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp), kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm... Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra các cấp. Có chế độ, chính sách hợp lý đối với cán bộ kiểm tra tiến tới chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ kiểm tra ngay từ cấp cơ sở.

Cấp ủy các cấp cần tập trung chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ UBKT các cấp có đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, có phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, có bản lĩnh vững vàng. Nhiệm kỳ qua, tỉnh ủy, ban thường vụ các tỉnh ủy đã chỉ đạo cấp ủy, UBKT các cấp phối hợp với ban tổ chức cấp ủy cùng cấp chuẩn bị đề án nhân sự UBKT nhiệm kỳ 2020-2025 theo đúng Hướng dẫn số 08-HD/UBKTTW ngày 14/02/2020 của UBKT Trung ương về công tác nhân sự UBKT tại đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể:

Tiêu chuẩn đối với ủy viên UBKT các cấp vận dụng theo tiêu chuẩn cấp ủy viên cùng cấp được quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; đồng thời cần chú ý một số tiêu chuẩn sau: Có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, có nghiệp vụ, chuyên môn và hiểu biết về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Không đưa vào UBKT những người bản lĩnh chính trị không vững vàng; phẩm chất, năng lực, uy tín giảm sút; thiếu gương mẫu, mất đoàn kết, cục bộ, bè phái, cơ hội, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh; có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; chạy chức, chạy quyền, tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế, quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước, tiêu chuẩn chính trị và những điều đảng viên không được làm; quan liêu, cửa quyền, thiếu gần gũi mật thiết với nhân dân; bản thân hoặc vợ (chồng), con vi phạm các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, làm ảnh hưởng tới uy tín cơ quan, đơn vị, bản thân cán bộ; kết quả thực hiện nhiệm vụ không cao.

Bên cạnh đó, cấp ủy các cấp cần quan tâm xây dựng, hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn, tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, bổ nhiệm, bố trí, luân chuyển, sử dụng, khen thưởng, thực hiện các chế độ chính sách đối với đội

ngũ cán bộ chuyên trách công tác kiểm tra, giám sát từ cơ sở đến thành phố. Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra; chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ kiểm tra từ cấp quận, huyện trở lên để đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ kiểm tra các cấp.

Để từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có năng lực công tác, trình độ chuyên môn đáp ứng được các yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay, cấp ủy các cấp cần chú trọng các công tác sau:

Chú trọng công tác tuyển dụng cán bộ có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, trong đó chú ý đến tiêu chuẩn có bản lĩnh, tính chiến đấu, kinh nghiệm công tác. Chú trọng tuyển chọn cán bộ có trình độ chuyên môn sâu ở từng cơ quan, đơn vị, có kinh nghiệm tham gia cấp ủy, chi ủy, đảng ủy,... hoặc chú trọng vào đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất là cán bộ trong lực lượng vũ trang, đã từng làm công tác xây dựng Đảng.

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cấp ủy viên, cán bộ kiểm tra. Mỗi nhiệm kỳ, cấp ủy viên, cán bộ kiểm tra phải được tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, trong đó có nghiệp vụ giải quyết tố cáo đối với đảng viên. Hằng năm khi ban hành các quy định, hướng dẫn, quy chế, quy trình mới về công tác kiểm tra, giám sát, về giải quyết tố cáo trong Đảng, cấp ủy, UBKT các cấp phải tổ chức cho cấp ủy viên, cán bộ chủ chốt, cán bộ kiểm tra nghiên cứu, quán triệt học tập nắm vững để vận dụng thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát nói chung, nhiệm vụ giải quyết tố cáo nói riêng đối với đảng viên.

Chú trọng nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ kiểm tra nói chung, cán bộ giải quyết tố cáo nói riêng. Nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, nhất là kỹ năng thẩm tra, xác minh, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, phán đoán sự việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng thuyết phục cảm hóa con người, kỹ năng trình bày báo cáo vụ việc giải quyết tố cáo, kỹ

năng soạn thảo các văn bản về giải quyết tố cáo (chương trình, kế hoạch, báo cáo thẩm tra, xác minh, lập các biên bản làm việc, báo cáo kết quả giải quyết tố cáo, thông báo kết luận giải quyết tố cáo, quyết định kỷ luật). Bồi dưỡng kỹ năng tiếp cận người tố cáo và tiếp cận người bị tố cáo để tăng sự chia sẻ, thông cảm, có tinh thần hợp tác tốt vì mục đích chung, tránh được những định kiến, mặc cảm. Có thái độ đúng mực trong quan hệ, ứng xử có văn hóa với người tố cáo và cả người bị tố cáo để tránh việc hiểu lầm, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả giải quyết tố cáo.

Quan tâm đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện làm việc phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của UBKT tỉnh ủy. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở dữ liệu và nghiệp vụ công tác kiểm tra đảng. Tạo điều kiện về kinh phí hoạt động cho các đoàn kiểm tra; các trang thiết bị, phương tiện, điều kiện làm việc; kinh phí học tập, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và nhất là kinh phí cho hoạt động nghiên cứu, dự báo về công tác kiểm tra, giám sát.

4.2.5. Tăng cường sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Để công tác phối hợp đạt chất lượng, trước hết cần xây dựng, hoàn thiện và ban hành các quy chế phối hợp mang tính định hướng, thống nhất đối với công tác kiểm tra, giám sát của Trung ương, từ đó các tổ chức đảng cấp dưới, vận dụng, ban hành cụ thể hóa phù hợp với thực tiễn, chức năng nhiệm vụ của từng địa phương, cơ quan, đơn vị mình. Việc giải quyết KN, TC đối với đảng viên là một trong những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, vì vậy để công tác đạt hiệu quả cao, các ban thường vụ tỉnh ủy cần ban hành các quy chế phối hợp giữa UBKT cấp mình với các cơ quan liên quan trên địa bàn. Trước hết cần phối hợp tốt với các cơ quan có trách nhiệm trong việc tổ chức tiếp công dân, thực hiện nghiêm túc lịch tiếp công dân, việc đối thoại tại trụ

sở tiếp công dân ở địa phương, cơ sở. Việc tiếp nhận, xử lý đơn thư tố cáo luôn luôn phải được đảm bảo theo đúng quy trình, quy định, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, tránh chuyển đơn thư tố cáo lòng vòng giữa các cơ quan, tổ chức.

Các UBKT tỉnh ủy cần chủ động trong việc phối hợp với các ban đảng đối với hoạt động tham mưu, giúp tỉnh ủy ban hành các quy định liên quan đến việc giải quyết KN, TC nhất là đối với đảng viên thuộc diện quản lý. Cần quy định rõ mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội với cơ quan đảng trong việc xử lý KN, TC đối với cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên (phạm vi, nguyên tắc phối hợp; nội dung, trách nhiệm phối hợp: phương thức phối hợp; cách tổ chức cụ thể thực hiện việc phối hợp giữa các cơ quan với nhau...). Đảm bảo sự phối hợp được thực hiện dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy, chịu sự chỉ đạo của cấp ủy, nhất là các vụ việc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành và lĩnh vực nhạy cảm. Có thể kết hợp, sử dụng kết quả giải quyết của các tổ chức đối với cùng một vụ việc để giảm thời gian và tránh sự chồng chéo, thiếu thống nhất.

Trong nhiều trường hợp, cần phối hợp từ việc triển khai quyết định giải quyết KN, TC đến cung cấp thông tin, trung thực trong giải trình nội dung giải quyết KN, TC; trong công tác thẩm tra, xác minh cung cấp tài liệu thông tin, chứng cứ; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng thuộc quyền quản lý thực hiện các yêu cầu của đoàn giải quyết KN, TC và tạo điều kiện thuận lợi để đoàn làm việc. Phối hợp trong tổ chức các hoạt động sơ kết, tổng kết, qua đó có thể phê bình, góp ý kiến, thảo luận, xem xét, đánh giá, làm rõ đúng - sai đi đến kết luận được chính xác.

Việc thông báo các kết luận trong quá trình giải quyết KN, TC cần thiết phải có sự phối hợp giữa các UBKT tỉnh ủy với các tổ chức, cơ quan có thẩm quyền. Triển khai, tiến hành thông báo kết luận và giải quyết KN, TC kịp thời, đúng nguyên tắc cũng là một trong những giải pháp nhằm nâng cao chất

lượng, hiệu lực, hiệu quả giải quyết KN, TC. Khi thông báo kết quả giải quyết KN, TC cho đối tượng bị KN, TC cần tiến hành phối hợp với tổ chức đảng quản lý đối tượng bị KN, TC, đây là điều kiện giúp tổ chức đảng tiếp tục theo dõi, chỉ đạo, quản lý đối tượng bị KN, TC. Đồng thời, đây cũng chính là giải pháp thể hiện sự tôn trọng đối với tổ chức đảng và đảng viên.

Đối với những vụ việc phức tạp thì cấp uỷ phải chỉ đạo giải quyết xử lý triệt để, không để việc nhỏ trở thành lớn, việc đơn giản trở thành phức tạp, xử lý mọi vấn đề xuất phát trước hết vì cơ sở, do cơ sở và tại cơ sở. Thường xuyên nắm chắc tình hình không để xảy ra đột xuất bất ngờ, xử lý những vụ việc phức tạp mới nảy sinh ngay từ khi mới phát sinh và ngay từ cơ sở không để phát sinh thành điểm nóng, phức tạp.

Cần phát huy vai trò, trách nhiệm của MTTQ và các tổ chức CT - XH, đặc biệt là các tầng lớp nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Bộ Chính trị khóa XI đã ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội (theo Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013); “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền” (theo Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013) qua đó đã cụ thể hóa các quy định một cách chi tiết về giám sát và phản biện xã hội, tăng cường sự giám sát của người dân.

Tiếp tục thực hiện tốt các quy chế phối hợp với các cơ quan trong khối nội chính như thanh tra, nội vụ, tòa án, viện kiểm sát trong công tác kiểm tra, giám sát nói chung và giải quyết tố cáo đảng viên nói riêng. Phối hợp với ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng tiêu cực để nắm chắc nội dung, bản chất vấn đề khi giải quyết đơn thư KN, TC.

4.2.6. Thực hiện nghiêm, có hiệu quả phương pháp, hình thức tiến hành công tác kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng

Phương pháp và hình thức tiến hành công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo của ủy UBKT các cấp nói chung và của UBKT tỉnh ủy nói riêng có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng công tác giải quyết đơn thư KN, TC vì ngoài hình thức và phương pháp chung, trong công tác giải quyết đơn thư KN, TC phải tùy từng trường hợp, nội dung, đối tượng, địa bàn ... mà có hình thức và phương pháp cho phù hợp, tránh rập khuôn máy móc. Nội dung, phương pháp cơ bản khi tiến hành công tác kiểm tra, giải quyết KN, TC bao gồm: dựa vào tổ chức đảng và đảng viên; phát huy tinh thần tự giác, tự phê bình và phê bình của đảng viên và tổ chức cơ sở đảng; phát huy tinh thần xây dựng đảng của quần chúng; làm tốt việc thăm tra, xác minh; kết hợp công tác kiểm tra của đảng với thanh tra của Nhà nước, thanh tra nhân dân, công tác kiểm tra của các tổ chức, đoàn thể CT-XH và các ban ngành liên quan. Các phương pháp này phải được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả. Song mỗi UBKT tỉnh ủy phải vận dụng linh hoạt các hình thức, phương pháp công tác kiểm tra và không ngừng đổi mới cho phù hợp với địa phương, đơn vị.

Về cách tổ chức: Do quy định về tổ chức bộ máy, mỗi UBKT tỉnh, có từ 9 đến 11 ủy viên (cả kiêm chức) về cơ bản các UBKT tỉnh hoàn thành khá tốt nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, trước yêu cầu thực tiễn hiện nay, khối lượng công việc do UBKT cấp trên, cấp ủy cùng cấp và nhiệm vụ thường xuyên khá lớn nên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát nói chung, cũng như công tác giải quyết KN, TC đảng viên nói riêng.

Chính vì vậy, việc đổi mới cách thức tổ chức giải quyết KN, TC đảng viên là hết sức cần thiết. Hiện nay, các UBKT tỉnh ủy đều đã ban hành quy định về cách tổ chức thành lập tổ, đoàn giải quyết khiếu nại tố cáo đảng viên theo hướng mở và khá linh hoạt tùy thuộc đối tượng bị tố cáo, nội dung tố cáo để tổ chức cho phù hợp. Việc đổi mới cách tổ chức theo 03 hướng sau:

Thứ nhất, về thành phần đoàn gồm: Trưởng đoàn, phó trưởng đoàn (nếu có), thư ký đoàn và các thành viên. Số lượng thành viên từ 3 đến 5 người; trường hợp đặc biệt xin ý kiến chủ nhiệm UBKT.

Thứ hai, khi cần thiết, UBKT quyết định trung tập đảng viên là cán bộ của các cơ quan khác tham gia đoàn theo quy chế làm việc. Các đảng viên được trung tập phải am hiểu về nội dung mà đảng viên tố cáo.

Thứ ba, đối với đối tượng bị tố cáo là đảng viên công tác trong lực lượng vũ trang, khi thành lập đoàn phải thực hiện theo quy chế phối hợp đã ban hành.

Lưu ý, khi xác định đảng viên bị tố cáo vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì thực hiện quy trình kép và phối hợp thông tin, xử lý đảng viên theo quy định. Nếu đảng viên là công chức, viên chức thì phối hợp với chính quyền để xử lý đồng bộ kỷ luật về chính quyền, tránh phải tổ chức nhiều cuộc họp tốn kém thời gian, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức đảng nơi có đảng viên bị tố cáo.

** Về phương pháp:* Phải tuân thủ 05 phương pháp cơ bản của hoạt động kiểm tra giám sát, cụ thể: phải dựa vào tổ chức đảng; phát huy tinh thần tự giác của tổ chức đảng và đảng viên; phát huy trách nhiệm xây dựng Đảng của quần chúng; phối hợp tốt với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội có liên quan và coi trọng thực hiện phương pháp thẩm tra, xác minh.

Do tố cáo là một nội dung của công tác kiểm tra nên phải dùng phương pháp công tác đảng, phải tuân thủ nguyên tắc, quy định của Đảng. Tức là thực hiện đầy đủ quy trình nghiệp vụ, nguyên tắc, thủ tục trong kiểm tra đảng. Tuy nhiên, cũng căn cứ từng trường hợp cụ thể để vận dụng cho phù hợp, tránh dập khuôn máy móc, nhất là trong thẩm tra, xác minh vì đây là việc làm khó nhất và cũng là yếu tố quyết định nhất; thẩm tra, xác minh đầy đủ, rõ ràng, với bằng chứng xác thực là cơ sở để đấu tranh, thuyết phục, động viên đối

tượng nhận sai lầm khuyết điểm và cũng là căn cứ để kết luận được khách quan, chính xác.

Khi tiếp cận người KN, TC phải theo đúng quy định của Đảng, Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo và phải trân trọng và bảo vệ những người KN, TC tâm huyết, quyết tâm báo cáo với Đảng những vi phạm của cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng. Cần nghiêm cứu, phân tích, nắm bắt tâm lý, trình độ và những vấn đề liên quan để có phương pháp tiếp cận, ứng xử phù hợp. Cán bộ khi làm việc phải có thái độ rõ ràng với người KN, TC; tôn trọng, lắng nghe, ghi nhận những KN, TC khách quan; giải thích những nguyên tắc, chế độ, chính sách và pháp luật mà người KN, TC vì lý do nào đó chưa nhận thức đúng; tổ chức đảng có thẩm quyền phải kết luận đúng sai, trả lời người KN, TC đúng thời hạn; phê phán các biểu hiện thiếu nghiêm túc và có động cơ thiếu xây dựng của người tố cáo.

Lưu ý, trong thẩm tra xác minh vừa đặt trọng tâm làm rõ đúng, sai đối với người bị KN, TC, vừa phải lưu ý xem xét cả các đối tượng khác kể cả cá nhân, tổ chức có liên quan thì việc kết luận, xử lý mới thực sự khách quan, công bằng, chuẩn xác. Đồng thời, phải chú ý xem xét tư cách, phẩm chất, động cơ của người KN, TC để ngăn chặn tình trạng cố ý dùng quyền tố cáo để bôi nhọ cán bộ, gây rối tổ chức. Phải dùng phương pháp công tác đảng, trong nhiều trường hợp có thể vận dụng các kinh nghiệm nghiệp vụ của các cơ quan bảo vệ pháp luật nhưng tuyệt đối không được sử dụng các biện pháp trái với phương pháp công tác đảng, vi phạm nguyên tắc của đảng. Trong một số trường hợp cụ thể, để có thể có được chứng cứ xác thực, tổ kiểm tra đã trưng cầu giám định chuyên môn, kỹ thuật về những nội dung có liên quan, phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết. Quá trình giải quyết đơn tố cáo các UBKT tỉnh ủy đã chủ động kết hợp với kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm. Hoạt động này đã góp phần thực

hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát một cách toàn diện có chất lượng, hiệu quả hơn, phục vụ nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

4.2.7. Đề xuất chính sách, chế tài xử lý kỷ luật đảng nghiêm minh, chính xác, kịp thời, đảm bảo bình đẳng về quyền lợi đối với cán bộ, đảng viên

Phương châm xử lý kỷ luật, giải quyết KN, TC của Đảng là công minh, chính xác, kịp thời nhưng trên thực tế công tác kiểm tra ở UBKT tỉnh ủy các tỉnh ĐBSH vẫn còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong việc xác định các chế tài tiếp nhận, giải quyết và xử lý đơn thư KN, TC. Để khắc phục khó khăn, vướng mắc và hạn chế trên cần phải xây dựng và ban hành chính sách, xây dựng chế tài xử lý kỷ luật đảng để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương cần quy định được khung kỷ luật thống nhất đối với các loại vi phạm, vừa có chế tài cụ thể đối với từng vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên trong việc tố cáo sai, khiếu nại vượt cấp, khiếu nại nhiều lần không có nội dung mới; vừa bảo đảm tính nghiêm minh kỷ luật đảng vừa xử lý các vấn đề một cách có lý, có tình và phù hợp với tình hình thực tế địa phương cơ sở, vừa rõ ràng, dễ hiểu và dễ áp dụng.

Việc xử lý kỷ luật phải đảm bảo bình đẳng đối với mọi đảng viên trong đảng bộ, không được nhẹ trên, nặng dưới, một đảng viên ở vị trí càng cao đòi hỏi giữ đúng kỷ luật của đảng, càng phải làm gương cho các đảng viên và cho quần chúng noi theo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Về kỷ luật phải thưởng phạt phân minh, chớ vì ưa ai mà thưởng, ghét ai mà phạt, ai hợp với mình thì dùng, ai trái tính nói ngay thì bỏ” [106, tr.480].

Trong công tác kiểm tra, phải giữ vững mối quan hệ giữa khen thưởng và kỷ luật, khen thưởng và kỷ luật luôn đi cùng với nhau nhằm phát huy những ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm.

Đảng viên bị tố cáo vi phạm đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự phải xử lý theo quy định của pháp luật đề nghị các cấp ủy và đảng bộ các cấp không được giữ lại “để xử lý nội bộ”. Nếu bị tòa án có thẩm quyền tuyên phạt

từ cải tạo không giam giữ trở lên, khi bản án có hiệu lực thì phải bị khai trừ ra khỏi đảng, nếu bị xử phạt hành chính hoặc được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự thì tùy nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân vi phạm mà xem xét, thi hành kỷ luật một cách hợp lý.

Việc thi hành nghiêm kỷ luật đảng có tác dụng giáo dục, răn đe rất lớn. Khi bị kỷ luật hay xét xử, có những cán bộ cấp cao đã hối hận, xin lỗi tập thể và nhân dân vì đã làm những việc sai trái, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng và mong đồng chí, đồng đội không nên như mình. Đáng quý hơn là có không ít cán bộ, đảng viên từng mắc sai lầm, từng chịu kỷ luật Đảng nhưng đã kịp thời sửa chữa, khắc phục khuyết điểm; tiếp tục được tổ chức quan tâm, giúp đỡ, dìu dắt, rồi trưởng thành, phát triển; có người sau này được giữ các chức vụ quan trọng, cao cấp của Trung ương.

Không những vậy, việc kỷ luật trong Đảng còn góp phần cảnh tỉnh cả một thế hệ, hàng ngũ trong Đảng; giúp khắc phục, sửa chữa dứt điểm nhiều hạn chế, khuyết điểm trong mỗi tổ chức và từng cá nhân. Từ đó từng bước ngăn chặn và đẩy lùi tiêu cực, lập lại trật tự, kỷ cương trong Đảng, hệ thống chính trị và lan ra toàn xã hội. Cũng qua đó, tổ chức đảng kịp thời nhận diện, khắc phục được một số hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ, trong thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đã quan tâm, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng và năng lực công tác; chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn; có những đổi mới về lề lối và phong cách làm việc; nghiêm khắc hơn với bản thân trong sinh hoạt và công tác; tạo được uy tín đối với nhân dân.

Do vậy để nâng cao hơn nữa chất lượng kiểm tra, giám sát cũng như đảm bảo tính răn đe, giáo dục thì cần đề xuất chính sách, chế tài xử lý kỷ luật đảng nghiêm minh, chính xác, kịp thời, đảm bảo bình đẳng về quyền lợi đối với cán bộ, đảng viên.

4.2.8. Tăng cường sơ kết, tổng kết công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng

Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của UBKT tỉnh ủy nói chung và ở ĐBSH nói riêng có giá trị và ý nghĩa khi rút ra những bài học kinh nghiệm quý từ tổng kết thực tiễn, từ những vụ việc cụ thể, phức tạp sẽ có vai trò chỉ đạo hoạt động nhận thức và hoạt động tổ chức thực tiễn tiếp theo, gắn với định hướng nghiên cứu lý luận và định hướng chính sách. Do đó, về bản chất, tổng kết thực tiễn cũng là nghiên cứu lý luận. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế” [106, tr.273]; lý luận là do “kinh nghiệm từ trước và kinh nghiệm hiện nay gom góp phân tích và kết luận những kinh nghiệm đó thành ra lý luận”² [106, tr.312].

Kiểm tra, giám sát là những chức năng, phương thức lãnh đạo quan trọng gắn liền với mọi hoạt động lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng. Mục tiêu bao trùm của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng là phục vụ hoạt động lãnh đạo của Đảng, xây dựng chính đồn Đảng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương. Chính vì vậy, tỉnh ủy, Ban Thường vụ tỉnh ủy, UBKT tỉnh ủy cần coi trọng công tác kiểm tra, giám sát nói chung và việc giải quyết KN, TC đối với đảng viên nói riêng. Các quy định của Trung ương liên quan đến giải quyết KN, TC đảng viên cần được BTVTU, UBKT tỉnh ủy quan tâm thể chế hóa, cụ thể hóa cho phù hợp; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn đối với các cấp ủy, UBKT thành ủy (thành phố trực thuộc tỉnh) các tỉnh, huyện ủy cụ thể hóa quy định, quy trình giải quyết KN, TC đối với đảng viên phù hợp với thực tiễn tại địa phương, đơn vị.

Để nâng cao chất lượng giải quyết KN, TC đối với đảng viên, hàng năm hoặc nửa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ tỉnh ủy chỉ đạo UBKT tổ chức sơ kết, tổng kết chuyên đề về giải quyết tố cáo đối với đảng viên để đánh giá mặt được, mặt chưa được trọng việc thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tố cáo và giải quyết KN, TC; rút ra, phổ biến, trao đổi những bài học, kinh nghiệm thực tiễn trong việc giải quyết KN, TC.

Các UBKT tỉnh ủy cần đổi mới trong hoạt động sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ giải quyết KN, TC theo chuyên đề. Trên cơ sở đó, có chủ trương, giải pháp cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ giải quyết KN, TC sát hợp, có chất lượng, hiệu quả thiết thực cả ở tầm vĩ mô và vi mô, ở từng cấp, từng lĩnh vực, từng địa phương, đơn vị, cơ quan, tổ chức.

Thực hiện đúng tư tưởng chỉ đạo hành động khi tiến hành công tác kiểm tra: chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả.

Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác kiểm tra phải được tiến hành một cách chủ động góp phần thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo. Cấp ủy, cơ quan đảng và đảng viên phải có chương trình, kế hoạch kiểm tra ngay từ khâu trong công tác xây dựng Đảng, thực hiện kiểm tra cả tổ chức đảng và đảng viên.

Tính chiến đấu đòi hỏi khi kiểm tra, nếu phát hiện có vấn đề thì phải kiên quyết làm rõ đúng, sai và có biện pháp xử lý công minh, chính xác. Đồng thời đấu tranh quyết liệt đối với các hành vi tham ô, tham nhũng, chạy chức, chạy quyền, chạy tội và các biểu hiện tiêu cực khác.

Tính giáo dục đòi hỏi kiểm tra, giám sát, xử lý kỷ luật nhằm vào mục đích giáo dục, phòng ngừa xây dựng là chính song không được bỏ qua những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng ảnh hưởng đến công tác xây dựng Đảng.

Tính hiệu quả là kết quả của công tác kiểm tra, sau kiểm tra năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của xây dựng đảng, đảng viên phải được nâng lên, nhân dân ngày càng tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Tỉnh ủy, UBKT tỉnh ủy tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng; tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động đối với công tác kiểm tra, giám sát theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa X) và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng. Quá trình tổ chức quán triệt phải tạo được sự chuyển biến rõ nét về nhận thức trong mỗi cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; đề cao trách nhiệm của các tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

Tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của cấp ủy, tổ chức đảng, UBKT các cấp.

Các cấp ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị và các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhằm phát hiện nhân tố tích cực để nhân rộng; những chủ trương, chính sách chưa phù hợp để kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh; ngăn ngừa, hạn chế sai phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Chú trọng kiểm tra, giám sát việc cụ thể hoá, đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tập trung kiểm tra, giám sát những lĩnh vực thường xảy ra vi phạm, như lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý sử dụng đất đai, tài chính, nhất là những nơi có dấu hiệu mất đoàn kết nội bộ, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, công tác tổ chức cán bộ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy chủ động bám sát chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa của cấp ủy để tham mưu giúp cấp ủy xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm của ban thường vụ cấp ủy phù hợp với tình hình thực tế của mỗi địa phương, đơn vị. Thực hiện toàn diện, có chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định, trước hết là kiểm tra cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp mình quản lý; chủ động phát hiện và kịp thời kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, khi cần thiết có thể kiểm tra cách cấp. Trong đó, cần chú trọng kiểm tra, giám sát việc chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, Nghị quyết, chỉ thị của Đảng; việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn đoàn kết nội bộ; công tác cán bộ; những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí trên các lĩnh vực.

Tiểu kết chương 4

Công tác giải quyết đơn thư KN, TC có vị trí vô cùng quan trọng trong toàn bộ hoạt động lãnh đạo của Đảng. Kiểm tra và giữ gìn kỷ luật, giải quyết đơn thư KN, TC là nhiệm vụ của toàn Đảng. Để nâng cao chất lượng công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó cần tập trung vào các giải pháp như: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy và cán bộ làm công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; Xây dựng, hoàn thiện quy trình, thủ tục và chương trình, kế hoạch làm việc của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy phù hợp, hiệu quả; Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy và sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của ủy ban kiểm tra Trung ương; Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác kiểm tra; Tăng cường sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; Thực hiện nghiêm, có hiệu quả phương pháp, hình thức tiến hành công tác kiểm tra, giải

quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng; Đề xuất chính sách, chế tài xử lý kỷ luật đảng nghiêm minh, chính xác, kịp thời, đảm bảo bình đẳng về quyền lợi đối với cán bộ, đảng viên; Tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết công tác giải quyết đơn thư KN, TC của ủy UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

KẾT LUẬN

Sau khi phân tích dự báo những thuận lợi và khó khăn của công tác kiểm tra, giám sát cũng như việc giải quyết đơn thư KN, TC trong thời gian tới, đề tài đã đề cập đến các giải pháp cụ thể, khả thi nhằm thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC đối với UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH. Đây là hệ thống những giải pháp sát với yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của UBKT. Đồng thời, những giải pháp về nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, BTVTU về công tác giải quyết đơn thư KN, TC; xây dựng và hoàn thiện quy trình thủ tục về công tác giải quyết đơn thư KN, TC; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, đảm bảo tính toàn diện cho các chủ thể như tỉnh ủy, UBKT tỉnh ủy và UBKT Trung ương. Hệ thống giải pháp này xuất phát từ quá trình thực hiện công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

Từ kết quả nghiên cứu công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH, luận án đạt được các kết quả quan trọng, chủ yếu sau đây:

1. Luận án đã tổng quan có hệ thống, khái quát kết quả nghiên cứu của những công trình trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận. Trên cơ sở đó, tác giả xác định rõ những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu để tăng cường công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

2. Luận án sử dụng hiệu quả các phương pháp nghiên cứu của ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước trên cơ sở phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin để luận giải, làm rõ hệ thống những vấn đề lý luận về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH. Xây dựng hệ thống khái niệm, xác định rõ những nội dung, phương thức, quy trình về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

3. Luận án nghiên cứu, phân tích, làm sáng tỏ thực trạng công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH, xác định rõ những ưu điểm,

hạn chế, phân tích nguyên nhân và rút ra những kinh nghiệm về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH.

4. Qua phân tích thực trạng, xác định nguyên nhân và kinh nghiệm, luận án đã phân tích những nhân tố tác động và yêu cầu thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH thời gian tới. Luận án tập trung phân tích 8 giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm tăng cường công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH, các giải pháp này có giá trị đến năm 2035.

5. Từ hệ thống lý luận và thực tiễn về công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy, có thể khẳng định công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH là cần thiết, nhằm góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch vững mạnh, góp phần giúp ổn định chính trị, tạo niềm tin trong nhân dân đồng thời giải quyết dứt điểm những hạn chế trong công tác giải quyết đơn thư KN, TC của UBKT tỉnh ủy ở ĐBSH thời gian qua.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đồng Anh (2021), *Sáu chiến dịch lớn chống tham nhũng: Thành tựu mới trong việc xây dựng một Trung Quốc trong sạch*, Tạp chí Trường Đảng Hàng Châu, Trung Quốc.
2. Ban Bí thư (2018), Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy, Hà Nội.
3. Ban Bí thư (2018), Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương (2022), Quy định số 69-QĐi/TW ngày 06/7/2022 của về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, Hà Nội.
5. Ban Bí thư (2022), Quyết định số 89-QĐ/TW ngày 01/12/2022 về ban hành quy trình kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng của cấp ủy tỉnh và tương đương đến cơ sở, Hà Nội.
6. Ban Bí thư (2022), Kết luận số 23-KL/TW ngày 10/12/2021 về tiếp tục đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ kiểm tra các cấp sang công tác ở các ngành, các cấp và luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý các ngành, các cấp về làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Trung ương, Quy định số 05-QĐi/TW ngày 28/08/2018 của về việc kết nạp người vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình vào Đảng, Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Trung ương (2021), Quy định số 22-QĐi/TW ngày 28/7/2021, Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng, Hà Nội.
9. Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương tổng kết thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW

và pháp luật về khiếu nại, tố cáo (2012), *Tài liệu Hội nghị tổng kết thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW của Ban Bí thư và pháp luật về khiếu nại, tố cáo*, tập I, Hà Nội.

10. Ban Chỉ đạo Tổng kết lý luận (2005), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Ban Chỉ đạo Trung ương sáu (2003), *Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương sáu (lần 2) khóa VIII về đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng, lãng phí*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Ban Chỉ đạo Trung ương sáu (2004), *Kinh nghiệm và giải pháp xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí rút ra từ các vụ án kinh tế - xã hội và kết quả thanh tra, kiểm tra*, Kỷ yếu hội thảo, Hà Nội.
13. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (2010), *Báo cáo số 70-BC/BCĐ, ngày 09/12/2010 tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng trong nhiệm kỳ Đại hội X*, Hà Nội.
14. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (2011), *Báo cáo số 01-BC/BCĐ, ngày 28/01/2011 về kết quả công tác phòng, chống tham nhũng năm 2010 và phương hướng nhiệm vụ năm 2011*, Hà Nội.
15. Ban Nội chính Trung ương (2005), *Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của một số nước trên thế giới*, (Sách tham khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh (2020), *Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Bắc Ninh.
17. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Nam (2020), *Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Hà Nam.
18. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Dương (2020), *Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Hải Dương.

19. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên (2020), *Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Hưng Yên.
20. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh (2020), *Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Quảng Ninh.
21. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nam Định (2020), *Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Nam Định.
22. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình (2020), *Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Ninh Bình.
23. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Bình (2020), *Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Thái Bình.
24. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc (2020), *Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng nhiệm kỳ 2015 – 2020*, Vĩnh Phúc.
25. Bộ Chính trị (2007), Quyết định số 58-QĐ/TW, ngày 07-5-2007 ban hành *Quy chế về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ*, Hà Nội.
26. Bộ Chính trị (2008), *Quy trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, thi hành kỷ luật đối với đảng viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương thay thế Quy trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, thi hành kỷ luật đối với đảng viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành tại Quyết định số 174-QĐ/TW, ngày 08-7-2008 của Bộ Chính trị (ban hành kèm theo Quyết định số 195-QĐ/TW, ngày 19-11-2008)*, Hà Nội.
27. Bộ Chính trị (2008), *Thông báo Kết luận số 130-TB/TW, ngày 10-1-2008 về tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
28. Bộ Chính trị, *Quy định số 10-QĐ/TW, ngày 12-12-2018 “về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
29. Bộ Chính trị (2010), *Kết luận số 72-KL/TW, ngày 17-5-2010 về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2020*, Hà Nội.

30. Bộ Chính trị (2010), *Quy chế đánh giá cán bộ, công chức* (ban hành kèm theo Quyết định số 286-QĐ/TW, ngày 08-02-2010), Hà Nội.
31. Bộ Chính trị (2010), *Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư* (ban hành kèm theo Quyết định số 321-QĐ/TW, ngày 06-8-2010), Hà Nội.
32. Bộ Chính trị (2011), *Thông báo Kết luận số 68-TB/TW, ngày 30-12-2011 sơ kết trên 4 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng*, Hà Nội.
33. Bộ Chính trị (2012), *Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 24-02-2012 về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"*, Hà Nội.
34. Bộ Chính trị (2013), *Quy định số 181-QĐ/TW, ngày 30-3-2013 về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm*, Hà Nội.
35. Bộ Chính trị (2013), *Quy định giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý* (ban hành kèm theo Quyết định số 210-QĐ/TW, ngày 08-11-2013), Hà Nội.
36. Bộ Chính trị, *Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 của về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm*.
37. Berry (2004), *Organisational culture: a framework and strategies for facilitating employee whistleblowing (Văn hóa tổ chức: Một khuôn khổ và các chiến lược để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tố cáo của người lao động)*, Tạp chí Quyền và trách nhiệm của người lao động.
38. Nguyễn Ngọc Bích (2021), *khiếu nại, tố cáo trong bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 5 (429), tháng 3, tr.3-7.
39. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

40. Nguyễn Văn Chi (2008), *Công tác kiểm tra, giám sát góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Chính phủ (2008), *Báo cáo số 135/BC/CP, ngày 19/9/2008 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2008*, (Báo cáo Quốc hội), Hà Nội.
42. Chính phủ (2009), *Báo cáo số 157/BC/CP, ngày 02/10/2009 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2009*, (Báo cáo Quốc hội), Hà Nội.
43. Chính phủ (2010), *Báo cáo số 103/BC/CP, ngày 01/9/2010 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2010*, (Báo cáo Quốc hội), Hà Nội.
44. Chính phủ (2013), *Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, ngày 17/7/2013 về minh bạch tài sản, thu nhập*, Hà Nội.
45. Chính phủ (2022), Quyết định 492/QĐ-TTg, ngày 19/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ “phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”
46. Trường Chinh (1962), *Công tác tư tưởng của Đảng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
47. Bùi Mạnh Cường, Nguyễn Thị Tố Uyên (Sưu tầm và tuyển chọn) (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
48. Đỗ Hùng Cường (2015), *Ngăn chặn, phòng ngừa sai phạm về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Nguyễn Minh Cường (2021), *Kinh nghiệm giải quyết đơn, thư tố cáo, khiếu nại của Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long*, Tạp chí Kiểm tra, (7), tr.8-10.
50. Kim Dương (2016), *Kinh nghiệm giải quyết đơn, thư tố cáo ở Đảng bộ tỉnh Trà Vinh*, Tạp chí Kiểm tra, (11).
51. Vũ Duy Duân (2014), *Giải quyết khiếu nại, tố cáo - Phương thức bảo đảm pháp chế và kỷ luật trong quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý hành chính công, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.
52. Mai Văn Duân (2015), *Kinh nghiệm bảo vệ người tố cáo của Hàn Quốc*, Tạp chí Thanh tra, (10).

53. Mai Văn Duẩn (2016), *Bàn về các biện pháp bảo vệ người tố cáo*, Tạp chí Thanh tra, (1).
54. Trần Văn Duy (2017), *Giải pháp hoàn thiện cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay*, Tạp chí Thanh tra, (3).
55. Lê Tiến Đạt (2021), *Bảo vệ người tố cáo theo pháp luật hành chính ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Điều lệ (thông qua tại Đại hội biểu toàn quốc lần thứ XI)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

67. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
68. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
69. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
70. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
71. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Nghị quyết 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về “phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.
72. Đào bua la Pha Ba Vông Phết (2017), chất lượng công tác kiểm tra của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào trong giai đoạn hiện nay, Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
73. Trương Quang Được (2002), *Công tác dân vận trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân*, Tạp chí Dân vận.
74. Edwin Felter (2003), *Complaint resolution system of the US administration (Hệ thống giải quyết khiếu kiện hành chính ở Hoa Kỳ)*, Senior Judge Administrative Law, Administrative Court Colorado.
75. Tống Thế Gia (2006), *Một số bài học từ thực tiễn giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ở thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Cộng sản.
76. Lê Duy Hà (2018), *Thực hiện pháp luật về khiếu nại hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, Việt Nam*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
77. Nguyễn Thị Thúy Hà (2023), *Xác định đối tượng khiếu nại hành chính - Thực trạng và giải pháp*, Hà Nội.

78. Nguyễn Hạnh (2005), *Hoàn thiện thủ tục pháp lý về giải quyết khiếu nại của công dân*, Luận án tiến sĩ Luật, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
79. Nguyễn Đức Hạnh (2016), *Nỗ lực đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo*, Tạp chí Thanh tra, (11).
80. Lê Tiến Hào (Chủ nhiệm) (2011), *khiếu nại, tố cáo hành chính - Cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp*, Đề tài độc lập cấp nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Hà Nội.
81. Nguyễn Thị Thu Hằng (2018), *Một số vướng mắc về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, (3).
82. Thu Hằng (2018), *Hòa Bình với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo*, Tạp chí Thanh tra, (5).
83. Thu Hoài (2015), *Giải quyết dứt điểm đơn thư tố cáo trước đại hội đảng bộ các cấp*, Tạp chí Kiểm tra (10).
84. Quỳnh Hoa (2020), *Đắc Nông coi trọng giải quyết khiếu nại, tố cáo chuẩn bị cho đại hội đảng bộ các cấp*, Tạp chí Xây dựng Đảng, số 6, tr.28-29.
85. Nguyễn Quốc Hiệp (2013), *Một số kinh nghiệm về khiếu nại và giải quyết khiếu nại hành chính tại Nhật Bản*, <http://csnd.vn>, ngày 29/8/2013.
86. Nguyễn Ngọc Hiếu (2015), *Một số vấn đề rút ra khi tiến hành giải quyết các vụ tố cáo phức tạp nghiêm trọng*, Tạp chí Thanh tra, (6).
87. Dương Văn Huế (2016), *Một số kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo*, Tạp chí Thanh tra, (12).
88. Nguyễn Thị Huyền (2017), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Thái Bình*, Tạp chí Thanh tra, (6)
89. Ngô Mạnh Hùng (2018), *Một số vấn đề về bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng*, Tạp chí Thanh tra, (2).

90. Jean Michel De Forges (2002), *Droit administratif (Luật hành chính)*, Nxb. Presses Universitaires de France - PUF.
91. Nguyễn Tuấn Khanh (Chủ nhiệm) (2011), *Trách nhiệm pháp lý của chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng*, Đề tài khoa học cấp bộ, Thanh tra Chính phủ, Hà Nội.
92. Nguyễn Tuấn Khanh (2015), *Trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước trong thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng*, Đề tài khoa học cấp bộ, Thanh tra Chính phủ, Hà Nội.
93. Nguyễn Tuấn Khanh (Chủ nhiệm) (2017), *Quản lý nhà nước về công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học cấp bộ, Thanh tra Chính phủ.
94. Nguyễn Văn Kim (Chủ nhiệm) (2011), *Xử lý hành vi vi phạm Luật khiếu nại, tố cáo - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Thanh tra Chính phủ, Hà Nội.
95. Lê Quang Kiệm (2015), *Rèn luyện kỹ năng giao tiếp của cán bộ làm công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo theo gương Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Tạp chí Thanh tra, (5).
96. Phương Linh (2016), *Kinh nghiệm phòng chống tham nhũng ở Hồng Kông (Trung Quốc): Đồng bộ giải pháp, quyết liệt thực thi*, Tạp chí Kiểm tra, (7), tr.58-60.
97. Phương Linh (2016), *Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng của Phần Lan: Dân chủ, bình đẳng, công khai*, Tạp chí Kiểm tra, (2), tr.57-60.
98. Phạm Văn Long (2016), *Vài nét về tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân tại Thanh tra Bộ Công an*, Tạp chí Thanh tra.
99. Trần Văn Long (2017), *Giám sát công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính ở nước ta hiện nay - Thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ, Thanh tra Chính phủ, Hà Nội.

100. Trần Văn Long (2018), *Nâng cao hiệu quả công tác giám sát giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính ở nước ta*, Tạp chí Thanh tra, (2).
101. V.I.Lênin - I.V.Xtalin (1974), *Về dân chủ là kỷ luật trong Đảng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
102. V.I.Lênin (1998), *Bàn về kiểm kê, kiểm soát*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
103. Văn Tiến Mai (2012), *Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng của Thanh tra Chính phủ*, Đề tài khoa học cấp bộ, Thanh tra Chính phủ, Hà Nội.
104. Nguyễn Văn Mạnh (Chủ nhiệm) (2001), *Giải quyết khiếu tố cáo của nhân dân - Thực trạng và những bài học kinh nghiệm*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
105. Michael Adler, Christopher Farrell, Steven Finch, Jane Lewis, Dan Philo (2006), *Administrative Grievances: A developmental Study (Khiếu kiện hành chính: Nghiên cứu phát triển)*.
106. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
107. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
108. Đinh Văn Minh (2018), *Bàn về tố cáo nặc danh và xử lý tố cáo nặc danh*, Tạp chí Thanh tra.
109. Võ Nguyên Nam (2013), *Kinh nghiệm giải quyết tố cáo đối với đảng viên*, Tạp chí Kiểm tra.
110. Phạm Thành Nam (2017), *Chất lượng công tác kiểm tra của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy ở đồng bằng sông Hồng hiện nay*, Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

111. Đặng Thị Kim Ngân (2018), *Về cơ chế khuyến khích người dân thực hiện quyền tố cáo ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Cộng sản.
112. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2004), *Các nghị quyết của Trung ương Đảng 2001 - 2004*, (Sách phục vụ thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội X), Hà Nội.
113. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2004), *Xây dựng đảng cầm quyền: Kinh nghiệm của Việt Nam - Kinh nghiệm của Trung Quốc*, Hội thảo lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc, Hà Nội.
114. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2004), *Sách tra cứu các mục từ về tổ chức*, Hà Nội.
115. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2005), *Một số văn bản của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội.
116. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2005), *Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 1*, Hà Nội.
117. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam*, Hà Nội.
118. Nhà xuất bản Công an nhân dân (2005), *Từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
119. Nhà xuất bản Sự thật (1970), *Bộ Quốc triều hình luật*, Hà Nội.
120. Nhà xuất bản Thanh tra (2002), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác Thanh tra*, Hà Nội.
121. Nhà xuất bản Thông tấn (2006), *Học cách chống tham nhũng - Kinh nghiệm của báo chí nước ngoài*, Hà Nội.
122. Nhà xuất bản Tư pháp (2006), *Các quy định pháp luật về khiếu nại, tố cáo và thanh tra*, Hà Nội.
123. Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa - Nxb Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Hà Nội.

124. Quốc hội (2005), *Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
125. Quốc hội (2005), *Luật Thanh tra*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
126. Quốc hội (2012), *Luật Khiếu nại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
127. Quốc hội (2012), *Luật Tố cáo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
128. Đinh Thị Quỳnh (2020), *Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong giải quyết khiếu nại, tố cáo ở tỉnh Phú Yên*, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 288 (tháng 1), tr.99-102.
129. Trương Á Như (2021), *Khảo sát lịch sử và gợi mở hiện thực của công cuộc chống tham nhũng bằng thể chế của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Tạp chí Hướng dẫn lý luận, Trung Quốc, (7).
130. Nguyễn Thị Kim Oanh (2016), *Nâng cao hiệu quả các biện pháp bảo vệ người tố cáo*, Tạp chí Thanh tra, (6).
131. Trần Văn Sơn (2007), *Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo*.
132. Nguyễn Công Soái (2009), *Thành uỷ Hà Nội chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng gắn với giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo*” .
133. Bùi Nguyên Sứ (2007), *Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo*, Đề tài khoa học cấp bộ, Thanh tra Chính phủ, Hà Nội.
134. Kim Thanh (2018), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo*, Tạp chí Thanh tra, (5).
135. Nguyễn Ngọc Thắng (2016), *Kinh nghiệm của tỉnh Đồng Nai trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo*, Tạp chí Thanh tra, (11).
136. Phạm Hồng Thái, Vũ Công Giao, Đặng Minh Tuấn, Nguyễn Minh Tuấn (đồng chủ biên) (2017), *Hoàn thiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
137. Nguyễn Xuân Thông (2017), *Thực hiện quy trình kép trong giải quyết tố cáo*, Tạp chí Kiểm tra, (9).

138. Cao Văn Thông (2013), *Kinh nghiệm và giải pháp giải quyết tố cáo trong Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
139. Cao Văn Thông (2020), *Tập trung giải quyết tố cáo phục vụ tốt đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng*, Tạp chí Kiểm tra, (4), tr.6-9.
140. Cao Văn Thông (2022), *Nâng cao vai trò của cấp ủy đảng trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo*, Nxb. Chính trị sự thật, Hà Nội.
141. Cao Văn Thông, Đỗ Xuân Tuất, Dương Trung Ý (đồng chủ biên) (2016), *Giải pháp nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
142. Nguyễn Thế Thuần (2012), *Hiệu quả pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ở Việt Nam*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
143. Nguyễn Thị Hồng Thúy (2018), *Quy định về bảo vệ người tố cáo ở một số quốc gia trên thế giới và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo vệ người tố cáo ở Việt Nam*, Tạp chí Thanh tra, (3).
144. Lê Thị Thúy (2016), *Sự phối hợp giữa cơ quan thanh tra và cơ quan kiểm tra đảng trong việc xử lý tố cáo cán bộ, công chức và đảng viên*, Tạp chí Thanh tra, (9).
145. Nguyễn Thanh Thủy (2018), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi hành án dân sự*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 3, tr.20-22.
146. Mai Trục (Chủ biên) (2015), *Đấu tranh chống biểu hiện lệch lạc trong thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
147. Trương Tuấn (2015), *Vấn đề chống tham nhũng dưới góc nhìn triết học*, Học báo Học viện Văn Sơn, Văn Nam, Trung Quốc, (1), tr.87-89.
148. Nguyễn Minh Tuấn, PGS, TS Trần Khắc Việt (2018), *350 thuật ngữ Xây dựng Đảng*; Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.

149. Nguyễn Quang Tuyền (2013), *Kinh nghiệm của một số nước về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất*, Bản tin Thông tin khoa học lập pháp, (01).
150. Ngô Mạnh Toàn (2007), *Hoàn thiện pháp luật khiếu nại, tố cáo trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam*.
151. Trần Ánh Tuyết (2021), *Vấn đề xây dựng Đảng Cộng sản Trung Quốc từ sau Đại hội XIII và gợi mở đối với Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam, Hà Nội.
152. Ủy ban kiểm tra Trung ương (2020), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo giai đoạn 2015-2020*, Hà Nội.
153. Ủy ban kiểm tra Trung ương Trung ương (2012), *Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng* (Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ), Nxb Tài chính, Hà Nội.
154. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2016), *Quyết định số 357-QĐ/UBKTTW, ngày 04/11/2016 về Ban hành mẫu báo cáo thống kê số lượng kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Hà Nội.
155. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2022), *Quyết định số 855-QĐ/UBKTTW, ngày 29/12/2022 về Ban hành mẫu báo cáo thống kê số lượng kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Hà Nội.
156. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2012), *Kế hoạch số 52-HD/UBKTTW, ngày 23/3/2012 thực hiện Thông báo kết luận của Bộ Chính trị sơ kết trên 4 năm thực hiện nghị quyết Trung ương 6 (khoá X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng*, Hà Nội.
157. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2019), *Quy định số 13-QĐ/UBKTTW, ngày 23/9/2019 về tiếp nhận, xử lý đơn thư, tiếp đảng viên và công dân*, Hà Nội.
158. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2019), *Quy định số 1195-QĐ/UBKTTW, ngày 25/6/2019 về ban hành quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với đảng viên*, Hà Nội.

159. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2022), Quy định số 06-QĐ/UBKTTW, ngày 20/12/2022 về quản lý, khai thác, sử dụng phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, Hà Nội.
160. Ủy ban Kiểm tra Trung ương (2022), Hướng dẫn số 13-HD/UBKTTW, ngày 07/12/2022 về việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu quốc hội khóa xv và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp, Hà Nội.
161. Nguyễn Quốc Văn, Vũ Công Giao (2017), *Bảo vệ người tố cáo trong pháp luật Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
162. Hồng Vĩ (2009), *Tham nhũng và biện pháp chống tham nhũng ở Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
163. Đặng Kiêm Vĩ, Trương Diễm (2016), *Cách thức nâng cao độ minh bạch của chính phủ - Phương pháp gợi ý của Xingapo*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á (tiếng Trung) (2), tr.49-56.
164. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2011), *Cơ chế đảm bảo và bảo vệ quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
165. Viện Nghiên cứu con người (2020), “*Nâng cao hiệu quả công tác thực hiện quy chế dân chủ, giải quyết KN, TC của các cấp, các ngành và đổi mới, công khai, minh bạch về quản lý tài chính trong các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp*”, Hà Nội.
166. Phạm Lê Xuất (2017), *Kinh nghiệm xử lý các đoàn khiếu nại, tố cáo đông người tại Thanh tra Bộ Công an*, Tạp chí Thanh tra, (11).
167. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trần Quang Công (2018), “*Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ đảng viên*”, Tạp chí Việt Nam hội nhập, ISSN:2525-250X, số 59, tháng 7-2018, tr.38-41.
2. Trần Quang Công (2018), “*Xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược trong điều kiện mới ở nước ta hiện nay*”, Tạp chí Giáo dục lý luận, ISSN:0868-3492, số 277-278, tháng 8-2018, tr.29-34.
3. Trần Quang Công (2018), “*Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ thôn ở Thái Bình*”, Tạp chí Việt Nam hội nhập, ISSN:2525-250X, số 64, tháng 9-2018, tr.55-57.
4. Trần Quang Công (2018), “*Giáo trình kỹ năng lãnh đạo, quản lý*”, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
5. Tran Quang Cong (2021), “*Protection of denunciators under the current law of VietNam*”, the journal Sociosphere, The science State publishing centre Sociosphere 2021, ISSN: 2078-7081, No. 3, 2021, pp. 143 - 151.
6. Trần Quang Công (2022), “*Một số kinh nghiệm trong công tác kiểm tra, giám sát của Đảng bộ tỉnh Thái Bình*”, Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị, ISSN:2354-1040, số 8(90), tr.95-99.
7. Trần Quang Công (2022), “*Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh Thái Bình*”, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
8. Trần Quang Công (2022), “*Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp ở tỉnh Thái Bình hiện nay*”, Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị, ISSN:2354-1040, số 12(94), tr.90-94.
9. Trần Quang Công, (2022), “*Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo ở Việt Nam hiện nay*”, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, ISSN:1859-3917, số 9/2022, tr.247-251.

10. Trần Quang Công (2022), *“Tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong các bài giảng môn Xây dựng Đảng thuộc chương trình trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Bình”*, Hội thảo khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr.533-536.

11. Tran Quang Cong (2023), *“The settlement of complaint and denunciation by the provincial party committee’s inspection commissions in VietNam today”*, the journal Sociosphere, The science State publishing centre Sociosphere 2023, ISSN: 2078-7081, No. 1, 2023, pp.87 - 94.

PHỤ LỤC 1

MẪU PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI TỔ CÁO VÀ

GIẢI QUYẾT TỔ CÁO CỦA CÁC ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở

ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN

VÀ KINH NGHIỆM

(Dành cho các đồng chí là cán bộ lãnh đạo diện ban thường vụ tỉnh ủy quản lý ở
Đồng bằng sông Hồng)

Để có những thông tin cần thiết làm cơ sở nghiên cứu, xác định phương hướng, tìm giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và giải quyết tố cáo của các ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong những năm tới, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau đây:

Cách trả lời: phiếu điều tra sẽ được tổng hợp chung, do đó đồng chí không cần cho biết tên; đề nghị đồng chí đọc kỹ câu hỏi và đánh dấu (X) và ô vuông (□) bên cạnh đối với những ý kiến phù hợp với suy nghĩ và yêu cầu của câu hỏi.

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1.1. Đồng chí có thể cho biết vị trí công tác của mình tại cơ quan?

1. Lãnh đạo

1.2. Giới tính của đồng chí là? 1. Nam 2. Nữ

1.3. Năm sinh của đồng chí là?

1.4. Đồng chí cho biết thâm niên công tác tại cơ quan đang công tác của mình là?năm

1.5. Trình độ học vấn cao nhất của đồng chí là gì?

1. Dưới đại học/cao đẳng 4. Tiến sỹ
2. Đại học/cao đẳng 5. Khác (ghi rõ.....)
3. Thạc sỹ

1.6. Trình độ lý luận chính trị hiện tại của đồng chí?

1. Sơ cấp lý luận chính trị 3. Cao cấp lý luận chính trị
2. Trung cấp lý luận chính trị 4. Chưa được đào tạo lý luận chính trị

1.7. Đồng chí hãy cho biết kết quả đánh giá, xếp loại của mình qua các năm?

Xếp loại	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1	2	3
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	1	2	3
Hoàn thành nhiệm vụ	1	2	3
Không hoàn thành nhiệm vụ	1	2	3

**PHẦN II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC
GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI TỔ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỔ
CÁO CỦA CÁC ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG
SÔNG HỒNG**

Câu 1: Xin đồng chí vui lòng cho biết sự quan tâm của cấp ủy trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo?

Rất quan tâm ☐

Quan tâm ☐

Không quan tâm ☐

Câu 2: Xin đồng chí vui lòng cho biết tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo ở địa phương hiện nay thế nào?

Ngày càng tăng ☐ Tăng không đáng kể ☐

Giảm so với trước ☐ Không tăng và không giảm ☐

Câu 3: Đồng chí vui lòng cho biết số lượng đảng viên bị xử lý kỷ luật ở địa phương hiện nay?

Nhiều hơn so với trước ☐

Không tăng và không giảm ☐

Giảm hơn nhiều ☐

Câu 4: Đồng chí vui lòng cho biết tình hình tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật ở địa phương trong thời gian qua?

Số lượng ngày càng tăng ☐

Số lượng giảm so với trước ☐

Câu 5: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về công tác tuyên truyền thực hiện luật khiếu nại, tố cáo của đảng viên hiện nay?

Thường xuyên ☐

Thỉnh thoảng ☐

Không tuyên truyền ☐

Câu 6: Đồng chí đánh giá như thế nào về việc tiếp nhận giải quyết đơn thư khiếu nại hiện nay?

Rất tốt ☐

Tốt ☐

Bình thường ☐

Không tốt ☐

Câu 7: Đồng chí đánh giá như thế nào về việc tiếp nhận giải quyết đơn thư tố cáo hiện nay?

Rất tốt ☐

Tốt ☐

Bình thường ☐

Không tốt ☐

Câu 8: Đồng chí đánh giá như thế nào về quy trình các bước giải quyết giải quyết đơn thư tố cáo hiện nay?

Chặt chẽ ☐

Cần sửa đổi, bổ sung ☐

Câu 9: Đồng chí đánh giá như thế nào về quy trình các bước giải quyết giải quyết đơn thư khiếu nại hiện nay?

Chặt chẽ ☐

Cần sửa đổi, bổ sung ☐

Câu 10: Đồng chí đánh giá như thế nào về chất lượng đội ngũ cán bộ của cơ quan ủy ban kiểm tra tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay?

Rất tốt ☐

Tốt ☐

Bình thường ☐

Không tốt ☐

Câu 11: Đồng chí đánh giá như thế nào về trách nhiệm của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy về giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo hiện nay?

Rất tốt ☐

Tốt ☐

Bình thường ☐

Không tốt ☐

Trân trọng cảm ơn sự nhiệt tình tham gia ý kiến của đồng chí !

PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP TRUNG CẦU Ý KIẾN VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO CỦA CÁC ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

(Dành cho các đồng chí là cán bộ lãnh đạo diện ban thường vụ tỉnh ủy quản lý ở Đồng bằng sông Hồng)

Để có những thông tin cần thiết làm cơ sở nghiên cứu, xác định phương hướng, tìm giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và giải quyết tố cáo của các ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong những năm tới, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau đây:

Cách trả lời: phiếu điều tra sẽ được tổng hợp chung, do đó đồng chí không cần cho biết tên; đề nghị đồng chí đọc kỹ câu hỏi và đánh dấu (X) và ô vuông (□) bên cạnh đối với những ý kiến phù hợp với suy nghĩ và yêu cầu của câu hỏi.

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1.1. Đồng chí có thể cho biết vị trí công tác của mình tại cơ quan?

	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Lãnh đạo	30	33.3
2. Lãnh đạo cấp phòng	60	66.7

2. Giới tính của đồng chí là?

	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Nam	50	55.5
2. Nữ	40	44.5
Tổng	90	100.0

1.3. Năm sinh của đồng chí là?

Năm sinh	Số phiếu	Tỷ lệ
1963	1	1.1
1964	0	0
1965	3	3.3
1966	1	1.1
1967	3	3.3
1968	1	1.1
1969	6	6.7
1970	5	5.6
1971	5	5.6
1972	3	3.3
1973	4	4.4
1974	8	8.9
1975	4	4.4
1976	7	7.8
1977	4	4.4
1978	5	5.6

Năm sinh	Số phiếu	Tỷ lệ
1979	7	7.8
1980	5	5.6
1981	2	2.2
1982	3	3.3
1983	3	3.3
1984	3	3.3
1985	3	4.4
1986	1	1.1
1987	2	2.2
1988	1	1.1
1989	0	0
1990	0	0
1991	0	0
1992	0	0
1993	0	0
1994	0	0

1.4. Thâm niên công tác của đồng chí tại cơ quan hiện nay?

Năm	Số phiếu	Tỷ lệ
5	3	3.3
6	4	4.4
7	3	3.3
8	4	4.4
9	7	7.8
10	4	4.4
11	5	5.6
12	4	4.4

Năm	Số phiếu	Tỷ lệ
14	8	8.9
15	4	4.4
16	7	7.8
17	4	4.4
18	8	8.9
19	7	7.8
20	7	7.8
21	4	4.4

13	5	5.6
----	---	-----

22	2	2.2
----	---	-----

1.5. Trình độ học vấn cao nhất của đồng chí là gì?

Trình độ	Số phiếu	Tỷ lệ
Đại học/cao đẳng	35	38.9
Thạc sĩ, Tiến sĩ	55	61.1
Tổng	90	100.0

1.6. Trình độ lý luận chính trị hiện tại của đồng chí ?

Trình độ	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Sơ cấp lý luận chính trị	0	0.0
2. Trung cấp lý luận chính trị	9	10.0
3. Cao cấp lý luận chính trị	81	90.0
4. Chưa được đào tạo lý luận chính trị	0	0.0
Tổng	90	100.0

1.7. Đồng chí hãy cho biết kết quả đánh giá, xếp loại của mình qua các năm?

Xếp loại	Tỷ lệ		
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	33.3	34.4	38.8
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	63.6	63.6	61.2
Hoàn thành nhiệm vụ	1.1	0	0
Không hoàn thành nhiệm vụ	0	0	0

PHẦN II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI TỔ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỔ

CÁO CỦA CÁC ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Câu 1: Xin đồng chí vui lòng cho biết sự quan tâm của cấp ủy trong việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo?

Mức độ quan tâm	Số phiếu	Tỷ lệ
Rất quan tâm	55	61.1
Quan tâm	35	38.9
Không quan tâm	0	0
Tổng	90	100.0

Câu 2: Xin đồng chí vui lòng cho biết tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo ở địa phương hiện nay thế nào?

Mức độ quan tâm	Số phiếu	Tỷ lệ
Ngày càng tăng	45	50.0
Tăng không đáng kể	37	41.1
Giảm so với trước	6	6.7
Không tăng và không giảm	2	2.2
Tổng	90	100.0

Câu 3: Đồng chí vui lòng cho biết số lượng đảng viên bị xử lý kỷ luật ở địa phương hiện nay?

Số đảng viên bị xử lý kỷ luật	Số phiếu	Tỷ lệ
Nhiều hơn so với trước	70	77.8
Giảm hơn nhiều	15	16.6
Không tăng và không giảm	5	5.6
Tổng	90	100.0

Câu 4: Đồng chí vui lòng cho biết tình hình tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật ở địa phương trong thời gian qua?

Tình hình tổ chức đảng bị xử lý kỷ luật	Số phiếu	Tỷ lệ
Không tăng và không giảm	5	5.6

Số lượng ngày càng tăng	65	72.2
Số lượng giảm so với trước	20	22.2
Tổng	90	100.0

Câu 5: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về công tác tuyên truyền thực hiện luật khiếu nại, tố cáo của đảng viên hiện nay?

Công tác tuyên truyền thực hiện luật khiếu nại, tố cáo	Số phiếu	Tỷ lệ
Thường xuyên	80	88.9
Thỉnh thoảng	10	11.1
Không tuyên truyền	0	0
Tổng	90	100.0

Câu 6: Đồng chí đánh giá như thế nào về việc tiếp nhận giải quyết đơn thư khiếu nại hiện nay?

Việc tiếp nhận giải quyết đơn thư khiếu nại hiện nay	Số phiếu	Tỷ lệ
Rất tốt	70	77.8
Tốt	9	10
Bình thường	10	11.1
Không tốt	1	1.1
Tổng	90	100.0

Câu 7: Đồng chí đánh giá như thế nào về việc tiếp nhận giải quyết đơn thư tố cáo hiện nay?

Việc tiếp nhận giải quyết đơn thư tố cáo hiện nay	Số phiếu	Tỷ lệ
Rất tốt	71	78.9

Tốt	18	20
Bình thường	1	1.1
Không tốt	0	0
Tổng	90	100.0

Câu 8: Đồng chí đánh giá như thế nào về quy trình các bước giải quyết giải quyết đơn thư tố cáo hiện nay?

Đánh giá về quy trình các bước giải quyết giải quyết đơn thư tố cáo hiện nay	Số phiếu	Tỷ lệ
Chặt chẽ	55	61.1
Cần sửa đổi, bổ sung	35	38.9
Tổng	90	100.0

Câu 9: Đồng chí đánh giá như thế nào về quy trình các bước giải quyết giải quyết đơn thư khiếu nại hiện nay?

Đánh giá về quy trình các bước giải quyết giải quyết đơn thư khiếu nại hiện nay	Số phiếu	Tỷ lệ
Chặt chẽ	60	66.7
Cần sửa đổi, bổ sung	30	33.3
Tổng	90	100.0

Câu 10: Đồng chí đánh giá như thế nào về chất lượng đội ngũ cán bộ của cơ quan ủy ban kiểm tra tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay?

Chất lượng đội ngũ cán bộ của cơ quan ủy ban kiểm tra tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo	Số phiếu	Tỷ lệ
Rất tốt	61	67.8
Tốt	16	17.7

Bình thường	9	10.0
Không tốt	4	4.5
Tổng	90	100.0

Câu 11: Đồng chí đánh giá như thế nào về trách nhiệm của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy về giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo hiện nay?

Trách nhiệm của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy về giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo	Số phiếu	Tỷ lệ
Rất tốt	68	75.6
Tốt	15	16.6
Bình thường	5	5.6
Không tốt	2	2.2
Tổng	90	100.0

Nguồn: Tác giả luận án tổng hợp

PHỤ LỤC 3

MẪU PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO CỦA CÁC ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

(Dành cho đảng viên đảng bộ tỉnh ở Đồng bằng sông Hồng)

Để có những thông tin cần thiết làm cơ sở nghiên cứu, xác định phương hướng, tìm giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo và giải quyết tố cáo của các ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng

sông Hồng đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong những năm tới, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau đây:

Cách trả lời: phiếu điều tra sẽ được tổng hợp chung, do đó đồng chí không cần cho biết tên; đề nghị đồng chí đọc kỹ câu hỏi và đánh dấu (X) và ô vuông (□) bên cạnh đối với những ý kiến phù hợp với suy nghĩ và yêu cầu của câu hỏi.

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1.1. Đồng chí có thể cho biết vị trí công tác của mình tại cơ quan?

1. Lãnh đạo 2. Lãnh đạo cấp phòng
3. Chuyên viên

1.2. Giới tính của đồng chí là? 1. Nam 2. Nữ

1.3. Năm sinh của đồng chí là?

1.4. Đồng chí cho biết thâm niên công tác tại cơ quan đang công tác của mình là?năm

1.5. Trình độ học vấn cao nhất của đồng chí là gì?

6. Dưới đại học/cao đẳng 9. Tiến sỹ
7. Đại học/cao đẳng 10. Khác (ghi rõ.....)
8. Thạc sỹ

1.6. Trình độ lý luận chính trị hiện tại của đồng chí ?

5. Sơ cấp lý luận chính trị 7. Cao cấp lý luận chính trị
6. Trung cấp lý luận chính trị 8. Chưa được đào tạo lý luận chính trị

1.7. Đồng chí hãy cho biết kết quả đánh giá, xếp loại của mình qua các năm?

Xếp loại	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	1	2	3

Hoàn thành tốt nhiệm vụ	1	2	3
Hoàn thành nhiệm vụ	1	2	3
Không hoàn thành nhiệm vụ	1	2	3

PHẦN II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO CỦA CÁC ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Câu 1: Đồng chí được tuyên truyền việc thực hiện luật khiếu nại, luật tố cáo bằng hình thức nào?

- Qua báo, đài phát thanh ☐ Qua hội nghị quán triệt ☐
 Qua đài phát thanh ☐ Tự tìm hiểu ☐

Câu 2: Đồng chí đánh giá thế nào về tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo hiện nay?

- Nhiều sự việc phức tạp ☐ Số lượng giảm ☐
 Số lượng ngày càng nhiều ☐

Câu 3: Đồng chí đánh giá thế nào về số lượng đảng viên bị kỷ luật hiện nay?

- Số lượng ngày càng nhiều ☐ Số lượng giảm ☐

Câu 4: Đồng chí đánh giá thế nào về số lượng tổ chức đảng bị kỷ luật hiện nay?

- Số lượng ngày càng nhiều ☐ Số lượng giảm ☐

Câu 5: Đồng chí đánh giá thế nào về hình thức xem xét kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng vi phạm hiện nay?

- Rất phù hợp ☐ Không phù hợp ☐
 Phù hợp ☐

Câu 6: Đồng chí đánh giá thế nào về quy trình các bước giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo hiện nay?

Rất phù hợp ☐ Không phù hợp ☐

Phù hợp ☐ Cần sửa đổi, bổ sung ☐

Câu 7: Đồng chí đánh giá thế nào về việc tiếp công dân để giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay?

Rất tốt ☐ Tốt ☐

Bình thường ☐ Không tốt ☐

Câu 8: Đồng chí có giải pháp nào để nâng cao chất lượng công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay?

.....

Trân trọng cảm ơn sự nhiệt tình tham gia ý kiến của đồng chí !

PHỤ LỤC 4

TỔNG HỢP PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

VỀ CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO CỦA CÁC ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

(Dành cho đảng viên đảng bộ tỉnh ở Đồng bằng sông Hồng)

Để có những thông tin cần thiết làm cơ sở nghiên cứu, xác định phương hướng, tìm giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư khiếu

nại tố cáo và giải quyết tố cáo của các ủy ban kiểm tra tỉnh ủy ở Đồng bằng sông Hồng đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong những năm tới, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau đây:

Cách trả lời: phiếu điều tra sẽ được tổng hợp chung, do đó đồng chí không cần cho biết tên; đề nghị đồng chí đọc kỹ câu hỏi và đánh dấu (X) và ô vuông (□) bên cạnh đối với những ý kiến phù hợp với suy nghĩ và yêu cầu của câu hỏi.

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1.1. Đồng chí có thể cho biết vị trí công tác của mình tại cơ quan?

	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Lãnh đạo	55	28.0
2. Lãnh đạo cấp phòng	95	48.5
3. Chuyên viên	46	23.5
Tổng	196	100.0

1.2. Giới tính của đồng chí là?

	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Nam	120	61.2
2. Nữ	76	38.8
Tổng	196	100.0

1.3. Năm sinh của đồng chí là?

Năm sinh	Số phiếu	Tỷ lệ
1963	1	0.5
1964	2	1.0
1965	4	2.0
1966	1	0.5
1967	3	1.5
1968	7	3.5

Năm sinh	Số phiếu	Tỷ lệ
1979	6	3.0
1980	7	3.5
1981	6	3.0
1982	12	6.1
1983	10	5.1
1984	5	2.5

1969	6	3.0
1970	10	5.1
1971	6	3.0
1972	8	4.0
1973	9	4.5
1974	5	2.5
1975	12	6.1
1976	8	4.0
1977	5	2.5
1978	4	2.0

1985	9	4.5
1986	1	0.5
1987	2	1.0
1988	0	0
1989	1	0.5
1990	0	0
1991	0	0
1992	0	0
1993	0	0
1994	0	0

1.4. Thâm niên công tác tại cơ quan hiện nay?

Năm	Số phiếu	Tỷ lệ
3	6	3.0
4	4	2.0
5	8	4.0
6	9	4.5
7	7	3.5
8	12	6.1
9	11	5.6
10	14	7.1
11	11	5.6
12	14	7.1
13	12	6.1

Năm	Số phiếu	Tỷ lệ
14	16	8.1
15	9	4.5
16	8	4.0
17	11	5.6
18	10	5.1
19	6	3.0
20	6	3.0
21	8	4.0
22	5	2.5
23	4	2.0
24	5	2.5

1.5. Trình độ học vấn cao nhất của đồng chí là gì?

Trình độ	Số phiếu	Tỷ lệ
Đại học/cao đẳng	121	61.7
Thạc sĩ, Tiến sĩ	75	38.3
Tổng	196	100.0

1.6. Trình độ lý luận chính trị hiện tại của đồng chí ?

Trình độ	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Sơ cấp lý luận chính trị	55	28.1
2. Trung cấp lý luận chính trị	93	47.4
3. Cao cấp lý luận chính trị	48	24.5
4. Chưa được đào tạo lý luận chính trị	0	0.0
Tổng	196	100.0

1.7. Đồng chí hãy cho biết kết quả đánh giá, xếp loại của mình qua các năm?

Xếp loại	Tỷ lệ		
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	33.3	34.4	38.8
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	63.6	63.6	61.2
Hoàn thành nhiệm vụ	1.1	0	0
Không hoàn thành nhiệm vụ	0	0	0

PHẦN II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI TỔ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO CỦA CÁC ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Câu 1: Đồng chí được tuyên truyền việc thực hiện luật khiếu nại, luật tố cáo bằng hình thức nào?

Hình thức được tuyên truyền việc thực hiện luật khuyến nãi, luật tố cáo	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Qua báo, đài phát thanh	93	47.4
2. Qua hội nghị quán triệt	55	28.1
3. Qua đài phát thanh	48	24.5
4. Tự tìm hiểu	0	0.0
Tổng	196	100.0

Câu 2: Đồng chí đánh giá thế nào về tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo hiện nay?

Tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo hiện nay	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Nhiều sự việc phức tạp	101	51.5
2. Số lượng giảm	39	19.9
3. Số lượng ngày càng nhiều	56	28.6
Tổng	196	100.0

Câu 3: Đồng chí đánh giá thế nào về số lượng đảng viên bị kỷ luật hiện nay?

Số lượng đảng viên bị kỷ luật hiện nay	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Số lượng ngày càng nhiều	157	80.1
2. Số lượng giảm	39	19.9
Tổng	196	100.0

Câu 4: Đồng chí đánh giá thế nào về số lượng tổ chức đảng bị kỷ luật hiện nay?

Số lượng tổ chức đảng bị kỷ luật hiện nay	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Số lượng ngày càng nhiều	150	76.5
2. Số lượng giảm	46	23.5
Tổng	196	100.0

Câu 5: Đồng chí đánh giá thế nào về hình thức xem xét kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng vi phạm hiện nay?

Đánh giá hình thức xem xét kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng vi phạm hiện nay	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Rất phù hợp	109	55.6
2. Phù hợp	48	24.5
3. Không phù hợp	39	19.9
Tổng	196	100.0

Câu 6: Đồng chí đánh giá thế nào về quy trình các bước giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo hiện nay?

Đánh giá quy trình các bước giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo hiện nay	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Rất phù hợp	83	42.3
2. Phù hợp	55	28.1
3. Không phù hợp	48	24.5
4. Cần sửa đổi, bổ sung	10	5.1
Tổng	196	100.0

Câu 7: Đồng chí đánh giá thế nào về việc tiếp công dân để giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay?

Đánh giá việc tiếp công dân để giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay	Số phiếu	Tỷ lệ
1. Rất tốt	56	28.6
2. Tốt	103	52.5
3. Bình thường	21	10.7
4. Không tốt	16	8.2
Tổng	196	100.0

Câu 8: Đồng chí có giải pháp nào để nâng cao chất lượng công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay?

Có 15 phiếu trả lời bổ sung nội dung câu 8, với 6 nhóm giải pháp gồm:

Hoàn thiện quy chế, quy định cho phù hợp với thực tiễn;

Nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác kiểm tra và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Tập trung lãnh đạo giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại.

Tăng cường phối hợp, vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm trong tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo cũng như lợi dụng tố cáo để hẹ bệ, bôi nhọ nhau.

Quan tâm chăm lo lợi ích phù hợp với cán bộ tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

Nguồn: Tác giả luận án tổng hợp